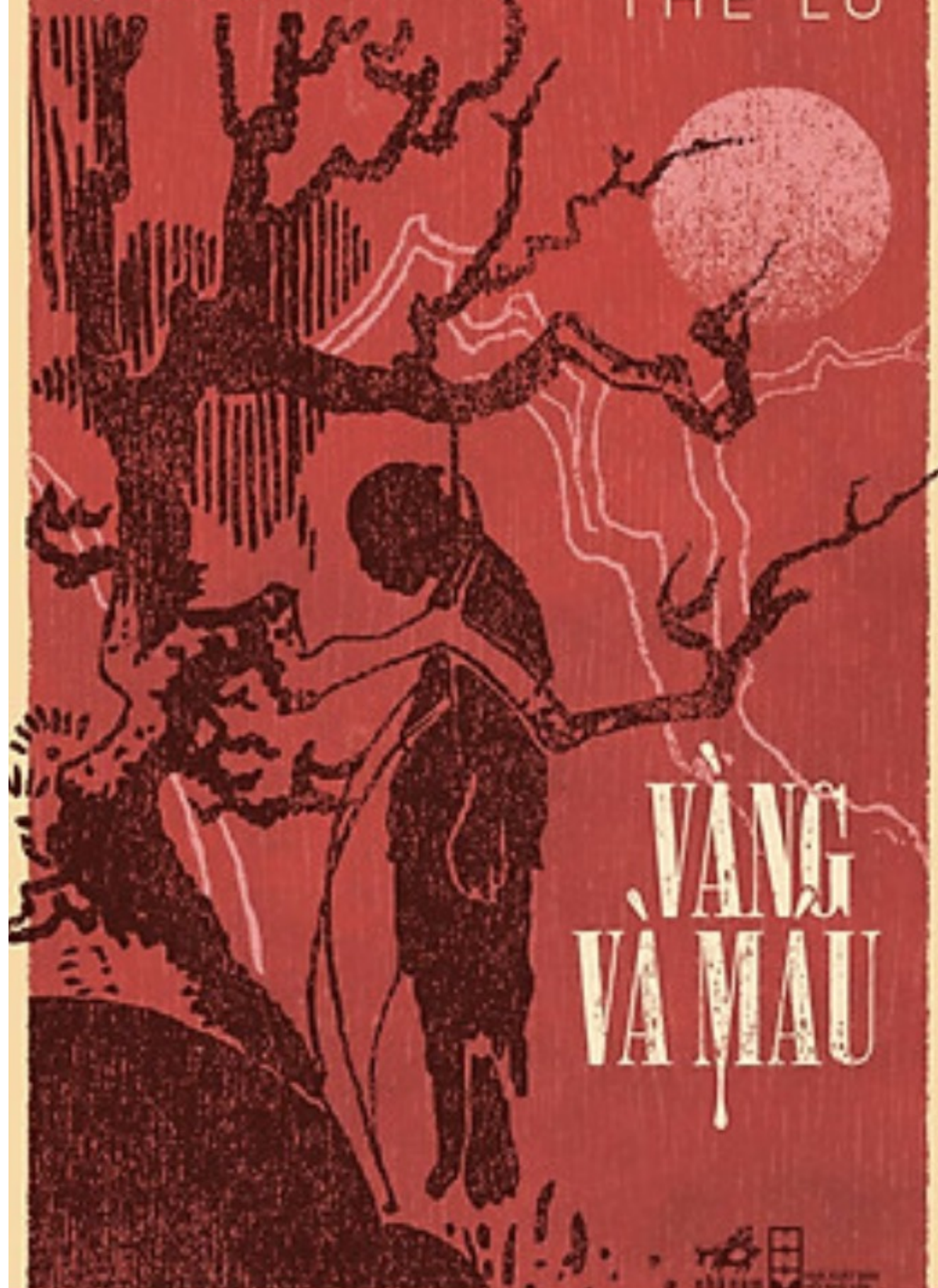


việtnam DANH TÁC

THẾ LŨ



VÀNG
VÀ MÁU

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

VÀNG VÀ MÁU

Tác giả: Thế Lữ

Với những câu chuyện phiêu lưu đường rừng, vụ án hay khám phá bí ẩn, có phần ma quái, hay những truyện trinh thám kiểu Sherlockholme, Thế Lữ từng được mệnh danh là nhà viết truyện trinh thám đầu tiên của Việt Nam. Xen lẫn màu sắc bí hiểm của toàn bộ tập truyện, lại có những câu chuyện rất tình cảm, nhân văn.

Tập truyện này gồm 4 truyện nhỏ: **Vàng và Máu, Một Đêm Trăng, Con Châu Châu Tre, Ma Xuống Thang Gác**

THƯ VIỆN EBOOK





THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

VÀNG VÀ MÁU

Chương 1

Kể từ châu Kao Lâm ở phía đông và miền bản Slay ở phía tây mà đến, từ mạn bản Pắc đi xuống, và từ bản Hạ trở lên, cách non mười dặm chung quanh chỉ có quả núi đá Văn Dú là cao lớn nhất.

Sừng sững giữa trời, bao quát đôi cây gò đất, núi ấy trông dường bệ hách dịch như đứng làm chúa tể cho cả một vùng phong cảnh hoang vu. Dân Thổ^[1] ở các làng gần đó, ngày nào cũng trông thấy ngọn núi mù mù lam tím, nhô lên trên những hàng rừng xanh chi chít um tùm.

Những buổi hoàng hôn bóng chiều soi riêng một phía cũng như các ngày ủ dột âm u, Văn Dú lại hiện ra với một vẻ riêng oai linh và màu nhiệm.

Đối với ngọn núi lớn, người Thổ không chỉ có tấm lòng kính cẩn phảng phất đối với mọi cảnh bát ngát cao cả, họ còn sợ hãi Văn Dú như một vật có tri giác, có quyền phép làm hại người. Ở những miền quanh đó và trong thời bấy giờ, ai nói tới Văn Dú là một sự gở lạ. Họ chỉ gọi đến tên quả núi trong những khi tức giận nhau mà chửi rửa hay những khi thề bồi. Một người say rượu lớn tiếng xúc phạm đến Văn Dú cũng đủ làm cho khắp cả một châu biết đến tên mình; họ thuật lại những lời nói và cử chỉ của anh ta một cách e dè, nhưng đó là thứ chuyện họ ưa nghe ưa kể nhất.

Núi Văn Dú có một cái hang lớn. Đó là nơi chứa những tai hoạ ghê gớm cho giống người Thổ và là cái nguồn những sự khủng khiếp và những chuyện kinh hoàng. Người ta gọi hang là hang Thần, vì đó là chỗ thần núi ở.

Thần núi Văn Dú linh thiêng lắm, lại rất độc ác và hay nghi ngờ. Người nào hoặc vô tình, hoặc cả gan đến gần thần núi là bị thần hang bắt vào giết đi. Cho nên từ Văn Dú trở ra chừng hai ba dặm chỉ toàn thấy rừng xác, đất hoang; người Thổ không dám đến khai phá để cày cấy.

Trong một năm có nhiều khi trời đất đang yên bỗng ùng ùng một cơn sấm sét. Trên không gió vù, chớp loáng như gươm thiêng vung tít; cây cối vật vã tan nát, người vật lo sợ mất hồn. Khắp mọi nhà đều khua gõ inh ỏi cùng với các bà then thầy pháp kêu khẩn cho đến khi nguôi cơn. Nhưng thế mới đỡ tai hoạ.

Lại nhiều khi, sau một hồi giông tố dữ dội, mây đen biến hết, ánh nắng lại soi xuống; bấy giờ trên đỉnh núi chập chờn một tầng khói phủ dần dần bay đi. Trong đám hơi trắng mà người ta bảo là nộ khí của thần hang, có người nói rằng thường trông thấy những hình bóng kỳ dị.

Trong trí tưởng tượng của người Thổ thì cửa hang Thần trông như mồm con yêu hay hổ quái gỡ. Cái mồm ấy phun ra những hơi độc làm thành dịch tễ, gió bão dễ phá huỷ các làng. Trước cửa hang Thần, người thì bảo có toàn đầu lâu, người thì bảo có đủ các rắn rết. Lại có người khoe đã nằm mơ vào tận trong hang xem. Qua khỏi những chỗ nguy hiểm rồi thì đến nơi ruộng nương tươi tốt, suối chảy thông dong, cây lá rườm rà, bò lợn từng đàn ăn trên những bãi cỏ xanh non, lại có các nàng tiên nhón nhơ chần dặt. Song cái tấm ảnh đào nguyên kia, người ta cũng cho là một cảnh mai mỉa không thể làm dịu được vẻ độc ác của núi Văn Dú gây nên bởi những truyện phao truyền từ trước đến giờ.

Những người già cả trong làng thì cho rằng hang Thần hoá thiêng là vì trong đó chôn cất không biết bao nhiêu thầy của quân giặc Khách. Bọn giặc này sang tàn phá nước Nam khi trước bị quân ta đuổi riết, túng thế ản vào Văn Dú rồi bị hãm chết đói trong hang. Đứa nào cũng mang theo rất nhiều vàng đã cướp của dân lành. Nay những của ấy hãy còn, nhưng chúng thành thần để giữ lấy.

Về đời ông cha họ thì dân cư vẫn thường cấy cày được ở gần hang Văn Dú; bấy giờ những tai hoạ chưa có mấy, nhưng mỗi khi sục sùi mưa gió lại văng vẳng như có tiếng khóc thảm thiết lẫn với tiếng cười gằn; chốc chốc một cơn gió là là mặt đất chạy qua, cửa hang bỗng gầm rít lên một cách giận dữ.

Gần làng kia thuộc châu Kao Lâm có một cái suối chảy đến. Suối phát nguyên từ Văn Dú và chạy ngang mặt đông bắc quả núi, là phía hang Thần trông ra. Như thế là một sự nguy khốn cho làng ấy. Đã có một hồi, muốn phòng những tai nạn, người ta đặt ra lệ tế thần Văn Dú hàng năm. Vật hy sinh là một người con gái đẹp. Tiếng oán khóc của các cha mẹ những người gái trinh bị giết quăng xuống suối nghe bi thảm đầy trời đất, nhưng không hề cảm được lòng những dân làng độc ác vì ngu dại kia.

May sao được mấy năm sau, có một ông quan trấn người Kinh nghiêm cấm không cho giết người như thế nữa.

Về sau họ thấy trong châu động dữ và đã mấy phen toan giữ lại lệ xưa nhưng đều không thành.

Song cái tục vô đạo này tuy mất đi, cái linh thiêng của tà thần Văn Dú mỗi ngày một lớn, lòng mê muội và khiếp sợ của người miền ấy ngày một tăng thêm. Bao nhiêu điều huyền bí ngày một ly kỳ. Người Thổ cứ cha truyền con nối cho nhau tin, kể đã hơn hai trăm năm trời cho đến bây giờ là năm Kỷ Ty.[\[2\]](#)

Chương 2

Một buổi chiều mùa đông, trời rét căm căm, mưa phùn bay mù mịt.

Từ miền bản Đông thuộc châu Kao Lâm đến mạn Văn Dú, có hai người đàn ông Thổ đang rảo bước đi. Hai người mặc quần áo vải chàm; áo cộc thắt lưng chèn ngoài quần ngắn và chít ống. Một người trạc ngoài bốn mươi, nét mặt già dặn, mắt sâu, miệng nhỏ, thở hơi ra như khói, cái quai nón mắc xuống cầm đê lấy bộ râu thưa còn lấp lánh những giọt nước mưa. Thịnh thoảng ông ta ngoảnh bảo người đi sau mấy lời. Người này không nói gì cứ ra chân bước. Hắn còn trẻ; trông rắn rỏi và khoẻ mạnh không kém người trước; hai môi dầy, trán nhô và cao; đầu quấn một cái khăn lớn. Một tay hắn thủ vào trong áo, còn tay kia thì nắm một cái lao dài.

Hai người cứ trông thẳng phía núi đá mà tiến lên, lúc xéo lên những lối rậm rạp bên đồi, lúc giẫm gãy những nắm rạ cụt ở ruộng lúa. Qua hết đồi này lại đến những gò khác; những bụi cây xanh mưa ám mỗi ngày một rậm, đồng ruộng ngày một thưa; ngọn núi đá mờ mờ trong đám sương mù cũng ngày một rõ.

Gió bắc thổi bên tai vù vù từng trận. Trước mấy rặng rừng hay trước những khóm cây nặng nề ướt át, những làn mưa bụi trắng từng lớp bay qua.

Chân tay mặt mũi hai người tái cứng đi. Giá cầu chắc không biết đau, có lẽ cũng không biết rét nữa. Quần áo phía trước, mưa hắt nhiều nên ướt đẫm. Từ đầu gối trở xuống toàn những đất đỏ vơi bùn; mỗi lúc qua một đám cây thấp nào thì cành lá gột sạch gần hết.

Đi tới miền đồi núi và bụi cây chen chúc nhau, không còn dấu vết cày cấy nữa, hai người Thổ trông thấy quả núi Văn Dú đứng chắn trước mặt, hình vóc cao lớn như ngăn đôi phần đất, đỉnh núi như chạm bầu trời.

Họ dừng chân ở cạnh một cái suối lòng sâu như vực. Nước suối xanh đặc như rêu thẫm, đang lừ lừ đi vào một cái hốc to dưới mấy cụm cây lá xoè ra và phủ xuống như cánh tàn.

Họ cởi đôi hài xảo^[3] chùi xuống cỏ ướt rồi nhét vào trong nải. Rồi họ đứng thẳng dậy, ngoảnh trông lại quãng đường họ vừa đi qua. Bấy giờ vào khoảng cuối giờ Thân (bốn giờ chiều), mưa đã gần tạnh. Bao nhiêu rừng núi đằng xa đều tan thành hơi trong đám sương dày đặc trắng đục. Chân trời một màu xám như bạc cũ, làm nổi bật những bụi rậm ở gần bên.

Trông sang mạn bờ suối bên kia, thì Văn Dú như sát lại cạnh mình. Qua núi lỏng lẻo đen sì làm át cả những đống gò nhỏ mọn. Một vài bụi cây xơ xác chen lách dưới những tảng đá lớn mốc rêu. Về phía trong cùng, một rặng rừng thấp và thưa thưa như không dám xanh tốt.

Hai người lẳng lẳng tìm một chỗ đỡ trơn và hẹp nhất, lần lần bám víu lấy cành lá rể cây mà xuống rồi lại chậm chạp khó nhọc như thế mà leo lên bờ suối bên kia.

Từ bờ suối bên kia là địa phận của sự ghê gớm.

Sang tới nơi, họ lại xỏ chân vào đôi giày rơm, rồi cùng nhau đi đến chân núi.

Lần này, người tuổi trẻ phải cầm lao đi trước. Họ bước đi rón rén, cẩn thận, bốn mắt liếc đây liếc đó. Hơi có tiếng lạ cũng dừng lại bởi vì họ yên trí rằng họ đã đi vào nơi hoang dã có lẽ chưa bao giờ có vết chân người.

Mưa đã tạnh hẳn rồi. Gió cũng đã ngớt. Chim chóc bắt đầu lên tiếng ở trên mấy ngọn cây cao hay trong ngách đá. Thỉnh thoảng một vài con quạ vừa bay ngang núi vừa kêu.

Đường đất cũng không đến nỗi khó đi quá như họ tưởng. Nhưng họ cũng không dám bước bạo.

Đi khỏi một cái đồi, qua mấy tảng đá nằm nghiêng trên đám cỏ lau đến một tùm cây họp lại thành gần như một cái miếu. Tháp thoảng trong đám lá xanh um, thấy như có dấu vết một bức tường đổ nát. Hai người không đứng lại. Dấn lên mười bước nữa, đi về phía chân núi, qua khỏi cái miếu nhỏ, thì hang Thần hiện ra.

Hang Thần trông cũng không to: bề cao bằng nửa cây gạo già mọc trước cửa. Miệng hang loe ra như cái miệng hũ. Phía trên toác ra như cái môi rách, phía dưới có hai tảng đá dài và nhọn đâm lên ở hai bên mép như hai cái nanh. Trông vào trong hang càng xa càng rộng, càng đen tối thêm thăm thẳm sâu vô cùng tận. Trên cửa hang chỉ chít các giống thảo mộc kỳ dị lấp lánh vì nước mưa phùn mới rửa. Từ trong kẽ đá, bò ra những khúc cây tròn và mốc, bám chặt vào miệng hang. Những dây những rể; những lá đỏ, lá xanh, lớn bé lẫn lộn, mọc đầy mép hang; những cụm trúc rất nhỏ với những đám cỏ xác xơ chen nhau ở bên những khóm si con và những vùng tóc tiên xanh tốt.

Tiếng hạt nước đọng trên cao vẫn rơi xuống lộp độp lẹt đẹt không dứt, nghe mạnh hơn tiếng chim kêu riu rít ở những ngọn cây nào. Bỗng chốc

con gió thổi qua, một loạt nước đổ ào xuống như muôn nghìn quả chín rụng.

Hai người Thổ cùng nín tiếng, hai mắt mở lớn, người thì đưa nhìn tả, người liếc hữu, rồi lại trông vào cái lỗ hang đen tối âm thầm. Họ đã chực lẳng lẳng đi vào. Nhưng lại cùng nhau dần bước qua, đi sang phía hữu hang. Thành đến bên lớp dứa ông xúm quanh chân mấy cây đại hình thù kỳ quái: những cây này đang uốn éo sát chân núi; cây thì chui ra khỏi một tảng đá vỡ, cây thì để cho dây leo quá chằng chịt, nhiều cây đã đổ, gãy, bật hẳn rễ, mà vẫn còn sống như thường.

Đang tha thần nhìn, không có mục đích, hai người bỗng trông thấy một vật gì màu lam ở dưới một cụm dứa. Nhìn kỹ thì hình như một bọc vải, một cái khăn gói màu lam, nằm trong đám lá đại với cỏ cao trên mặt đất. Nhưng không ai dám nói gì hết: nhiều vật tương tự như nhau có thể làm cho mình trông lầm được. Họ bèn bước lại gần để xem sao.

Thì ra một cái khăn gói thực. Một cái khăn gói đã mở, ướt như mới lấy dưới nước lên bên cạnh cái khăn gói ấy còn thấy một con dao rìng và một cái gậy lớn.

Hai người Thổ cùng kinh ngạc như nhau, mỗi người toan kêu lên: “Có ai tới đây rồi!” nhưng không thể nào dám thốt ra miệng một điều quái lạ như thế.

Ông già ngấp ngừng một chút, rồi cúi xuống giở cái bọc ra xem: một cái áo chàm vải thô, gói lấy hai nén bạc còn nguyên, với lại...

Bỗng một tiếng khiếp sợ rú lên ở bên cạnh. Ông già đứng phắt dậy, nhìn, thì thấy người con trai mặt tái mét, hai mắt mở to lạ, vừa chỉ về cái miếu trước mặt vừa lớn tiếng nói:

- Kòi ka! Kòi ka! (kìa trông! kìa trông!)

Vang núi cũng đáp lại hai tiếng “kòi ka!” nghe như lời quát tháo.

Ông già trông theo ngón tay trở thì thấy trong đám miếu nhỏ, một người chết treo dưới một cây bàng trụi lá, mọc bên một bức tường đổ nát và mốc rêu:

Người chết hình vóc to lớn, đầu có bím vắt ra sau lưng. Chiếc dây chảo thông xuống thắt nút ở gáy và lẩn vào cổ, làm cho cái mặt phị, xám hơn bộ quần áo chàm ướt, cúi gằm xuống mà nhìn người ta bằng con mắt không có tròng đen. Hai bàn tay buông thõng, để cho nước mưa ở năm đầu ngón rõ xuống như giọt tranh. Hai bàn chân đen sì kiểng trên không, như muốn với lấy đám lá sắc cỏ nhọn mọc ở mặt đất.

Các nhánh cây cao chung quanh thỉnh thoảng lại đưa đẫy. Một đàn quạ đen sợ người không dám xuống, gọi nhau bằng những tiếng thê thảm lạnh lùng.

Hai bác Thổ nắm chặt lấy tay nhau, không dám tiến, không dám lùi: quanh mình chỗ nào cũng thấy toàn sự chết.

Họ liếc nhìn vào chỗ tường đổ, trên mặt những gạch còn lại rêu non và những lá nhỏ bám xanh lè. Ở quãng giữa những mảnh tường, tự do mọc lên những cây lá lạ kỳ, rậm rạp. Dây bìm nứa tươi nửa chết bò leo ra tới mấy cây ở gần và rủ xuống phát phơ bên cạnh đui cái thây ma in lẩn trong hai ống quần đẫm nước.

Một trận gió lạnh buốt ào ào chạy đến làm rung động cả một phía rừng cây. Người Thổ già rung mình một cái, còn người con trai thì bắt đầu run. Anh ta lảm nhảm trong mồm những câu gì mà người kia đứng bên cũng không nghe rõ. Dần dần ông già như đã định trí, bèn dắt người con trai quay lại, toan cùng đi tới cửa hang. Song anh chàng càng đi càng run thêm, phải níu lấy ông già, van đừng tiến lên nữa.

Người Thổ già đứng lại, ngẫm nghĩ một lát, rồi lảm bảm mấy tiếng, trong lúc ấy người con trai một tay nắm chặt lấy lao chống xuống đất, còn một tay nhất định không chịu buông ông già.

Yên lặng hồi lâu.

Trời đất hình như chỉ riêng u ám ở chỗ hoang dại ấy.

Mặt ông già không còn nét kinh hãi nữa. Ông ta đang cúi đầu nghĩ, bỗng ngẩng lên, rồi nói:

- Bây giờ đi vào trong hang.

Anh con trai mở mắt rõ to:

- Hử? Đi vào hang à?

- Chứ gì!

- Không! Tôi sợ lắm!

Ông già cau mặt:

- Sợ gì mà sợ! Đẳng nào cũng phải vào trong ấy xem đã, rồi còn đi về nữa kia mà?

- Không! Không! Đi về thôi! Không vào! Vào thì chết!

Ông già lấy trong mình ra một mảnh giấy. Trên đó có mấy hàng chữ nhỏ mà ông ta không đọc, chỉ để mắt tới những hình vẽ ngò ngoài như hình sông núi của bức địa đồ. Ông ta ngẩng nhìn thân quả núi cao, trông

vào cái hang cách độ mười bước và lãnh đạm nhìn cái xác treo lủng lẳng kia.

Rồi ông ta thản nhiên nói:

- Nào! Ta đi vào đi.

Người con trai lắc đầu không thôi:

- Không có vào! Vào thì chết! Vào chết đấy! Ông già cứ trông kia thì biết. (Hắn vừa nói vừa chỉ vào thầy người Khách). Người ta nói không sai đâu.

- Mày không vào thì tao vào một mình. Đừng có nói lời thôi. Rồi về đừng kể công đấy... Đi vào không?

- Không... vào thì chết thôi! Vào thì chết!

Người Thổ già thấy vậy bực mình để mặc người trẻ tuổi đấy, xăm xăm bước lại cửa hang.

Đến nơi, ông ta lấy trong bọc ra mấy thanh củi thông, một ít bụi nhùi với một hòn đá lửa.

Lúc bó đuốc thông đã cháy, ông già một tay cầm bó đuốc giơ lên ngang trán, một tay cầm thanh đao to bản, quay lại mắng người con trai là nhát, rồi bước thẳng vào hang Thần. Người con trai cuống cuống chạy vội lại cửa hang, cất tiếng gọi.

Nhưng ông già đã lẩn vào trong bóng tối. Ngọn lửa đỏ ngùn ngụt cũng dần dần bé, rồi biến hẳn đi.

Ở ngoài này, anh ta lắng nghe còn thấy đặng hắng một vài lần và thỉnh thoảng có tiếng chân thong thả khua trong một vũng nước.

Anh con trai chợt nghĩ đến những chuyện ma quỷ ám ảnh người chết mà dẫn vào chỗ chết. Anh ta thốt nhiên hối hận rằng không nhảy xổ vào mà kéo ông già lại. Chắc hẳn ông già này lại bị thần núi bắt vào hang. Anh chàng cố nín hơi nghe tiếng chân dần dần bước còn thấy đưa ra là ông già vẫn còn sống...

Gió bên ngoài thổi qua không buốt bằng hơi lạnh ở hang đá. Anh ta run cầm cập, hai hàm răng va nhau ngày một mạnh.

Bước chân đã thấy im từ lâu.

Chốc chốc lại có tiếng kêu “chít chít” nhỏ, với tiếng thì thầm lớn, tưởng như lời mĩa mai độc ác của yêu quái, ngòi xỏm đang vừa ngáp vừa bàn nhau. Thỉnh thoảng hình như cả cái hang thở dài. Rồi, im lặng. Không thể nào đoán được những việc xảy ra trong cái miệng tối bí mật ấy.

Anh Thổ nghe thấy tiếng lạ thì sợ. Anh ta thấy yên lặng lại càng sợ già.

Anh ta muốn hăng giọng lên, hay nói đùa một câu gì để phá cái tịch tịch nặng nề kia; nhưng không dám. Anh ta cũng không dám nhìn về phía cái xác chết; lại tưởng người thất cổ sắp đứng xuống đất, sắp đi lại gần mình. Anh ta rợn người lên, khẽ ngảnh đầu nhìn lại.

Những bụi cây rậm rịt chung quanh như vây chắn lấy mình: chưa bao giờ anh ta thấy có cái cảm giác vắng vẻ biệt tịch bằng lúc ấy!

Thế mà có một người đi cùng, thì lại vào trong hang mát, lại vào đây sau khi gặp người thất cổ! Chẳng hiểu bụng dạ ông thế nào. Mà sao mãi không thấy ông ta ra? Mãi không thấy tiếng gì hết! Hay lạc mất lối? Hay bị mê mẩn sợ hãi quá? Hay gặp ma quỷ? Chết rồi cũng không biết chừng!

Trong lòng người con trai nôn nao như điên dại.

Anh ta nghĩ: hay là gọi thực to lên cho lão già đáng giận kia nghe thấy. Nhưng anh ta lẳng lặng trông xuống dưới chân.

Bên những cái mào đeo những hạt sương sáng đẹp như thủy tinh, anh Thổ trông thấy những hòn đá sỏi lăn dưới cỏ. Chợt nảy ra một ý kiến. Anh ta nhìn vào trong đám tối: cúi xuống nhặt ba bốn hòn to nhất, nghĩ ngợi một lát, rồi đánh liều vứt mạnh vào hang. Hòn sỏi hình như bị rơi xuống chỗ có nước, vì nghe đánh “bồm” một cái. Anh ta lại ném hòn đá nữa, lần này ném thẳng không rụt rè.

Tức thì trong hang có tiếng rên hừ hừ đưa ra. Anh này chưa hiểu sao, bỗng lại nghe thấy tiếng bịch bịch rất mạnh và rất nhanh, rồi như có muôn vàn đá sỏi đổ mưa xuống một cái vũng nước không trông thấy.

Ngay lúc đó, ông già ở trong đám tối hiện ra, nét mặt ông đổi hẳn đi; hai mắt kinh sợ mở đến rách kẽ; nón lật ra đằng sau, khăn buột xuống quanh vai, tóc xoã ra rũ rượi.

Người trai Thổ chưa kịp kêu hỏi thì ông già đã loạng choạng bước vội đến bám lấy hắn, vừa rên, vừa thở hồng hộc, lưỡi líu lại không nói được nên lời nào. Anh chàng điên cuồng vội quăng cái lao đang cầm đi, rồi vục ông già ngồi xuống một bên, một cánh tay đỡ lấy sau vai, tay kia rờ lên trán ông già thì thấy toát ra một thứ mồ hôi lạnh và dính nhom nhớp. Anh ta rí rít gọi ông già tiếng kêu vang động cả quả núi; nhưng ông ta đã rũ xuống, chỉ lắc đầu không thưa. Ngực ông ưỡn lên, hơi thở càng ngắn càng tức tối. Hai mắt ông trợn ngược nhìn về phía cửa hang là phía ông quay đầu vào. Mồm thì há cứng đờ, thỉnh thoảng như muốn hớp lại. Một dòng máu từ mũi chảy ra, đen và loãng, lẫn vào bọt dãi ở hai bên mép, rồi cùng chảy xuống cái cổ xanh xám, đầu ngoặt ra đằng sau. Người trai Thổ vừa run run kéo vạt

áo lau cho ông già, bỗng trông thấy trong cái tay co quắp của ông ta một mẩu giấy nhỏ.

Ông già lúc ấy không thở được nữa.

Anh ta không thể nào biết được vì sao mà ông ta đến thế, thấy mẩu giấy lạ, bèn cậy tay ông già ra xem: đó là một mảnh giấy khổ vuông, to bằng hai bàn tay màu hung hung vàng, dày và dai lắm.

Trên mặt giấy, về phía tả, có vẽ một người quỳ, cầm một tờ giấy lớn giơ lên ngang mặt; ở phía hữu vẽ một bó đuốc đang cháy; nét vẽ rất ngây dại. Ở hai hình vẽ có mấy hàng chữ Hán, nghĩa như sau:

Miệng có hai răng;
Ba chân bốn tay;
Mày vào trăm chân;
Mày lên ba tay;
Tên mày là đá;
Đá sinh trứng đá;
Trứng đá giữ cửa;
Mày có sức mang;
Mày giàu mày chết;

Chương 3

Về mạn tây nam, sau lưng Văn Dú, là châu Nga Lộc cách xa hòn núi đá chùng ngót một phần tư ngày đường.

Nhà Quan Châu nằm trên một cái đồi, mái lợp tranh, tường đất lèn, thấp và vững chãi. Chung quanh cây tre bụi rậm vây kín. Dưới chân đồi là xóm làng.

Quan Châu Nga Lộc năm ấy chùng ngoại bốn mươi tuổi; người khoẻ mạnh và tinh anh.

Trong nhà lên đèn đã lâu. Ông xếp gọn các đơn từ đã phê xong, lấy cái nghiên mực lớn chận lên, và gạt nhỏ ngọn đèn dầu lạc để trên một cái giá cao trên án sách. Ông tụt giày, kéo cái chăn dệt ngũ sắc lên tận vai, đặt cái gối xếp lại cho chỉnh, rồi vừa ngả lưng lên bộ ván gỗ quý, vừa thở dài một cách khoan khoái nhẹ nhàng.

Rồi ông quay đầu về nhà bên, cất tiếng se se gọi:

- Tô Nang à! Tô Nang à!

Tô Nang là người thiếp thứ năm của ông Châu Nga Lộc.

Một lát tiếng chân ở ngoài đi tới; ông lim dim mắt nhìn lên đình cái màn chưa buông, nằm vuốt râu có ý đợi.

Cái cảnh tù mù trong gian phòng kín đáo kia vì đâu làm cho ông thấy thú vui của sự sống?

Cửa khê cọt kẹt mở, rồi tiếng một người đầy tớ vào thưa:

- Quan Châu à!

- Hà?

- Có một thằng trông mặt sợ hãi lắm, ở đâu hồng hộc chạy vào đây. Nó còn ở ngoài sân đấy.

- Nó vào làm gì?

- Không biết, nó không nói được, nó cuống quýt bám lấy Noòng, chỉ một tí nữa thì bị chó cắn chết.

- Mà sao lại để cho nó vào mới được chứ? Đuổi nó ra.

Quan Châu càu nhàu quay lưng vào. Rồi lại gọi:

- Tô Nang à, đi đóng cửa nhé!

Một lát, cửa lại thấy mở hé:

- Quan Châu à!

Quan Châu ra dáng bực mình:

- Cái gì?

- Cái người lúc nãy...

- Mặc kệ người lúc nãy! ày... à!

Rồi ông ta lại gắt:

- Mà làm sao cho nó vào mới được chứ?

- Công sắp đóng, nó chạy nhanh quá, đâm bổ vào, không ai giữ được.

Bây giờ nó không chịu ra nữa.

- Nhưng mà nó vào làm gì?

- Nó đã nói được rồi, nó bảo, nó cần thưa với quan Châu một chuyện ghê gớm lắm.

Ông Châu bực tức vô cùng. Ông chống tay chực dậy, nhưng còn mong bảo cái thằng Thổ quấy rầy kia một lần nữa rằng: Việc quan trọng đến thế nào cũng phải để đến mai.

Người đầy tớ trình:

- Nó bảo nó thấy một việc ghê gớm lắm: Một người thất cổ, với một người chết. Mà nó ở hang Văn Dú ra.

- Ở đâu ra?

- Hang Văn Dú!

- Hang Văn Dú?

- Phải rồi.

Ông Châu ngồi hẩn dậy, bảo:

- Gọi nó vào đây.

Rồi ông tung chăn ra, kêu to ngọn đèn lên, sốt sắng muốn nghe câu chuyện lạ.

Một người trần gian dám vào hang Thần là một việc ghê gớm vô cùng. Song đối với Quan Châu thì lại là một điều lạ thường hơn là quái gỡ. Vì ông là một người Thổ vào hạng trí thức, đọc quá nhiều sách chữ Hán, biết rất nhiều chuyện cũ. Những điều kỳ kỳ mà dân ông mê tín, như những việc bí hiểm trong hang Thần, ông vẫn ngờ là chuyện huyền hoặc cả. Ông cho rằng đó chỉ là điều phao truyền vô lý của những người bày chuyện, hoặc là những mưu kế của kẻ nào có vàng bạc giấu ở trong hang.

Nhiều lần ông muốn vào tận hang xem, ông lại hy vọng sẽ tìm thấy của cải trong ấy nữa. Song những điều dị đoan truyền lại lâu ngày vẫn có cái vẻ hiển nhiên rất vững chãi, thường khiến những người cứng cỏi nhất cũng sồn lòng. Ông chắc hang Thần không làm hại được mình. Thế mà biết bao

lần ông hăm hờ định vào thám hiểm trong hang, rồi lại thôi không dám quyết.

Người Thổ lúc nãy đến tưới dầu vào ngọn lửa can đảm chỉ chực những tắt trong lòng ông Châu.

Hai người đầy tớ dẫn anh ta vào, như dẫn một người tù. Ông Châu bảo họ lui ra và đóng cửa lại.

Người lạ mặt đứng trong bóng tối, cách Quan Châu chừng năm bước, vẫn yên lặng chưa nói gì. Ông Châu quắc mắt nhìn khắp người anh ta. Bộ mặt anh ta rõ rệt in hình ảnh sự kinh ngạc. Anh lăm lét vừa nhìn xung quanh, vừa thở, môi mấp máy không nói được lời nào.

Một lúc, ông Châu quát to:

- Mày vào đây làm gì?

Anh Thổ choàng người lên, rồi nhìn thẳng vào mặt ông Châu, nuốt nước bọt nói:

- Tôi trình quan Châu... rằng ở cửa hang Văn Dú... có một người thất cổ.

Khi nói đến tiếng Văn Dú, anh ta tái mặt đi. Bỗng thấy ông Châu nhìn ra phía cửa gắt mắng âm lên:

- Ai cho chúng mày nghe trộm? Có cút đi không chết cả bây giờ?

Người lạ mặt luống cuống.

Ông Châu bảo:

- Tao mắng người nhà, mày không việc gì.

Rồi ông lại hỏi:

- Nhưng mày đến Văn Dú hay sao mà biết?

- Tôi ở Văn Dú về đây... Tôi đi với một người tên là Nùng Khai...

- Nó đâu?

- Chết rồi!

- Nó chết rồi à?

- Phải!

- Chúng mày là người ở đâu? Đến đây làm gì? Đầu đuôi thế nào, kể ra.

Người con trai chưa kịp trả lời, ông Châu lại hỏi:

- Mày không biết Văn Dú là chỗ ghê gớm sao?

- Có chứ!

- Thế sao còn đến, đến làm gì... nói mau?

Người con trai thưa:

- Tôi là người châu Kao Lâm, làm bộ hạ cho Quan Châu tôi. Tôi với Nùng Khai đến Văn Dú vì có việc riêng, Quan Châu tôi sai làm. Chúng tôi đến nơi thấy có một người thắt cổ treo trên cây, mà là một người Khách, người to béo, không biết bao nhiêu tuổi, vì tôi không dám nhìn nó lâu.

Nói rồi anh ta rùng mình lên. Ông Châu hỏi:

- Chỗ ấy có người nào nữa không?

- Không biết... Chỉ có một mình Nùng Khai vào hang thôi.

- Vào hang làm gì?

- Vào... có việc riêng.

Ông Châu thấy anh ta không muốn nói “việc riêng” ấy là việc gì mỉm cười một cách hóm hỉnh, vì ông cũng đoán được chút ít, và chỉ bảo người kia rằng:

- Được, thế rồi sao nữa?

- Đáng lẽ tôi cũng vào hang Văn Dú với Nùng Khai, nhưng tại tôi thấy người Khách, nên không dám vào nữa, tôi chắc người Khách chết vì hang Thần. Nùng Khai không thèm nghe, vào đấy một mình nên quả nhiên cũng bị chết.

Người lạ mặt bèn thuật lại việc từ lúc ông già Thổ đi vào trong hang tối, lúc anh ta đứng một mình chờ đợi nghe ngóng mãi, rồi ném hòn đá sỏi thứ hai và nghe thấy tiếng chân ông già chạy ra, cho đến lúc ông già chết cứng trong tay mình mà không nói được một lời nào hết.

Chốc chốc quan Thổ lại chặn hỏi cặn kẽ, nhưng người này, ngoài những cái hấn trông thấy, chừng cũng chẳng biết gì hơn nữa. Câu trả lời của hấn, bởi thế, không được vừa ý ông Châu.

Nhưng khi hấn nói tìm thấy mảnh giấy rướm máu ở tay ông già, và đưa ra để ông Châu xem thì ông ra chiều vừa ý lắm. Ông hăm hở cầm lấy, hình như đã nắm được đầu mối của sự dị thường này.

Trong lúc ông Châu giờ tờ giấy ảm ra xem thì người Thổ Kao Lâm nhớ lại bước nguy hiểm sợ hãi đã qua. Anh ta không ngờ một người yếu bóng vía như mình lại thoát được khỏi tay thần Văn Dú.

Anh ta nhớ rằng chính lúc sợ hãi ở bên cái xác nằm cứng đờ của Nùng Khai thì trong trí vẫn tỉnh.

Bây giờ trời mỗi khắc một u ám, người anh ta thấy lạnh lẽo, tưởng chừng như bị cái tử khí ngấm dần vào.

Nghĩ đến người Khách chết treo, nghĩ đến cái hoảng hốt của người Thổ già lúc chạy ra khỏi hang, nghĩ đến cái hang mình ngồi trước cửa cùng với

một người bị nó làm hại; lại nghĩ đến những điều nguy khốn độc ác nó sẽ lừ lừ vây quanh mình như đêm tối ám mù cảnh vật; anh ta liền vùng dậy, buông cái xác ông già xuống đất, như thêm táo tợn vì quá khiếp sợ, khoa thanh đao sáng lên trước mặt rồi hết sức nhanh chạy về đường Kao Lâm.

Đang chạy, sức nhớ ra trước mặt mình có cái suối sâu khó lòng qua được; anh ta vội rẽ sang tay phải; chạy được một độ, thì lại gặp khúc suối nữa chắn ngang. Anh ta thét lên một tiếng to, rồi bán sống bán chết chạy về phía châu Nga Lộc.

Anh chàng thở không ra hơi mà vẫn cứ luôn mồm gọi tên các chư vị “sản slin” đến cứu. Lúc nào sau lưng cũng ồn ào như có ai đuổi bắt; mà càng chạy càng thấy chậm, bước đuổi càng thấy mau. Những đồi núi rừng rậm như thêm nhiều mãi ra. Đường lối gồ ghề, vừa dính vừa trơn làm cho anh ta cứ chúm vấp hoài, trượt ngã hoài; trăm lần tưởng chết!

Đến lúc trông thấy những nhà cửa dưới chân đồi và cái cổng lớn ở châu Nga Lộc thì trời đã tối. Anh ta chạy vụt ngay vào cổng. Những tiếng hò hét của bọn tôi tớ lại khiến anh ta thêm hoảng, vì anh tưởng đó là những tiếng ma quỷ ở trong chỗ nhà cửa biến hiện ra. Nhưng anh ta đã qua một cái sân rộng và phẳng; đã ngửi thấy mùi thóc vừa và ngựa chuồng là những mùi quen thuộc, rồi lại nghe thấy những câu hỏi giận dữ của mấy người nắm mình lại; lúc ấy anh ta mới dám chắc là mình thực còn ở dương gian.

Các người nhà ông Châu Nga Lộc xôn xao nháo nhác lên vì nghe thấy anh ta bảo ở Văn Dú đến. Nhưng chính ông Châu thì không tỏ vẻ sợ hãi gì. Bảy giờ người Thổ Kao Lâm thấy ông ta tì trán vào lòng bàn tay, lẳng lẳng không nói câu nào và ra chiều suy nghĩ một cách điềm tĩnh.

Cái vẻ ám áp trong gian phòng sáng bởi ngọn đèn cao này đã làm cho anh ta tỉnh hẳn người lại. Anh ta xì mũi vắt xuống đất, liếm môi một cái rồi khẽ cất thứ giọng kín đáo của người hiền mưu kế mà nói với ông Châu những thần những thánh, những thầy mo, bà then, đến những phương cầu cúng để cho thần Văn Dú nguôi cơn lôi đình; vì hẳn cho cái chết của người Khách và Nùng Khai là do sự tức giận của thần núi. Cái lòng mê tín của dân Thổ lại thấy biểu lộ ra một lần nữa. Ông Châu trí thức kia liệu có sờn lòng vì những điều mắt thấy của tên Thổ này chăng?

Người Thổ Kao Lâm cứ lải nhải hoài.

Ông Châu thì vẫn trầm ngâm nhìn xuống mảnh giấy dày đặt trên án. Có lẽ ông ta đang nghĩ ngợi đâu đâu chớ không để ý đến những lời anh Thổ nói: vì bỗng nhiên ông ta đọc:

Miệng có hai răng
Mày vào trăm chân
Mày lên ba tay
Tên mày là đá...

Rồi ông hỏi:

- Mày có biết chữ đây?

Anh ta chung hứng một lát rồi thưa:

- Có biết.

Ông Châu cau mày, lại hỏi:

- Mà mày hiểu những câu này chứ?

- Hiểu à? Không!

Ông Châu thở dài:

- Thực mày không hiểu nghĩa gì à?

- Không, mà hiểu làm sao được.

- Mày lấy mảnh giấy này ở tay Nùng Khai à?

Người Thổ Kào Lâm thưa:

- Nó ở hang ra tôi mới thấy có. Tôi hỏi, nó không nói được, tôi bảo ra hiệu cho tôi hiểu ý, thì nó chết mất rồi.

Ông Châu vừa nhìn vào tờ giấy, vừa hỏi:

- Nùng Khai là người như thế nào?

- Là người ông Châu Kào Lâm sai đi đến Văn Dú với tôi.

- Nó là người tin cẩn của ông Châu Kào Lâm phải không?

- Phải, cũng như tôi.

Ông Châu khẽ gật đầu. Ông đặt mảnh giấy xuống bàn ngẩng đầu lên nhìn người Thổ Kào Lâm rồi dịu lời bảo hắn:

- Bây giờ, mày không được giấu tao một điều gì, thì tao mới xét được rõ việc này. Người Khách kia chết, người Thổ Nùng Khai chết, mà mày không chết; mày cũng đến Văn Dú; mày biết rằng ai giết nó. Thế ngộ bảo mày giết thì sao...?

Người trẻ tuổi vội nói:

- Không! Không phải! Không phải tôi...

Ông Châu liền chặn lại:

- Ủ, tao cũng biết. Nhưng người ta muốn buộc tội cho mày cũng được. Tao lại biết chúng mày định vào hang Văn Dú làm gì nữa kia... Lúc nãy mày bảo quan Châu Kào Lâm sai đi có việc riêng, tao đoán biết ngay. Đây là tao hỏi cho rõ thêm, mày không được giấu nữa...

Rồi ông Châu nhìn thẳng vào mặt người trai Thỏ hỏi một cách đồng dạc:

- Tại sao quan Châu Kao Lâm lại biết được trong hang Thần có của chôn?

Người Thỏ Kao Lâm giật nảy mình lên, không giấu được cái kinh ngạc. Trong lúc hốt hoảng, hắn đã trót nói với quan Châu rằng: Nùng Khai và hắn đi tới Văn Dú theo lệnh ông quan Châu Kao Lâm sai đi. Sau hắn nghĩ lại, định bịa đặt ra một câu chuyện nào đó: như đi tìm người nhà lạc, hay đi qua Văn Dú tự dưng bị dún dũi vào hang, hay là chuyện huyền hoặc nào khác đợi ông Châu hỏi thì hắn sẽ đem ra mà trả lời. Không ngờ câu hỏi của ông Châu dường đột quá, lại trúng ngay vào sự thực mà hắn muốn giữ kín. Hắn không dám nhìn đôi mắt soi mói của ông Châu Nga Lộc nữa, và đứng lặng thinh.

Ông Châu lại lấy lời nói thực dụ dàng bảo hắn:

- Mày đứng lại gần đây. Đừng sợ mà cũng đừng ngại gì hết. Mày phải nói rành mạch đầu đuôi công việc mày định làm cho tao nghe.

Người Thỏ Kao Lâm vẫn không thừa. Ông quan Thỏ nói tiếp:

- Tao có đủ quyền thế để bênh vực mày, cũng có đủ quyền buộc tội mày nữa, mà tao muốn cho mày ở đây hay đuổi mày ra khỏi châu cũng được, ở châu tao không nhà nào dám chứa một người ở hang Thần về.

Ông Châu Nga Lộc trông thấy rõ cái sợ hãi trên mặt người trai Thỏ: Hắn nhìn ông ta ra ý van lớn.

Ông ta lại dỗ:

- Thế nào? Mày nói đi. Nói thực mọi điều cho tao nghe. Mày đã vào đây, đã khỏi chết vì ông thần Văn Dú rồi, thì mày nói đi, giấu tao làm gì nữa? Mày giấu tao, rồi tao cũng biết được kia mà?

Chương 4

Quan Châu Nga Lộc chẳng bảo thầy mo nào hết.

Cánh cửa vừa khép lại, ông ta liền thắp lên một ngọn đèn nữa, hăm hở kéo tờ giấy gần lại, rồi một tay ấn vào mồm mà nghĩ, một tay gãi hết bụng đến gáy, hết đầu đến lưng.

Mặt ông Châu hồng lên và lộ vẻ mừng rỡ. Ông ta bắt đầu xét lại mảnh giấy của người Thổ Kao Lâm rất cẩn thận, vì ông biết rằng hiểu được ý tứ của những câu chữ Hán viết trên đó, ấy là phá được cái tường bí mật của thần giữ cửa và cắt nghĩa rành mạch được các điều kỳ dị xảy ra.

Những hình vẽ ngây dại và mấy hàng chữ viết rất tốt, tuy bị nước thấm ố hoen, song vẫn rõ ràng lắm: Nét mực cũ đã ăn sâu xuống mặt tờ giấy ướt và dày. Hình bên trái vẽ một người áo cộc quỳ lên, hai tay cầm một tờ giấy giơ thẳng ngang mặt như người đọc sớ. Ông Châu đoán có lẽ nó muốn chỉ bảo phải trân trọng giữ lấy và theo những lời màu nhiệm của mấy hàng chữ Hán kia. Bó đuốc, vẽ ở bên trái, ngọn lửa cháy và bốc khói lên, chắc hẳn chỉ về sự tối tăm, hiểm hóc trong hàng thần; hoặc ý bảo phải tìm xét cho hiểu thấu những nghĩa ẩn trong mấy câu kia, mấy câu mà người Thổ Kao Lâm gọi là những lời thần chú.

Ông đọc qua một lần mấy hàng chữ nho.

Rồi ông đọc lại lần thứ hai và thứ ba, làm như cứ nhắc lại như thế thì sẽ thấy cái nghĩa ẩn trong đó:

Miệng có hai răng;
Ba chân bốn tay;
Mày vào trăm chân;
Mày lên ba tay;
Tên mày là đá;
Đá sinh trứng đá;
Trứng đá giữ cửa;
Mày có sức mang;
Mày giàu, mày chết.

Những câu kỳ lạ đến nỗi làm cho ông ngờ là lời thần chú thực. Nhưng không có lẽ; nếu phải lời thần chú thì tên Nùng Khai đã học thuộc tất nhiên không đến nỗi chết, ngay sau khi ở hang thần chạy ra... Quyết nhiên đó là

những bí mật, có nghĩa hẩn hoi, nhưng cái nghĩa ấy phải dùng hết tâm lực và trí sáng suốt mà tìm thì mới thấy được.

“Hừ! (ông lẩm bẩm nói để tiếp theo những ý tưởng vừa rồi). Bọn quan Tàu họ quý quyết lắm! Cũng là một thứ lời di lại, mà một đằng thì là những câu dẫn dò để tìm ra của, còn một đằng thì lừa cho người ta mắc phải những cái nạn gớm ghê... Nhưng ta, ta không mắc lừa đâu. Ta không nông nổi, u mê như bọn con cháu nhà họ Hoàng, tưởng đây chỉ là những câu có quyền phép mầu nhiệm. Không. Ta biết. Rồi ta sẽ tìm cho ra nghĩa kín, ta sẽ khám phá cho kỳ được”.

Ông lại hơi mỉm cười và nghĩ đến cái độc kế mấy trăm năm nay sẽ bị ông huỷ đi mất, mà cái kho của kia tất sẽ về tay ông.

“*Miệng có hai răng... ba chân bốn tay*“... có lẽ đó là mô tả hình dáng thần giữ của chắc? Không phải. Ta không được tin đến thần giữ của cũng như không được tưởng những câu này là thần chú. Vì nếu thế thì không bao giờ tìm được đầu mối.

“*Miệng có hai răng... ba chân bốn tay*...” Lại! “*Mày vào trăm chân, mày lên ba tay*“. Hừ! Quái! Ai vào? Ai lên? Sao lại trăm chân, sao lại ba tay? “*Tên mày là đá, đá sinh trứng đá*“. Đá sinh trứng đá? Trứng đá giữ của. Có lẽ họ để của ở dưới hang đá chắc? Mà sao lại gọi là trứng đá? *Trứng đá giữ của. Mày có sức mang... mày giàu mày chết*“.

Ông càng đọc càng nghĩ càng thấy mờ ám thêm. Chợt có một ý kiến thoáng qua, ông bèn xoay tờ giấy vuông đủ bốn chiều đọc từ trên xuống dưới, rồi đọc từ dưới lên trên; lại đọc ngang từ phải qua trái và từ trái sang phải. Nhưng cũng vô ích. Mấy hàng chữ vẫn lơ lơ giữ cái bí mật cùng với hai cái hình vẽ lạ lùng.

Ông Châu thử ôn lại các bộ truyện cổ mà ông đã xem, nhớ lại những sự tích chép ở trong ấy; bao nhiêu án lý kỳ ra đời trước cùng với bao nhiêu phương pháp cổ nhân dùng để tra, ông đều đem ráp vào việc cất nghĩa tờ giấy này. Ông thấy từ cổ chí kim không bao giờ có những cái khó hiểu hơn, mà đến những việc tương tự như thế cũng vậy.

Hai ngọn đèn dầu thi nhau sáng, cùng nhau như nín lặng để xem ông Châu nghĩ ngợi trầm ngâm.

Ông ta ngồi trên giường gỗ, trên án thư, khuỷu tay chống bên cạnh một cái đế đèn, nắm tay thì ấn vào mòm, dăm dăm như đang tìm gỡ một nước cờ bí. Lông mày nhíu lại một cách dữ tợn, hai mắt nhìn muồn thủng tờ giấy để trên bàn.

Lúc ấy vào đầu trống canh hai. Nhưng có lẽ ông Châu quên cả thời khắc.

Trong cái phòng ảm áp kín đáo ấy, ngoài ông ra lại còn Tô Nang là cô thiếp yêu quý, vào đó chầu chực chặn gói đã lâu. Cô chưa hề thấy quan Châu chăm chỉ miệt mài với việc quan như thế bao giờ. Cô ngồi ghé một chỗ lặng thinh, nghe tiếng quan Châu lảm bảm rồi lại im, nghe các tiếng buồn tẻ trong lúc canh khuya rồi cô dựa vào vách mà thiu thiu ngủ.

Chốc chốc, ngọn đèn lại nhô cao lên, rồi khẽ co thấp xuống và nhảy chập chờn.

Ông quan Thổ không nói qua một lời gì nhưng hình như ông nghe thấy tiếng suy nghĩ của mình rõ rệt nói trong giữa khoảng tĩnh mịch sâu xa của đêm tối.

Bỗng chốc đồng hồ trên tường gõ một tiếng lạnh lùng vào giữa thời gian, cùng một lúc móng tay ông Châu vô tình cạo xuống cạnh án thư nghe như tiếng con mọt gặm.

Có lúc ông ngáp lên một cái, nói khẽ mấy câu nghĩ ngợi trong trí, rồi lại trầm ngâm đắm đuối tìm những nghĩa ẩn nó chưa chịu hiện hình.

Dưới chân tường, tiếng chuột rúc rích chạy qua làm vểnh tai con mèo yên lặng. Ngoài sân, mấy con ngựa buộc trong chuồng tối đập chân xuống đất xôn xao. Một trận gió làm cọt két cành tre; văng vẳng sau thềm, tiếng lá reo và tiếng sâu đé rì rì trong bụi rậm.

... Mày tên là đá

Đá sinh trứng đá

Trứng đá giữ của...

Cái đầu mới, ông mong gỡ được, càng tìm càng thấy bối rối thêm. Đã hơn một trống canh rồi mà những chữ này cùng với thằng người quỳ và bó đuốc vẫn cứ nhảy nhót hoài trong tâm trí ông quan Thổ.

Lúc ấy cô thiếp của ông ngồi dựa ở bên tường kia đang há mồm ra ngủ kỹ.

Hai chân cô duỗi thẳng trên bộ ghé ngựa, bàn tay đặt ngựa trên đùi. Đầu vẫn chưa bỏ cái khăn vuông chàm, trên mặt hiện ra vẻ ngây ngô và bình tĩnh.

Trái lại trên mặt quan ông đầy vẻ lo nghĩ lẫn với vẻ bực mình. Bao nhiêu tâm lực ông đem ra hết mà vẫn không tìm ra được mối manh gì. Ông đọc lại những câu kỳ dị:

Mồm có hai răng...
Ba chân bốn tay...
Mày giàu mày chết...

Không biết đến mấy trăm lần rồi. Nhưng cái trí sáng suốt của ông hình như không đủ lực trước cái đê mê tối vô cùng của bí mật.

Cái cầm vuông của ông nổi cả xương và gân lên, hai má và hai tai ông đỏ như bị nướng vào ngọn lửa đèn gần đó.

Lần này ông không đọc bằng mắt nữa; ông lẩm bẩm như người làm tính: “Đá sinh trứng đá, trứng đá giữ của, mày chết... mày chết mày giàu, mồm có hai răng... mồm có hai răng... mồm có hai...”.

Tiếng ngáy bên tường cứ rờn rờn hoạ theo, cô vợ trẻ của ông quan già đang vắn vơ trong giấc mộng... Bỗng một tiếng bản gắt theo một nắm tay đập mạnh lên bàn:

- Mẹ cháu mu!^[4]

Ông Châu vút giấy quay lại đằng sau, Tô Nang tỉnh dậy.

Ông Châu thấy cô ta thì ngạc nhiên hỏi:

- Ô kìa, thế ra Nang không đi nằm à?

Cô thiếp đã đứng xuống đất, kéo hai nắm tay ra sau mang tai, ưỡn ngực lên cao, ngáp rồi ồm ồm nói:

- Nang có đi nằm mà, nhưng Nang còn đợi Quan Châu, Quan Châu chưa ngủ Nang cũng chưa ngủ... quan Châu sao thức lâu thế?

Bây giờ ông quan Thổ nghe chùng đã mệt lắm, vì đã hết sức đem cả tinh thần ra để nghĩ ngợi đến gần hai trống canh rồi, cho nên cái mình êm ái của cô hầu non với cái thú đầm ấm trong chăn đã khéo quyến rũ ông đi nghỉ.

Ông Châu lại bên án để tắt bớt đèn đi. Chợt thấy chén nước uống thừa đổ ướt cả tờ giấy. Ông vội cầm lên thấm vào tập hoá từ cho ráo rồi hơ lên ngọn đèn cho khô.

Hàng chữ Hán và hai hình vẽ bên cạnh nổi rõ ở trên ngọn lửa tạt đi tạt lại. Bỗng nhiên ông Châu kêu lên một tiếng, rồi giáp cả hai ngọn đèn lại mà hơ tờ giấy lên. Ở giữa mảnh giấy hồng hồng, ông thấy một khoảng tối hơn. Một tia sáng vừa soi qua trí ông, ông nghĩ ngay đến một câu chuyện cũ.

- Phải, phải! (ông lẩm bẩm nói). Cũng giống như truyện tờ di chúc trong bức tranh^[5]... Phải rồi!... Cầm giấy giơ trước mặt mà đọc... mà bó

đuốc lửa cháy ở sau tờ giấy... nó bảo mình đốt lửa mà soi... mà mình cũng như anh huyện quan kia... Minh ngốc thật!

Thế rồi ông không hỏi gì đến cô thiếp nữa. Cô ta chẳng hiểu gì cả, đứng giương mắt thực to mà nhìn.

Ông Châu ngồi xồm trên giường, hai tay vừa run vừa đắp nước trên bàn vào mảnh giấy, rồi cẩn thận bóc chẻ nó ra làm đôi.

Một miếng giấy vuông sắc trắng hơn, dán áp vào nửa giấy thứ hai và bong ra gần hết. Ông Châu cầm soi lên ngọn lửa thì thấy chi chít những nét chữ nhỏ nằm hỗn độn. Ông xem kỹ thì biết mảnh đó là một tờ giấy rộng gấp làm tư. Ông phải hết sức cẩn thận mới lấy móng tay bóc mở ra được, vì tuy nó cũng dai, nhưng theo với hai mảnh ngoài bị nhàu và thủng rách lỗ chỗ.

Trong tờ giấy mới này viết chữ dày gần hết. Nét chữ cũng tốt và rõ như ở tờ áp ngoài. Ông Châu đọc thấy những lời này:

“Hang Văn Dú trông như cái mòm có hai răng. Ba thước nói là chân, bốn thước nói là tay. Mày đo từ cửa hang vào trăm chân, rồi mày đo trở lên ba tay, thì sẽ thấy chữ tên của mày là Thạch. Đào từ chữ thạch xuống sẽ thấy một cái hang nữa mang những hòn đá hình nhẵn như trứng. Đá này giữ kho của đó. Nhưng không được lấy sức mà mang vì mày tìm thấy vàng nhưng mày chết.”

Bên cạnh những dòng chữ này, còn một đoạn chữ nhỏ hơn và viết đá thảo:

“Phải dán giấy này như cũ, mang theo trong mình cho đến khi vụn hết của trong Văn Dú. Nếu trong hang không có dấu vết tìm đào thì về sau tìm đến nhà con cháu họ Hoàng mà thưởng cho họ năm nghìn vàng. Nếu thấy có người chết vào chỗ đá lở thì phải cẩn thận mà hết sức tránh sự báo thù của họ Hoàng.”

Chương 5

Sáng hôm sau ông Châu Nga Lộc xuống nhà sớm, người Thổ Kao Lâm còn ngủ li bì trên một chiếc côi.

Mấy đầy tớ thức dậy thưa rằng hấn cứ mê man nói đến những hang, những núi, những người chết, với những người thất cổ suốt đêm, nên không ai ngủ được yên vì ai cũng sợ.

Ông quan Thổ gật đầu bảo cứ để cho hấn nằm đó, rồi quay lại dặn bốn năm người đàn ông ở ngoài sân đi vào:

- Chúng mày ăn cơm thực nhanh rồi sắp sửa đi theo tao có việc cần. Cầm đuốc, cầm dao, cầm dây, mang xẻng cuốc, với đóng sáu con ngựa.

Mọi người biết là có việc quan hệ lắm, vì không mấy khi quan Châu dậy sớm như thế, mà lại ăn mặc gọn ghẽ hấn hoi. Minh ông vận áo bông chàm thắt ở ngang lưng, chân đi giày, đôi bít tất xanh kéo lên bó lấy ống quần, ngoài cùng lại quấn thêm một lần nịt vải.

Bây giờ ông đang chít lại cái khăn nhiễu lớn và đứng đợi xem người ta đóng ngựa.

Ngoài sân, mới lù mù sáng.

Mấy con vật thấy người vào chuồng thì đập chân xuống đất và phì thở rất mạnh.

Ông Châu bảo họ hãy lấy cỏ cho ngựa ăn.

Dưới bếp lửa cháy to, chiếu lên mặt sân một dải ánh sáng mập mờ và lay động. Ông Châu giục người dưới bếp thổi cơm mau lên, những người còn xúm xập đắp chiếu ngủ trong xó hiên nghe tiếng ông nói to lục đục trở dậy. Rồi người thì đi mở cổng, người thì vào bếp, người thì ra đằng sau. Làm náo động cả cái cảnh lạnh lùng buổi sáng.

Lúc ông quan Thổ cơm nước đoạn, từ nhà trên lại đi xuống thì thấy người bộ hạ cũng đã ăn uống xong và đứng nait nịt ở bên sáu con ngựa yên cương cẩn thận.

Trong này kín gió mà còn thấy giá lạnh, thì ở bên ngoài tất rét hơn nhiều. Ông Châu lấy một cái khăn vải chàm to bịt kín lấy hai tai và thất xuống cầm. Ông đeo một thanh gươm lớn mà ông vẫn mang theo trong lúc đi xa và đội một cái nón đan to vành đã cũ. Ông đứng trước khung cửa, giữa khoảng ánh sáng đo đỏ của ngọn đèn yếu đuối bên trong, và dặn người nhà phải giữ người Thổ Kao Lâm lại cho đến lúc ông trở về.

Rồi ông bước ra, lên yên ngựa từ trong sân để cho mấy người hầu dắt ngựa ra khỏi cổng.

Trời mới tang tảng sáng. Sương xuống dày quá đến nỗi không thấy được nhà cửa ở dưới chân đồi. Người ta bị cái thứ không khí ẩm thấp, lạnh lùng bọc lấy, và thấy mình cách biệt với người đi bên cạnh. Ông Châu quay lại bảo hai tên bộ hạ đi lên trước, còn ba tên kia đi sau. Sáu người cưỡi ngựa đi hàng một như ngồi trên mây, cứ thuộc lòng lần qua con đường nhỏ hẹp mà ra khỏi Châu Nga Lộc.

Người đi đầu không biết nên rẽ lối nào, dừng lại hỏi.

Ông Châu bèn truyền ra một cách đồng dặc:

- Cứ thẳng mạn Văn Dú mà tiến lên!

Ông có ý định xem họ cử động ra sao. Nhưng mọi người đều im lặng, lại không ra dáng lấy làm kinh lạ. Cái lệnh ông Châu mới truyền xuống, nhưng họ đã đợi nghe từ lúc mới bước chân ra. Và lại họ là những người can đảm và rất trung thành. Tuy họ cũng tin và sợ những cái ghê gớm của hang thần, nhưng họ lại tin và sợ cái oai của quan Châu chẳng kém. Giá thử bị sai phái đi vào những nơi nguy hiểm như thế thì họ còn sẵn lòng ngần ngại, nhưng bây giờ lại có cả quan Châu cùng đi.

Không ai nói một câu nào. Sáu cái đầu cùng chăm chú cúi trông xuống khoảng đất phía trước vó ngựa. Chung quanh đều mờ mịt không trông rõ vật gì.

Đi khỏi những tầng ruộng rạ cụt gần xóm làng thì những đồi đất chen nhau ở trong đám sương mù lần lượt hiện ra rồi lại lần lượt biến mất. Sáu người càng tiến thì trời càng thêm sáng. Sương đặc cũng dần dần loãng thêm. Đường lối trông đã rõ. Người thứ nhất ngoảnh lại đã thấy mặt người sau cùng. Họ bèn bảo nhau thúc ngựa chạy nhanh, cho chóng tới nơi và cho quên rét

Được gần nửa đường thì núi Văn Dú mới thấy hơi lờ mờ ở sau cái màn hơi trắng đục. Đường lối đi rất khó vì họ chọn toàn nẻo tắt, phải đi qua hai ba rặng rừng cây thấp xơ xác, và lên xuống năm sáu dãy đồi đất liền nhau.

Bọn đầy tớ quan Châu chưa một lần nào dám hỏi ông ta xem đến Văn Dú làm gì. Nhưng ông ta cũng cắt nghĩa cho họ biết rằng đến Văn Dú trước hết để khám phá những chuyện bí mật, sau để tra xét án mạng xảy ra ở đấy. Nhưng cái cốt chính, mà ông không nói đến là đi tìm vàng.

Lúc bọn ông Châu đến chân núi Văn Dú thì đã vào khoảng giờ thìn (tám giờ sáng), đỉnh núi vẫn như bị sương ăn, mà thân núi cả ngang, trông

lù lù đen có vẻ hầm hầm tức giận.

Quan Châu ngừng lên trông, rồi đưa mắt từ bên phải qua bên trái, chú ý nhìn từng cái kẽ núi lá cây chen chúc, cho đến những gân trắng rất lớn vạch theo chiều thớ núi, nổi lên trên mặt đá màu xám xanh.

Ông quan Thổ xuống yên cùng năm người bộ hạ dắt ngựa đi từ sau lưng ra trước mặt núi, rồi buộc dây cương vào bốn góc cây mọc gần nhau. Đoạn ông tuốt gươm ra, cẩn thận từng bước đi lên, và bảo trước cho mấy người kia biết có người Khách chết treo, để họ khỏi sửng sốt.

Ông Châu trông thấy người thất cổ trước nhất. Nó ẩn hiện trong cành lá nhỏ và thắm ăn màu với bộ quần áo chàm. Đến gần xem thì mặt và bàn chân, bàn tay của người Khách đã xám xỉ lại nhợt nhạt, vì bị mưa dầm sương đượm đã lâu. Đằng sau đám cây miếu với bức tường vỡ là cái hang Thần mà ta đã biết.

Ông Châu nhìn người Thổ già nằm ở một phía nhưng không chú ý bằng nhìn hai hòn đá cao mọc trước cửa hang, ông nhớ đến câu: “Cửa hang Văn Dú trông như cái mồm có hai răng” và nghĩ trước đến cách vào hang xem xét.

Nhưng ông quay lại để khám người Khách đã.

Ông lấy gươm bảo mấy người đứng đằng sau ông tiến lên rẽ đám cây lá dưới đất. Rồi ông bước đến bên cây bàng trụ lá. Ông đã tưởng cái thân sẽ xông nặc lên những mùi ghê tởm, nhưng lúc ấy ông chỉ ngửi thấy mùi ẩm mục của muôn nghìn cây lá cao ngất và xanh um.

Nhìn kỹ thì phía mặt bên kia của người Khách cùng với phía sau gáy và vai bị rìa be bét, màu thít đỏ nhợt như ruột củ nâu non. Ông Châu đưa gươm lên cắt cái dây thừng, thì một vài con quạ vùng lên bay mất. Lưỡi gươm sắc vừa mới cứa, cái thân nặng nề liền rơi trên mặt cỏ, hai gói gấp lại trước nhất rồi gục đầu xuống cạnh chân bức tường. Ông Châu sai người lật ngựa cái thân ra; đất, cỏ úa và lá ướt dính vào má, vào mồm và đuôi một con mắt đã trắng dã.

Người chết trông mặt dày, vào khoảng ba mươi lăm, bốn mươi tuổi. Cặp môi trên râu lún phún, miệng hé mở, hai hàm răng trắng cắn chặt lấy nhau.

Ông Châu xem ra thì biết người ấy bị giết chứ không phải quyên sinh: cái dây thừng ở cổ chặt thít vào như có ai bám lấy chân người khách mà lôi xuống. Ở phía dưới cổ, gần xương đòn gánh, lại có vết đâm, rộng và sâu. Ông Châu toan bảo cởi hàng cúc áo của người Khách ra, nhưng sau lấy mũi

gươm rạch xuôi xuống. Ba bốn lượt áo đã phanh mở mà trông như vẫn còn áo trong: vì bụng người ngực người Khách đã đen xám như chàm. Ở hai bên sườn người này, bọn ông Châu lại tìm ra được vết bốn nhát dao đâm nữa. Những vết đâm ấy cũng như vết trên cổ, sâu và rộng bằng ba đốt tay: hình như người Khách bị giết bằng một thứ đoản kiếm.

Hơn một phút đồng hồ, ông Châu đứng lặng, cúi đầu trên cái thây ma ngẫm nghĩ, trước năm bộ mặt sợ hãi của người theo hầu.

Cái cảnh tượng kỳ quái đến nỗi khiến họ không nói được lời nào; và có lẽ trong bụng họ không kịp nghĩ và không kịp hiểu chi hết. Mấy người tự nhiên đứng sát vào nhau như cùng thấy cần phải đồng tâm hiệp lực. Họ nhìn ông quan Thổ như có ý hỏi, nhưng ông ta lặng thinh.

Gió thổi rung cành cây làm rụng lác đác những giọt sương trên lá.

Bỗng chốc lại thấy giọng thê thảm của mấy con quạ núi quen thuộc nơi hoang vắng bay ngang trời vừa kêu.

- Thôi! Để nó ở đây, bây giờ đến hang núi!

Tiếng ông Châu nói hơi run run và hơi khàn. Ông háng giọng một cái, rồi nói to hơn:

- Thôi! đi ra!

Tiếng vang ở quả núi đáp lại một cách rất dị thường và khiến cho cả người nói lẫn người nghe cùng có những cảm giác lạ. Ông Châu vừa bước ra vừa truyền:

- Thăng Noong, thăng Lường theo tao đến Nùng Khai. Còn ba đứa kia sắp sửa cuốc, dao, dây để vào Văn Dú.

Bọn năm người thấy quan Châu lúc bấy giờ oai nghiêm như cái gươm ông cầm trên tay. Một tiếng ông nói ra ở chốn này họ đều coi như lời thần thánh. Trong lúc ba người chia nhau mấy bó đuốc và mấy cuộn dây dài thì ông Châu với hai người kia đi lại bên cái xác khô của ông già thổ.

Xác Nùng Khai nằm hơi nghiêng, đầu trở vào phía hang, cánh tay trái dè dưới mình, cánh tay phải khuynh vào đưa lên trên không, cứng như que củi gãy; ngón tay và chân đều rút quặp lại; chân trên duỗi thẳng; chân dưới hơi co lên. Bộ mặt xám nhợt trông rất xấu; mi mắt nhắm không liền, miệng há cứng ra, lưỡi thụt vào trong họng.

Ông quan Thổ xem kỹ hai tay hắn thì quả như lời người Thổ Kao Lâm thuật, khắp bàn tay rớm những vết máu rất nhỏ, bấy giờ đã hoá thâm. Ông sai người cởi áo người chết xem còn thương tích gì khác nữa không. Nhưng

ngoài những vết sẹo to ở cánh tay và gân vú – sẹo của những vết thương khỏi đã lâu lắm – thì không còn thấy gì.

Ông lần trong túi áo trong của Nùng Khai thì lấy ra được mảnh giấy cũ và nhàu, trên giấy vẽ đường lối đi đến Văn Dú và biên những câu giống in như mấy câu ở mảnh giấy hôm trước. Hai cái hình vẽ phóng ở hai bên trông vụng dại hơn hình mẫu. Ông cầm lấy soi lên ánh sáng thì không thấy gì lạ. Ông lẩm bẩm một mình:

- Thì ra chúng nó không ngờ gì... nên chúng nó tưởng rằng cứ chép lại những chữ trên mặt giấy kia là đủ... Chúng nó chết là phải lắm. Đến ta, là người trí thức, mà nếu không vì sự ngẫu nhiên thì đời nào hiểu cái mưu ghê gớm của người Tàu... Huống hồ, chúng nó lại chỉ học thuộc lòng những chữ vô lý ấy mà dám xông pha vào đây...

Ông còn đang gật gù như nhận ra một lẽ gì mới nghĩ, thì ba người bộ hạ đưa ông xem một bọc quần áo mà họ đoán là của người Khách chết treo, cùng với bức địa đồ đã gân nát. Ông cầm lấy xem, rũ những áo ướt trong bọc, rồi đứng lẳng lặng. Bọn người theo hầu trông thấy cái suy nghĩ sâu xa ở cả trên những răn trán, trong hai con mắt dưới lông mày, và cái miệng măm măm của ông Châu. Rồi ông lại gật gù:

- Phải rồi! Ta đoán không sai. Người này quyết là con cháu của viên quan Tàu. Nhưng sao bây giờ mới sang đây? Ta có thể ngờ là mảnh giấy “di chúc” kia khi đem sang Tàu thì đã phải thất lạc nhiều lần, hoặc bị tay kẻ khác chiếm đoạt đến nay mới lại tìm thấy...

“Nhưng cái đó cũng không căn cứ vào đâu. Chỉ phải xét xem ai đến đây mà giết người kia? Mà kẻ giết người ấy sao lại giết hẩn một cách lạ lùng như thế? Cái chết của người Khách với của Nùng Khai này cùng bí mật như nhau, nhưng mỗi người chết một cách ghê gớm khác. Ta đọc tờ giấy hôm qua thì có thể đoán rằng Nùng Khai chết vì những hòn đá giết người. Những hòn đá này vì đâu mà giết được người, ta cần dò xét cẩn thận mới biết được.

Rồi ông móc túi lấy ra tờ giấy mỏng ông tìm được ở trong mảnh giấy vuông của người Thổ Kao Lâm. Ông không đọc một chữ nào vì ông đã thuộc hết. Ông chỉ tự hỏi:

- Người Khách chết ở kia, vậy ai đem mảnh giấy vuông vào trong hang? Trong hang có những ai? Mà Nùng Khai làm thế nào lại lấy được ra rồi chết?

Ông quan Thổ nói câu sau cùng to lên và mắt ông vô tình nhìn vào mắt một người trong bộ hạ. Họ không biết nói gì, chỉ giương mắt to nhìn nhau.

Ông Châu bèn đứng sững người lại, vớt cái áo của Nùng Khai lên cái xác nằm trơ đó. Rồi ông bảo đốt đuốc, và sắp dây, sắp xẻng cuốc để vào hang thần.

Trước khi bước chân lên, ông đứng sững lại một lát cố thả tầm mắt soi vào khoảng đen tối trong hang, mặt ông hơi có dáng lo ngại và nghi ngờ. Ông biết rằng ông sắp dần thân vào trong những sự quái lạ phi thường. Nhưng ông cũng trấn tĩnh lại ngay được.

Sau bó đuốc đã cháy lên bùng bùng, ông cầm lấy một bó nhìn năm người bộ hạ, rồi truyền:

- Bây giờ đi vào hang!

Năm người này thực là những người có can đảm bằng thép, rèn bởi cái oai quyền và cái trí cương quyết của quan Châu.

Họ cầm đuốc giơ cao lên, hai người đi trước, ba người đi sau, bình tĩnh cùng với ông Châu bước vào hang Văn Dú.

Bóng lửa khuất vào trong đám tối đen không cùng.

Ngoài cửa hang, cây cối lại vẫn giữ cái vẻ hoạt động vô tình và lạnh lẽo như hôm trước, như lúc hai người Thổ Kao Lâm mới bước tới, duy có khác một điều là thân người Khách đã thối lũng lảng ở dưới cây bàng, và trước hang thần, thêm một người nằm chết.

Chương 6

Ánh lửa đuốc chiếu sáng được một khoảng dài khiến cho ông Châu trông thấy trước những chỗ rẽ sắp bước tới và làm cho bớt cái hơi lạnh trong hang.

Hang rộng chừng mười bộ, càng vào càng thấy cao thêm. Dưới chân, đường đá rắn và trơn, nhiều quãng phẳng dễ đi như đã sửa sang từ trước.

Lối hang khúc khuỷu, đi chưa được mấy, ngoảnh lại đã không thấy cửa hang đâu. Ông quan Thổ kỹ lưỡng xem xét hai bên, thấy cái mỏm đá, hốc đá nào cũng chú ý đến. Trên mặt vách đá màu rêu mốc đủ các sắc, ông Châu mỗi chốc lại tưởng như sắp thấy những dấu hiệu dị thường. Nhưng không, chẳng có gì là ghê gớm, ly kỳ; cũng không thấy có vẻ gì là giết người hết. Từ cửa hang trở vào, thỉnh thoảng lại có một vũng nước hoặc ở giữa, hoặc ở cạnh lối đi hợp với hai cái lạch chỗ nhỏ, chỗ to theo chân vách đá. Nước ở lạch trong hơn nước suối, ánh lửa đỏ soi xuống tận đáy thấy một lớp sỏi nhỏ và trắng tinh. Nhiều lúc cả bọn cùng dừng chân, không ai nói một lời nào, thì thấy trong hang yên lặng, chỉ nghe có tiếng giọt nước trên cao rỏ xuống, với những tiếng dơi bám vào trong khe tối bị mất giấc ngủ vì có ánh lửa và có người vào.

Năm bộ hạ càng vững lòng, thì ông Châu càng lo ngại. Cái yên lặng và dáng tầm thường của hang đá này như có vẻ lừa dối nham hiểm. Ông nghĩ đến những câu trong tờ di chúc bí mật: những lời trong giấy này biết đâu chẳng là những câu gạt mình để làm hại mình ở đây? Ông có ý hỏi hận vì không thử y lời dặn trong giấy là đo từ cửa hang vào cho biết chừng đã sắp đến nơi chưa. Nhưng theo như ông ước đoán thì đến chỗ đó chưa được nửa đường, và ông còn muốn xem xét một lượt đã.

Ông không để cho bọn theo hầu trông thấy cái lo ngại của mình. Mà họ cũng không đủ sáng suốt để trông thấy được. Họ chỉ biết tôn trọng cái vẻ trầm ngâm của chủ họ trong lúc ấy và hết sức vâng theo lời ông.

Giữa nơi kín đáo như thế, trong ruột một quả núi chứa chắt những điều bí hiểm, ông Châu thấy như cách biệt hẳn với thế giới. Ông lấy làm lạ rằng lòng can đảm của mình bị lay động quá đến thế. Ông tĩnh tâm lại để xem mình nghĩ gì. Ông ngờ rằng trong hang núi có một sức mạnh làm tâm trí ông mê mẩn. Ông nhìn thứ ánh sáng đỏ bập bùng của mấy bó đuốc chiếu vào bốn phía đá, rồi ông lại nhìn bọn đầy tớ, họ nhìn lại ông.

- Vô lý thực, mình lại nạt mình chứ có ai đâu.

Ông nghĩ bụng thế, rồi ông truyền cho họ tiến lên.

- Tắt bớt đuốc đi, khói xông lên nhiều quá; để bốn bó cũng đủ rồi.

Họ nghe theo lời ông và đi mươi bước nữa thì đến một vũng nước lớn lan khắp bề ngang đường hang núi. Giơ đuốc lên soi thì thấy đến chỗ rẽ mà vẫn chưa hết. Đá chỗ ấy trơn lấm. Nước trên những thạch nhũ sèo sệt rõ xuống mấy ngọn lửa và mau như giọt tranh sau trận mưa rào.

Ông Châu sai hai người cầm đuốc tiến lên:

- Hai thằng hãy đi xem chỗ nước này đến đâu thì hết.

Hai người tức khắc vâng lệnh rồi nhanh chân giẫm lên lớp đá cuội trắng ở dưới đáy mà đi vào. Hai ngọn đuốc lảo đảo soi dần vào quãng đường tối đen rồi khuất hẳn.

Được một lát, tiếng chân khoa nước thấy dứt. Rồi hai người Thổ nói vang lên, giọng vui mừng như lấy làm lạ:

- Quan Châu à! Chỗ này hết nước rồi! Mà đằng kia lại sáng lấm. Có lẽ chỗ này ăn ra một cửa hang khác cũng không biết chừng!

Ông Châu liền tiến lên cùng ba người bộ hạ. Ông để cả giày lội xuống nước nhưng vội lùi lại ngay; nước lạnh buốt như làm rụng mát chân. Ông chịu rét không quen nên bảo hai người cầm đuốc cho ông và cho một người bộ hạ thứ ba, để hẳn công ông qua cái vũng nước ấy.

Tiếng hai người đi trước vẫn nói lớn, họ bàn nhau tắt đuốc để dành đến lúc ra.

Bọn sau đi được già nửa đường, sắp tới chỗ rẽ. Bỗng nhiên hai tiếng kinh ngạc cùng kêu lên một lúc.

Ông Châu lớn tiếng hỏi. Hai người không đáp chỉ gọi:

- Quan Châu à! Còn trong hang chứ?

Giọng họ run run và réo vội lên như người sợ quá ngẩn hơi thờ.

- Quan Châu à! Lạ lắm! Đi mau lên! Đi mau lên!

Ông Châu giục người công bước thực mau. Những lời nói vừa rồi vang ầm lên cùng với tiếng nước reo dưới những bước chân khua động.

Khỏi chỗ vũng nước thì thấy ánh sáng mà hai người kia báo trước. Ông Châu ở trên lưng người công nhảy xuống, vội chạy đến sau hai người kia xem. Ông cũng sững sốt như họ, đứng lặng không nói được gì. Ba người sau tới nơi cũng đứng đực người ra như thế.

Trước mặt họ, cách độ hai chục bước, trong một khoảng rộng và cao như một cái động nhỏ, hiện ra một cảnh tượng quái gỡ kinh hoàng:

Một bọn năm, sáu người đàn ông nằm ngòai hồn độn bên những tảng đá cuội cực to, gằn sát chân vách đá. Một thứ ánh sáng trắng và yên lặng như vun ở ban ngày lạnh lẽo bên ngoài mà dội xuống bởi một cái lỗ ăn thông lên đỉnh núi; nhưng đứng chỗ ấy, ông Châu chưa trông thấy trời.

Ông bảo bọn theo hầu tất hết đuốc đi, chỉ để lại một bó nhỏ. Rồi một mình ông tiến lên trước, thanh gươm sáng lăm lăm trong tay. Ông quay lại truyền:

- Năm đứa bước theo tao! Nhưng nếu tao không bảo thì không được làm gì đấy. (Ông lại chỉ những hòn đá cuội lớn). Mà phải cẩn thận, không đứa nào được chạm đến những tảng đá ấy. Nó nguy hiểm lắm đó: nó làm chết Nùng Khai và những thằng này.

Bọn theo hầu còn đang kinh khiếp sẽ thì ào nói như chính mình lại sợ tiếng mình, thì ông Châu bỗng chú ý ngay đến một khoảng tối đen ở trên một phía vách đá, cách mặt đất độ năm sáu thước, và to gần bằng một cái nong. Nhìn kỹ thì đó là cửa một cái hang con bị lấp đầy những hòn đá cuội to cùng màu và hình như cùng hạng với những tảng đá lăn lóc dưới đất.

Ông Châu bước lại gần, ngẩng lên nhìn một hồi lâu rồi nghĩ thầm:

- Thì ra chúng nó cũng biết đây là lối vào nơi để của và cũng đoán được cái câu: “Mày vào trăm chân, mày lên ba tay” ở trong bài di chúc vẫn tất. Mà có lẽ bọn con cháu họ Hoàng đã tìm thấy nghĩa câu ấy từ trước và bắt đầu phá cái hang nhỏ này rồi. Nhưng chúng đoán ra, đào ra để tìm thấy cái chết chứ không tìm thấy của.

Rồi ông lẩm bẩm trong mồm, nửa như nói một mình, như bảo lũ bộ hạ:

- Hừ khôn khéo, khôn khéo mà ghê gớm lắm!

Mấy trăm năm trời nay, những hòn đá kia giết đã bao nhiêu nhân mạng? Viên quan Tàu kia giữ cửa bằng cách gieo những cái khùng khiếp, chắc tưởng rằng phi con cháu nó thì chả có ai là người lấy được của trong này ra; chớ có ngờ đâu đến lượt ta... ta quyết phá cho tuyền cái kế thâm độc ấy!

Nói đoạn ông quay lại dặn bọn người nhà lần nữa:

- Không được đứa nào động đến những hòn đá này đó. Hãy lôi xác những thằng này để ra một nơi cho tao xét xem.

Năm người kia vẫn đứng yên, chưa hiểu ra sao, ông Châu lại quát:

- Mau lên chứ! Lôi chúng nó ra cả một bên!

Bọn chúng có sáu người, gằn hết trông to béo lực lưỡng, họ ăn mặc đều một loại áo vải dày màu chàm. Da mặt và tay họ đều xám đen như da Nùng Khai. Họ cùng đi một thứ giày vải, ngoài quần những dây nịt khiến cho lá

cỏ cành lau giắt đầy chung quanh chân. Coi mặt mũi và y phục thì biết họ là người Tàu, nhưng không thể đoán được là người ở bậc nào vì tất nhiên họ phải thay đổi hình dạng.

Người thứ nhất – bảy giờ đã lòi ra để một chỗ – là người còn trẻ, mặt mũi nhăn nhó như người đau đớn gớm ghê. Người thứ hai và người thứ ba ngồi dựa lưng vào vách đá, một người ngửa cổ lên, còn một người ngả đầu xuống vai người nọ; lúc mấy tên bộ hạ Thổ xốc nách kéo hai cái xác đi lùi lại, thì đầu hai người chết vẫn ngửa; miệng thì xéch lên như cười một cách đần độn. Người thứ tư là một ông già, mặt xương xương, mép và quai hàm lõm chồm những râu, mắt to, mở trừng trừng, đang nằm nghiêng ôm lấy một hòn đá cuội. Bốn người Thổ phải khó nhọc mới kéo được ông già ấy khỏi chỗ cũ, vì chân ông ta bị đè dưới bụng một người to béo – người này đâm chúi đầu xuống, miệng hôn đất, tay quắp lại, mười ngón quào sâu vào đùi ông già. Còn người sau cùng mở mắt nhưng lòng đen chạy lên mí trên, mồm cứng và hé mở, môi dưới trề ra; hấn ngòi gò ruột ở một bên, vai so lên, cầm sát ngực.

Bằng ấy cái xác cứng đờ như tượng gỗ, họ đều kéo lại cho nằm kènh càng ở một chỗ sáng nhất, trên mặt đất hang rắn và ẩm, mình đè lên những cái côn sắt lớn và nhọn, những thanh gươm ngắn và trần, những bọc vải xanh đựng cơm và bánh khô với những bó thuốc đã tắt lửa.

Tuy có đông người trong hang và tuy đã hơi dạn với cái bí hiểm, ông quan Thổ cũng phải gắng sức mới bình tĩnh được tâm thần. Trước cái cảnh tượng quái gở mà ông thấy đó, ông sẽ lắc đầu mà tưởng đến cái ghê sợ của một người vào đây một mình. Ông tự nghĩ:

- Thế mà ta chực không cho đũa nào theo đây! Cũng may mà ta nghĩ lại... Nếu không thì những lúc này liệu còn can đảm không?

Rồi ông nghĩ đến Nùng Khai và đến lúc hấn trông thấy bốn người chết. Ông chắc rằng khi Nùng Khai vào Văn Dú thì đã thấy bốn Khách ở đây mà lúc ấy họ cũng đã chết rồi.

Nùng Khai có lẽ chết vì khiếp sợ quá? (Ông nghĩ thế, nhưng lại lắc đầu). Khiếp sợ mà đã chết ghê gớm như thế này được ư? Mà Nùng Khai có khiếp sợ không? Không chắc, mắt tên cướp kia đã quen thấy máu đỏ, quen thấy những cảnh tàn sát nhiều lần rồi; mà cái lòng hung bạo ấy lại nhờ có sự ham chiếm được của làm cho táo tợn thêm... Và nếu nó biết sợ đã không dám vào đây ngay từ lúc thấy xác người Khách thất cổ.

Lúc ấy ông Châu từ từ đưa mắt nhìn khắp động từ trên xuống dưới, từ trái sang phải; nhưng không chú ý đến vật gì. Ông còn đang đoán tưởng lại những cử chỉ của tên Thổ già từ lúc vào đây đến lúc chạy ra cửa hang mà chết, thì bỗng trông thấy một con dao rùng với một bó đuốc bằng sam mộc nằm ở bên một tảng đá cuội. Con dao ấy tất nhiên không phải của bọn Khách, vì đó là thứ dao rùng chỉ riêng người Thổ quen mang. Mà bó đuốc kia chắc cũng là của Nùng Khai, theo như người trai Thổ Kao Lâm thuật lại.

- À thế thì chắc Nùng Khai tìm thấy tờ di chúc kia ở chính chỗ này đây. Rồi tất nó phải chạm đến những tảng đá này mới chết được... Có lẽ nó tưởng trong đá cuội có vàng ngọc nên mới lấy tay vờ xem...

Nhưng nó ngu ngốc đến đâu cũng phải nghi ngờ chứ... Bọn Khách kia chết cứng đờ ra đó, mà những hòn đá này thì lăn lóc ở bên...

Ông quan Thổ cau đôi mày lại, nhìn trùng trùng xuống đất, một ngón tay chập chập gãi sau mang tai. Rồi ông ta se sẽ một tiếng thở dài.

- Hay là tờ giấy kia bị một hòn đá đè lên? Nùng Khai muốn cầm giấy xem nên mới mang bỏ hòn đá sang bên cạnh? Ừ có lẽ thực thế, vì tờ giấy ta thấy thủng rách lỗ chỗ mà ở hai mặt giấy ta còn thấy màu đất bám và phẳng phát màu rêu xanh. Nhưng dẫu sao, ta hãy cứ biết rằng Nùng Khai cũng như bọn Khách kia, bị chết vì đã phạm tới những hòn đá cuội ấy.

Những tảng đá này trông nhẵn và cũng khá tròn, tự cái lỗ đang đào dở lăn ra, và nhiều tảng lăn tăn mát tận đằng xa và khuất trong đám tối.

Ông Châu đến bên một tảng, cúi xuống xem xét một hồi rất lâu, nét mặt khó khăn, chăm chú và tỏ ra chiều rất cẩn trọng.

Ông lẩm bẩm nói:

- Cái thần giữ của của nó mới hiểm ác chứ! Có ai ngờ đâu những vật ghê gớm này lại là những tảng đá tầm thường.

Rồi ông đứng sững lên, lại gần mấy cái tử thi người Tàu, khắc một cái nhỏ xuống đất và gọi bảo lũ bộ hạ:

- Trên mặt bàn tay lũ này cũng như trên mặt bàn tay của Nùng Khai, có những vết máu lấm tẩm đen, dấu vết của những hòn đá giết người đó. Đứa nào phạm đến những vật ấy thì cũng phải chết như những tên vô phúc kia. Chúng mày phải coi chừng đấy.

Lúc ấy, ông đang lom khom cúi xuống xem cái xác người Khách già nhất. Người này trông vẻ hung ác, hai mắt nhìn thẳng vào chân ông Châu.

Bên cạnh cái bao grom to bản và ngắn đeo vào cái đai vải thắt ngang lưng hẳn, ông còn thấy giắt một cái hộp thiếc mà ông không thấy ở thắt lưng bọn kia. Hộp này dài hơn một gang, ngang bằng ba đốt tay và dày hai đốt. Ông Châu liền cầm ngay lên, rút nắp lấy ra được hai tờ giấy cuộn tròn lại. Tờ thứ nhất là một cái giấy thông hành của quan tổng đốc Quảng Đông cấp. Tên người mang giấy đó là Thạch Dụng, ba mươi tư tuổi, làm thầy địa lý, quán ở Bình Giang. Cứ tuổi trong tờ giấy này thì ông già kia không phải là Thạch Dụng, mà người mang nó có lẽ là người Khách bị giết ở gần cửa hang.

Ông Châu xem đến tờ thứ hai.

Tờ giấy này dày như bìa, màu vàng bản. Ông quan Thổ vừa thoát giỏ ra đã thấy kinh lạ: chữ trong giấy viết bằng máu, nét gầy cứng như vạch bằng que.

Lời trong giấy như sau:

“Bọn dũng sĩ chúng ta là Đô Bá Kỳ, Tàn Du, Điền Nhị Giang, Lý Thất và Lý Nhạc, năm mãnh hổ ở vùng Mê Sơn, xông pha hiểm trở, theo vết chân Thạch Dụng đến đây để chiếm lấy kho vàng của y.

Năm chúng ta cùng tra khảo y, cùng lấy được mảnh giấy chỉ cách đào lấy của, rồi cùng giết chết y.

Vậy chúng ta thề nguyện với nhau rằng, của cùng tìm được chia đều, và phải giữ việc này cho kín. Nếu trong bọn ta, có kẻ nào manh tâm muốn chiếm lấy phần lớn, hoặc tìm cách giữ cả cho riêng mình, thì kẻ ấy sẽ bị chết treo trên cây vì tay chúng ta, bị năm nhát dao trên mình, y như số mạng của Thạch Dụng.

Chúng ta lấy máu của y để viết tờ giấy này, lại cùng chích máu mình biên tên và in dấu ngón tay vào đây ký kết”.

Năm ngón tay cái in thành một hàng máu đỏ nhoè nhoẹt ở sau những câu ghê gớm ấy.

Ông Châu lặng yên, không nói gì. Một lát ông quay lại nhìn bọn người Tàu, thấy mặt mũi họ càng thêm vẻ độc ác. Nhưng bọn giết Thạch Dụng chỉ có năm đứa, vậy đứa thứ sáu là ai? Có lẽ là đứa trẻ nhất, và có lẽ là người đi theo Thạch Dụng đến đây làm chân trong cho chúng.

Một lát ông Châu lại nghĩ:

- Thì ra quả nhiên tên Khách chết treo là con cháu người quan Tàu thực. Nhưng tại sao mãi bây giờ mới sang đây? Mà bọn cường bạo kia dò xét làm

sao lại biết được y sang tìm của. Cái đó toàn là một thiên bí mật khó lòng mà khám phá được ra.

Ta chỉ phục viên quan Tàu thực là người sâu sắc! Câu dặn con cháu phải gắn lại tờ di chúc, ta tưởng là vô lý, nhưng đến nay mới rõ cái ý khôn ngoan. Viên quan Tàu có lẽ muốn phòng hai điều, một là bảo con cháu giữ lại đừng huỷ tờ giấy đi, để sau có khi phải đem ra chứng nhận cái quyền được hưởng của trong hang Văn Dú; hai là hoặc trong khi đi tìm của, có kẻ theo mà tra khảo thì tờ giấy kia với những câu kỳ dị viết trên đó sẽ lừa gạt kẻ chiếm được nó và báo thù cho con cháu mình. Viên quan Tàu muốn cho của trong hang Văn Dú nếu không về tay dòng dõi nhà y, thì không về tay ai hết. Mà của cải với nơi chứa nó sẽ là tai hoạ nghìn năm cho những kẻ muốn tìm tòi... Ta cũng là kẻ tìm tòi đây... Nhưng cái mưu kế lập ra từ mấy trăm năm kia đối với ta không có giá trị gì nữa!

Chương 7

Ông quan Thổ gấp cả hai tờ giấy tra vào cái hộp thiếc như cũ và giắt vào thắt lưng mình, rồi ông sai bọn theo hầu đem cuốc xẻng và dao trường đến phá nốt cái lỗ hang ở trong phía tối. Họ vâng lời, tức khắc lấy xẻng và dao nện những hòn đá từ dưới trở lên. Cứ mỗi hòn đá rớt ra họ phải nhảy lùi lại. Cái khó trong việc đào phá chỉ là phải tránh những hòn đá cuội đó. Ông Châu đứng một bên, trên một tảng đá xanh, cao và khá phẳng. Ông vừa bảo ban vừa thôi thúc họ; trong động vang lên những tiếng cuốc xẻng, những tiếng ông Châu quát, với những tiếng đá cuội lăn ra. Lỗ hang, sau đó một hồi lâu đã thấy mở ra được non nửa về phía dưới. Lúc ông Châu toan bảo một người đốt đuốc lên, thì ông chợt thất kinh kêu lên một câu dữ dội:

- Này chết! Lùi ra mau!

Vừa lúc bọn đầy tớ hốt hoảng nhảy lại đằng sau, thì rầm một cái như sét nổ trời, cả phần trên lớp đá cửa hang cùng lở xuống. Bọn Thổ chạy tán loạn nhảy như lũ vượn, để tránh những hòn đá tròn đuối theo. Đá cuội cứ lăn ra tứ tung và chiếm gần nửa chỗ trong động. Cũng may không ai việc gì. Nhưng họ mất sắc đi vì khiếp sợ.

Lúc họ đã dám quay lại nhìn thì cái cửa hang nhỏ đã rộng mở. Hang này cách đất độ bốn, năm thước, cửa hang to bằng một cái nông. Không thể biết hang nông hay sâu: trông vào thì chỉ thấy mù mịt đen và phảng phất như có khói. Ông Châu bảo họ lấy dây thừng và dây mây làm thành những thứ quang sơ sài để tải những hòn đá kia ra một chỗ. Ông đến xem mấy hòn đá gần nhất thì thấy cũng là một thứ đá cuội như những hòn lăn ra trước, nhưng nhỏ và nhẵn nhụi hơn. Ông lại nhìn kỹ những hòn phía gần cửa hang, là những hòn đá rơi xuống trước tiên thì lại thấy chung quanh đá bong ra những mảnh cát to hạt và sắc cạnh mà ông không dám động tới. Ông gật đầu mấy cái rồi nói:

- Chỉ có lượt đá ngoài cùng là nguy hiểm thôi.

Tuy thế song cũng bảo bọn kia phải cẩn thận mà khiêng từng hòn một. Họ lắng lắng theo lời ông như một bọn người máy.

Khi đá cuội ở bên những cái xác chết đã xếp thành một đống to và khi đã có lối đi tới cửa hang ông Châu mới bảo đầy tớ đem cái bó đuốc gần tàn lại để nói. Ông thì cầm bó đuốc sam mộc của tên Nùng Khai. Thấy một tên

bộ hạ không đi hài xảo, ông liền bắt hắn cởi giầy của một người chết để xỏ chân vào. Rồi ông nói:

- Bây giờ chúng mày đem những tảng đá kia chồng thành bậc để lên. Những đá rơi ra sau thì không đáng sợ lắm.

Mấy hòn đá xếp thành một thứ bậc thang cũng khá tiện. Ông Châu đem đuốc lại nhóm, chỉ để lại hài bó dành đến lúc ra.

Rồi ông nhìn lại một lượt chung quanh mình, cảnh tượng trong này thực kỳ dị. Đám người chết co quắp nằm ngheo đầu giờ chân ở chỗ ánh sáng ban ngày soi xuống, cùng với những hòn đá cuội chất đống, màu đất ẩm khác với màu xanh xám của vách hang. Cách đó không xa, bọn người Thổ xúm lại với nhau đứng trong bóng tối. Họ sửa giầy rơm, đai lưng, hay đốt thêm thuốc. Ánh lửa đỏ bập bùng chiếu một bên mặt tai tái của họ và chiếu lên mặt hang đá làm rõ rệt thêm cái lạnh lẽo của thứ ánh sáng ngoài trời soi xuống.

Bó đuốc của ông Châu và ba bó đuốc của bọn đầy tớ đã cháy to, nổ lách tách. Hai người giụi tàn lửa lên đá rồi theo lời ông Châu, chui vào cửa hang. Ông cùng lên với người thứ ba để cho hai người sau cầm đuốc đi tập hậu. Cái cửa hang nhỏ lúc ấy trông như miệng một cái hoả lò đang cháy, mỗi lúc một tối dần.

Không bao lâu, cả lửa đuốc lẫn người cũng bị cái miệng đá ấy nuốt chửng.

Thoạt mới vào, đường đi rất khó. Họ phải lom khom cúi; trên đầu họ, trần đá thấp như muốn đè mãi họ xuống, mà dưới chân có nhiều chỗ hõm hốc, lại thêm đá cuội bên ngoài lăn vào làm cho họ phải hết sức dè giữ mới dám bước lên. Họ không giơ được ngọn đuốc lên cao. Ánh lửa trước mặt làm cho chói quá, phải đưa cánh tay lên che ngang mắt mới trông được rõ lối đi.

Nhưng hang càng vào sâu càng rộng, và dễ đi hơn. Vào chừng hơn mười bộ thì đuốc đã giơ lên được quá trán; trần đá cũng cao dần và đỡ thấy nặng nề. Họ càng vào sâu thì khí lạnh càng thấm thía. Một thứ gió lan đi rất chậm, từ chỗ đen tối cùng cực đưa ra. Họ phảng phất ngửi thấy những mùi hôi tanh và ẩm mốc. Đứng lại độ nửa phút, ông Châu lẳng lặng nhổ bọt, rồi lại tiến lên. Lối đá rêu cũng khá rộng. Ông Châu cho hai người đi quá ông một bước, còn ông đi giữa họ, hơi lùi về đằng sau. Bỗng nhiên ông Châu dừng chân, nói một cách kỳ lạ:

- Ô! Đứng lại, đứng lại xem đã! ồ!... Kia!

Họ trừng mắt trông lên.

Trong khoảng giữa tối om, thấy phảng phất hình một người trắng trắng. Ánh lửa cử động khi mờ khi chói, nên cái hình ảnh vừa rồi lúc biến lúc hiện rất mơ hồ.

- Cứ đi lên xem, chỗ ấy cách đây xa quá nên không rõ.

Họ tiến lên mới được mười bước nữa thì cái hình lúc này thành ra một bộ xương người. Bộ xương này ngồi ngoảnh mặt ra, ở trên một cái bệ gạch rất lớn.

Cái đầu lâu, hai mắt rỗng đen thao láo, ngả về phía trán ở giữa hai cánh tay giao nhau. Hai tay này để trên một cái cột, cao lên tới ngực. Hai ống cẳng đã rời, dựa vào cái bệ như hai thanh củi: phía trên bàn chân có những xích sắt con han gỉ, chằng buộc hai ba vòng. Màu xương thì xanh đen, mốc rêu, cũng như màu cái cột đá. Hàng xương sống vẫn thấy liền khớp, vẫn thấy chống giữ bộ xương ngực. Trên bả vai, lúc soi đuốc lại gần, thấy một thứ mùn nát thành bụi lẫn lộn với một vòng tóc xám xám và dài.

Ông Châu nghĩ ngay đến lối yếm vàng của bọn người Tàu. Ông nghĩ đến cái nổi tuyệt vọng của người mà họ dùng làm thần giữ cửa; nghĩ đến cái lòng thâm độc của kẻ tin những điều vô lý mà hại người. Sau khi tìm được những hòn đá cuội, ông không nhận là có thần thánh gì nữa.

Nhưng ông lại nghĩ:

- Viên quan Tàu kia đã có những tảng đá để lấp cửa hang trong, hẳn đã có phép giấu vàng kỳ bí hiểm rồi; hà tất phải nhờ đến thần thánh nào khác để giữ cửa cho hắn. Ta cần phải biết rõ điều ấy. Vì biết đâu rằng, sau bộ xương vô giác kia, không còn ẩn những mưu kế gì lừa gạt mình nữa...

Ông đứng yên một lát, trí suy nghĩ, tay vân vê xoắn suốt bộ râu cằm. Sau, ông cứ gật gù hoài, miệng mím vào như muốn cười, mặt lộ ra vẻ khoan khoái:

- Phải, phải, chỉ có hai lẽ ấy; chứ viên quan Tàu kia giết người vô ích làm gì? Một là người Tàu nghĩ đến cách yếm vàng từ trước, từ khi mới để cửa ở đây... rồi dần dần mới tính ra, mới dùng cách xây dựng cửa hang bằng thứ đá cuội nguy hiểm. Hai là bộ xương kia chẳng qua chỉ là xương của một kẻ bộ hạ theo vào giúp việc trong này. Mà người giúp việc ấy cũng như những kẻ tải gạch đá vào xây nên cái bệ này đã trông thấy của cải trong này, nên phải giết đi, để triệt những tấm lòng tham và làm câm những cái miệng không kín đáo. Thế rồi một ý kiến nảy ra, viên quan Tàu đem

người bị giết đặt lên bệ sau cái cột đá ấy để làm một thứ bù nhìn. Kẻ nào không phải là người có quyền lấy của, chẳng hạn như ta đây, mà lòng mê tín vẫn còn thì sẽ bị cái bù nhìn kia làm cho kinh hoàng, có khi còn ám ảnh suốt đời nữa.

Cái bệ mà có bộ xương người ngồi ở một bề thoải trông, ông Châu đã biết ngay là chỗ đựng của. Bệ này hình chữ nhật, rộng gần bằng dài, và xây bằng gạch, trông chắc chắn nhưng rất vụng về. Ông quan Thổ lấy mắt ước lượng thì mỗi bề ngang dọc vào khoảng bốn và năm thước và về cao thì vừa bằng cái ống căng bộ xương. Mặt bệ cũng khá phẳng, gạch xây toàn là những phiến rất lớn và xem ra rất dày. Màu gạch một vài chỗ nâu sẫm như da sành, nhiều khoảng rêu cáu vừa xanh vừa đen, nhiều chỗ long lở như đất khô hay mốc bám.

Ở hai bên còn chừa ra hai lối nhỏ đi ra phía sau bệ, đến chỗ cùng hang. Ông Châu cầm đuốc bước vào. Trần đá càng ở xa càng thấp.

Ông đứng sau bệ ngoảnh vào, thả tầm mắt nhìn cái khoảng tối đen mà lửa đuốc không soi tới. Ông đi vào mấy bước thì phải cúi thấp mãi xuống. Ông thấy cái cảm giác như bị đè nén mãi ở dưới cái trần đá nặng và dày. Ông thử nghĩ xem chỗ ông đang đứng ở phía nào trong hòn núi đá. Nhưng không đoán ra.

Khi mắt đã quen tối, ông chợt thấy hình ba bốn bộ xương người nữa. Ông gọi đầy tớ lại và bảo cho chúng biết là họ bị hại bởi tay người Tàu... Nhưng xét kỹ thì hình như họ bị thuốc độc chứ không phải bị chém bắt thành linh như ông thoát tưởng: bộ xương nào cũng còn nguyên, mà cổ vẫn liền với đầu.

- Và lại, ông Châu nói tiếp – viên quan Tàu ngoài cách đầu độc họ thì không dám giở ngón gì ra. Vì tất nhiên y vào đây có một mình, với bọn kia... nếu họ hơi thấy viên quan có ý phản trắc tất họ không để cho y sống.

Nói đoạn ông quay trở lại, đưa bó đuốc cho một người đứng bên. Ông đứng sau cái bệ lớn, yên lặng một hồi lâu, tay cầm gươm, vô tình vạch lên mặt bệ những nét nhằng nhịt.

Lần này là lần thứ năm, thứ sáu, ông ngẫm lại những cảm giác và những điều ông suy tính trong lòng.

Lúc ấy ông thấy lòng xôn xao. Ông dịu lời bảo đầy tớ nổi thêm đuốc lên, thì thấy giọng nói của mình hơi khác. Quả tim ông đập nhanh và mạnh lắm. Có lẽ đó là vì mừng. Vì ông biết rằng trong cái bệ lớn kia, có một kho của lớn mà chính ông, ông sắp được hưởng... Viên quan Châu nhỏ mọn,

danh phận mờ tối ở trong bóng những rừng hoang, nay chỉ còn phải lật có một lần tường mỏng nữa là được trông thấy cái phú quý to nhất trong nước... Ông sẽ làm nên tiếng tăm, ông sẽ tìm cách cùng một đồng liêu người Kinh, làm quan trong bộ. Ông sẽ mở một con đường mới cho người cùng giống. Người ta có của là người ta có quyền.

Ông hăng giọng cho lời nói mạnh lên. Bọn theo hầu đã đốt thêm đuốc.

Ông sai giắt hai bó lên kẽ đá, bảo ba người khác cầm năm bó, còn ông và hai người mạnh khoẻ nhất thì lấy xẻng, cuốc để bở vỡ cái mặt bệ ra. Cuốc vừa mới giáng được một nhát, bộ xương người bỗng đổ rơi xuống, xếp lại thành một đồng hỗn độn trên mặt bệ, cái đầu lăn ra một bên. Ông Châu bắt họ không được ngừng tay. Họ đang ra sức bở nữa thì ông Châu ngăn họ lại.

Rồi một tay cầm lấy một con dao còn tay kia ông rờ vào chỗ kẽ vừa mới nứt ra ở một góc bệ. Ông lấy mũi dao cắm mạnh vào đó, bảo một người nữa cùng làm thế, rồi hai người lấy hết sức bẩy lên. Một phiến gạch dày ước nửa gang tay, to bằng nửa cái án thư bật lên, để lộ ra một lớp gạch nữa mới hơn ở dưới một lần nữa mỏng.

Lớp gạch phủ trên đá phá hết. Lớp gạch dưới mới này được ba viên.

Ông Châu vội bảo họ ngừng tay: ông đã trông thấy những hình nén, hình thoi in nhấp nhô ở dưới một lần vải phủ trên. Mảnh vải ấy cách lằn gạch độ ba đốt: ông quan Thổ cầm lấy mép vải rồi nhanh tay lôi lên, mảnh vải mủn rách bung ra; ông Châu mở mắt cực lớn.

Những thoi vàng dài, màu xanh xanh, nằm hỗn độn bên những râu vòng trắng muốt, đó là những vật ông trông thấy trước nhất, bọc trong những mảnh lụa hay giấy mỏng lòi ra. Còn ở dưới thì toàn những bọc còn nguyên, có lẽ cũng là bọc vàng, ánh lửa soi vào làm hơi lấp lánh ở những chỗ rách.

Ông quan Thổ, mười ngón tay run lẩy bẩy, đưa cả chục bóc; ngậm ngừng một lát, rồi với lấy mấy cái bọc đưa lên tận mắt để xem.

- Chính phải rồi. Chính vàng! Vàng! Vàng với những vòng ngọc. Vàng ngọc cao gàn ngạp bệ, lại còn khuất ở dưới những phiến gạch kia!

Bỗng nhiên ông nín lặng. Ông liếc mắt nhìn bọn tôi tớ. Chúng nó đứng mê đi như những pho tượng cầm đuốc, chống xẻng. Ông thấy cái ghê rợn chạy khắp người.

- Nhưng mà không! (Ông nghĩ thầm) không hề gì! chúng nó là người trung thành lắm. Ta phải bình tĩnh mới được... ừ không sợ gì!

Tuy thế ông vẫn đề ý đến cử chỉ của họ và nhìn lại cái gương sáng của ông dựng ở một bên đui. Ông kéo hai, ba gói nữa lên thì thấy toàn là những chuỗi ngọc kim cương và bạch ngọc. Lúc ông để cả xuống thì chú ý đến một tập giấy nhô ra ở trong bóng tối của phiến gạch dày. Ông cầm giở ra xem thì đó là một quyển sổ mỏng.

Giở tờ thứ nhất, thấy mấy dòng viết rất tốt:

“Thạch điền quang – Minh triều đại thần, xung Nam bang đô đốc chi bảo”

Trang thứ hai kê những đồ đĩa ngọc, chén ngọc bình vàng và bạc rồi đến trang kê các thứ ngọc: ngọc thạch, ngọc trai, kim cương... Trang thứ tư và thứ năm, các đồ bằng ngà voi, bằng san hô; ngà voi nguyên, sừng tê... Trang cuối cùng kê toàn là vàng, vàng thoi, vàng nén, vàng điệp các hạng.

Đoạn kết

Trừ những người bộ hạ của quan Châu Nga Lộc thì không ai biết đến chuyện ông tìm thấy của. Cả ông Châu Kao Lâm cũng vậy: ông quan này tưởng cả hai tên bộ hạ ông sai đi đều bỏ xác ở hang Thần.

Người Thổ Kao Lâm từ khi gặp những điều kinh khủng trước cửa hang đá thì ở lại châu Nga Lộc, mấy tháng ròng rã không dám bước chân ra ngoài.

Rồi một ngày kia, người Thổ ấy tự nhiên đi đâu mãi không về nữa. Người ta đổ đi tìm các ngã cũng không thấy. Sau cùng, một người lách vào một bụi rậm gần đấy thì thấy hắt chết treo ở dưới cây ổi lớn bên nhà ông Châu. Bọn bộ hạ theo ông Châu hỏi xưa lấy làm kinh ngạc vô cùng. Họ ngờ là ông ta lập mưu giết nó. Nhưng phần nhiều là đoán nó tự tử, vì họ thấy nó bị cái hói hận và khiếp sợ cắt rứt ám ảnh không thôi. Và bọn người theo ông Châu sau này vẫn được sung sướng, giàu sang một cách bình tĩnh. Còn ông Châu thì bận bịu về của cải nhiều lắm. Ông cưới thêm hai người thiếp nữa, và thôi tưởng đến sự làm quan trong Kinh.

Những tảng đá giết người trong hang thần thì ngay sau khi vận hết của về nhà, ông Châu đã sai đem bỏ vào một cái hang thứ hai là hang giấu của và sai xây thêm một lần đá bên ngoài lấp kín miệng hang ấy đi. Tuy vậy, ông vẫn giữ lại một tảng nhỏ nhất làm kỷ niệm. Ông vẫn có ý giữ kín không nói ra vì sao mà những tảng đá kia lại hại người một cách ghê gớm như thế. Nhưng một hôm, nhân chuyện với mấy tên người nhà tâm phúc, ông tưởng cũng không cần phải giấu mãi sự thực làm gì; ông bèn cẩn trọng đem tảng đá ra, lấy dao cạo mạnh lên, thì thấy lở xuống, nhỏ và mỏng, những mảng cát to hạt. Đó là một thứ cát sắc cạnh màu vàng trong lẫn màu nâu cháy, dính lại với nhau như luyện keo. Ông nói:

- Đây là cái oai quyền của “thần giữ của” đây, cái linh thiêng của Văn Dú cũng cả đây, thực là ghê gớm mà khôn khéo. Bao nhiêu tai họa, bao nhiêu nhân mạng, bao nhiêu điều khiếp sợ của người ta trong mấy trăm năm trời đều do những vật vô tri vô giác này gây nên. Nhưng chẳng qua chỉ là cái kỳ mưu của viên quan Tàu nhà Minh, chứ không có thần thánh gì hết. Chung quanh tảng đá này, có một sức mạnh giết người mau chóng hơn cả thần thánh nữa; đó là nhựa của một thứ cây độc tên là May Nôm, thứ cây mà bọn Mán đi săn với quân giặc ở những núi hiểm gọi là Công địa đèo.

Nhựa cây này, ngâm tên thì tên hóa độc: bắn, không cứ phải chỗ hiểm, chỉ cần làm trầy da rướm máu cũng đủ làm cho kẻ bị thương chết không thể cứu được. Nhưng nếu chế luyện theo phép của một vài giống rợ bên Trung Quốc thì giống bôi thuốc độc vào móng tay để cào cấu kẻ thù thì nhựa cây đó trở nên rất mạnh và giết người một cách ghê gớm mau chóng hơn, Viên quan Tàu kia hẳn biết cách chế luyện nó.

Rồi ông Châu gấp đưa cho mấy người bộ hạ xem những mảng cát bám trên tảng đá cuội. Ông bảo rằng đó là một thứ cát làm bằng những mảnh sứ hoặc thủy tinh băm nhỏ, luyện keo lại với thứ thuốc độc mà ông nói. Thứ keo riêng ấy, đem trát lên các hòn đá xây lấp cửa hang, là thành một thứ quân canh gác chắn chắn không gì bằng. Cho nên những kẻ đi tìm vàng trước ông Châu, như bọn con cháu họ Hoàng, bọn Cướp Khách với tên Nùng Khai, đều vì phạm đến vật nguy hiểm kia, bị thứ cát sắc cạnh phủ trên đá đâm vào da mà bỏ mạng.

Ông Châu tuy đem cái bí mật của hang thần mà giải nghĩa cho những người bộ hạ trung hậu đã theo ông đi lấy của khi xưa được biết, nhưng ông vẫn để cho dân trong Châu tin là ông có oai át được cả thần quyền. Văn Dú mất thiêng là vì ông. Dân ông rất lấy làm cảm cái ơn trừ tai phá hoạ ấy.

Từ đó, dần dần họ đã dám khai khẩn và cày cấy ở gần quả núi đá. Lại có lần người ta rủ nhau vào tận hang xem.

Núi Văn Dú trông vẫn ngất ngưởng cao lớn nhưng người ta chỉ coi là một ngọn núi cao lớn thường. Đến nỗi cái tên đã làm khiếp đảm mấy châu huyện ngót ba trăm năm trời, họ cũng quên dần đi.

Bây giờ thì không mấy ai biết đến nữa.

HẾT.

MỘT ĐÊM TRĂNG

Đường quanh co ở giữa hai bên rừng núi phần nhiều là hẹp và xấu lắm, chúng tôi phải cho ngựa dàn hàng một tiến lên.

Ở Pakha, chỗ nghỉ sau cùng tới đây, từ mười hai giờ trưa đến bây giờ gần sáu giờ chiều, mà chỉ đi được chừng ba mươi cây số. Hồi ấy vào trung tuần tháng 2. Trời về tiết xuân, nhưng gặp được lúc ấy cũng ấm áp dễ chịu.

Chúng tôi dừng ngựa lại trước một cái nhà lều rộng lớn, làm trên một khoảng đất san phẳng, lấn vào khu rừng phía tay trái độ bốn năm sào. Lều dựng theo lối ta, mái lợp tranh, ba phía vách bằng phên nửa hấy còn xanh tươi; cửa cũng bằng phên, nhưng đan chưa xong, còn đặt dưới đất. Chỗ này dựng lên để cho những người đi xa nghỉ chân và nhân thể cho bọn người Thổ săn bắn ở vùng này làm nơi tạm trú. Cái lều cao rộng hơn nhà ta ở nhiều lắm, nhưng trông hơn, không có bày biện gì. Ở mặt đất giữa lều, chỉ thấy một đống củi gỗ dăm, một tia khói đưa lên thông thả, với năm ba chiếc ghế thấp vút bỏ chung quanh. Áp theo cả chiều dài bức vách trong cùng và bức vách phía trái, còn có một thứ tầng cũng đan bằng nửa, rộng ngót một thước tây, cao lên tới ngực, buộc vào những cột chống là mấy khúc cây nhỏ mới dẫn về. Thấy có hai người Thổ đang thông chân nằm ngủ ở trên, tôi đoán đó là một thứ chõng hay một thứ giường phên mới ứng chế.

Gởi người buộc ngựa rồi, chúng tôi vào lều giở bánh tây, cơm nắm, Lạp sừng và giò chả ra ăn với nhau. Trong lều không có đèn, chúng tôi ngồi quây lầy đống củi bấy giờ đã thối cháy to lên cho sáng. Những chuyện Mán Thổ núi rừng tất nhiên được dịp đem ra nói. Người thì khoe những cảnh lạ, những điều kỳ quái ghê sợ mà mình đã trải qua; người thì thuật những phen thập tử nhất sinh ở chốn ma thiêng nước độc; nhưng đậm đà nhất là chuyện trăng gió đường rừng, những chuyện hát đúm ở các chợ phiên. Mỗi người đều có một chuyện “tìm hoa” trong làng để nhắc lại.

Nhân đó một người bạn kể cho tôi nghe những bước phiêu lưu của một người đàn ông mà thỉnh thoảng tôi được gặp trong cái thì giờ đứng uống bát nước ở một hàng quán.

Ông này là người Kinh, nhưng nét mặt với tiếng nói thì y như người Thổ; vóc trông đầy đà lực lưỡng, bao giờ cũng mặc một bộ quần áo bằng vải ka-ki. Ông ta rất táo tợn; trong bọn đi rừng đến cả người Thổ cũng phục

ông ta là người thạo và xông pha nhất. Họ gọi ông là Ba-đi-ghệt nhưng cái sính đi ghệt ông ta đã bỏ, chỉ còn lưu lại cái tên hiệu thôi.

Ông Ba chẳng ở lâu được một chỗ nào; gặp việc gì ở đâu cũng nhận làm ngay, thấy cái gì cũng buôn: gỗ, vải vóc, thuốc phiện lậu, xương hùm, nấm hương, nhung hươu, đủ mọi thứ. Có một điều ai cũng chú ý nhất mà ông vẫn đem khoe với bất kỳ người nào muốn nghe chuyện, là đến đâu, ở đâu ông ta cũng tìm được một người con gái kết duyên hờ với mình. Ở với nhau được ít ngày rồi một hôm, người con gái Thỏ thấy ông ta đi không bao giờ trở về nữa. Tôi chưa ngời nói chuyện với ông Ba-đi-ghệt bao giờ nên không biết rõ tâm địa của người đàn ông ấy. Nhưng tôi xem ra thì không mấy người ưa.

Họ bảo rằng ông ta bạo dạn thì không ai hơn, nhưng mà giáo quyết nham hiểm cũng không ai bằng nữa.

Ăn uống xong, tôi để các bạn ngồi đó, rải áo khoác lên chiếc chõng bên cạnh một cái cửa sổ mắt cáo rồi nhảy lên ngả lưng. Tôi duỗi thẳng chân ra nằm, vươn vai mà thở một hơi thực dài đuổi hết những cái mệt nhọc nặng nề từ trước. Không gì khoái bằng được nghỉ ngơi sau một cuộc treo non lội suối đường trường.

Hai người Thỏ vẫn ngủ say, tiếng ngáy ròn rợn. Các bạn đi đường thì bàn nhau vào ngủ trong làng, nhân tiện để tìm mấy đoá hoa rừng. Hôm ấy có cuộc hát thi, vì gặp ngày làng mở hội.

Tôi lẳng lặng nhắm mắt không trả lời ai hết, vì tôi không muốn theo họ và để phí mất lúc khoan khoái dễ chịu bấy giờ. Tâm hồn tôi thấy băng khuâng như nằm ở trên mây, trí tưởng tượng chập chờn... rồi giấc ngủ dịu dàng dần tới.

Tôi mở mắt ra thì trăng xuyên qua khung cửa sổ mắt cáo đã đặt trên mình tôi những mảng sáng vuông nhỏ. Bấy giờ có lẽ đã nửa đêm, hai người Thỏ không còn ngủ gần tôi, mà các bạn người Kinh cũng đi cả.

Tôi không muốn ngồi dậy, cứ để nguyên giày mà nằm yên đó, hai mắt lim dim.

Nhưng tôi không buồn ngủ thêm nữa.

Trong mình thấy tỉnh táo vui lắm. Huyết mạch lưu thông như gió thổi; tôi tưởng chừng có thứ thuốc tiên trong thân thể, khiến cho người tôi bỗng chốc thành khinh khoái như bay...

Tôi lắng tai nghe, một dải suối róc rách ở gần, tiếng sóng như thủy tinh reo vào trong thứ giọng rừ rì tối tăm của những côn trùng dưới cỏ. Sau lều

thì khu rừng cây yên lặng như ngủ kỹ, nhưng ở trong đũa những tiếng bí mật, khiến cho mình cảm thấy được cái sinh hoạt của nó trong lúc đêm khuya. Một con hươu đang ngẩn ngơ nhìn cái lều vắng không. Những tiếng rất nhẹ của con sóc chạy trên cành; những tiếng lá cựa dưới mình một con vật đang nằm, một tiếng vỗ cánh nặng nề của con chim lớn. Từng trận gió thổi qua, một loạt lá rơi rào rạt, rồi tất cả lại im lặng như ngóng đợi, như nín hơi. Xa xa, rõ thực xa, giọng thác ào ào, để ý thì mỗi lúc thấy gần thêm, rồi lại xa dần, rồi lại như biến mất. Có khi nghe như tiếng muôn nghìn người ồn ào đưa từ đâu tới; phảng phất trong trí não tôi hình dung ra cảnh chợ búa xe pháo ở chốn thị thành.

Tôi cứ nằm đó nghe hoài. Nghe càng lâu muôn tiếng càng hỗn độn. Sau cùng thành một thứ giọng rì rào mờ ám mỗi khắc một nhạt dần.

Thần trí lại chịu một sức thôi miên ma túy đưa lại đâu từ chốn bồng lai. Văng vẳng trên không, chỉ còn những tiếng nhạc gần rồi lại xa, với những hơi sáo rất nhỏ, rất trong và cao tít.

Bỗng đâu, một cơn gió lạnh thổi qua làm tôi hơi rùng mình. Tôi thở dài rồi hé mắt; trên lông mi những phần bụi ánh sáng đang nhảy nhót rập rờn. Tôi lại thấy như không phải nằm đó một mình... Hình như có ai đứng bên tôi. Mà “ai” đó hình như là một người thiếu nữ. Tôi chắc đó chỉ là hình ảnh của sự mơ màng thôi, nên cứ lặng yên, bỗng thấy một bàn tay, một bàn tay nhỏ bé dịu dàng, êm ái để lên vai tôi:

- Đêm trăng sáng đẹp như thế này mà không đi nghe hát một lúc chơi, lại nằm đây ngủ!...

Câu nói tiếng Thổ, giọng dẻo dăng trong trẻo nghe rất hay. Chưa nhìn cũng chắc người đứng đó là đẹp lắm. Tay người thiếu nữ lại lay tôi lần nữa.

Tôi mở hăn mắt nhìn thì cô ta nhoẻn miệng cười:

- Đi dậy đi anh. Dậy đi chơi một tí!

Cô ta đứng trước cái cửa sổ vách liếp và ngảnh mặt ra phía rừng. Người trạc mười chín, hai mươi, hai mắt tinh anh, đẹp lạ thường, đôi má đầy, mơn mớn đào non, nhỏ và mướt.

Trời ơi! Con gái Thổ mà có người nhan sắc đến thế này ư? Tôi mơ hay tỉnh?

Tôi nghĩ bụng thế, rồi ngồi dậy, thì ra tỉnh chứ không phải mơ.

Tôi hỏi cô ta:

- Cô em ở đâu đến?

- Tôi ở trong làng (Cô vừa nói vừa lấy bàn tay lau miệng).

- Làng có xa không?
- Không xa lắm.
- Cô em có đi với ai nữa không?
- Không.

Tôi bối rối quá, vì cô ta bỗng dưng có vẻ thẹn. Tôi ngăn người ra, không biết hỏi thêm câu gì. Tôi nhìn cô ta một lúc lâu, cô ta ngẩng lên nhìn tôi rồi trông đi chỗ khác.

Giá tôi đừng nín lặng, hỏi chuyện nữa đi mới phải. Nhưng biết hỏi gì? Những phút đối diện yên lặng ấy sao mà dài và khó chịu đến thế!

Tôi ngượng nghịu quá chừng. Xin thú thực rằng xưa nay tôi nói đùa với các chị con gái Thổ đã nhiều, nhưng tôi đều coi thường, không để ý gì đến ai hết. Cũng nhiều cô khá lắm, song không ai có thể gọi là đẹp, đẹp trong trẻo và say đắm như cô gái này.

Tôi nghĩ mãi, mà chẳng có câu nào cho hợp lúc cả, mãi sau mới hỏi lên được:

- Cô em ở đâu đến?

Thì lại là câu mình đã hỏi rồi.

Cô con gái nhìn tôi hơi ngạc nhiên, song cũng đáp:

- Tôi ở trong làng.
- Gần không?
- Không xa lắm.
- Nhưng cô em đi đâu thế?

Cô Thổ đã hết thẹn, tươi cười nét mặt và nhanh nhẹn trả lời:

- Tôi đi chơi. Tôi đến đây thấy có ngựa buộc ở ngoài kia, tôi vào, không có ai, chỉ có anh ngủ... Tôi vào rủ anh đi nói chuyện chơi.

Rồi cô cười, mà cười quá chừng; tiếng cười giòn và đầy đặn. Tôi cũng cười góp nhưng nghĩ thầm:

- Quái lạ, chả nhẽ người này lẳng lơ đến nỗi đi tìm một người đàn ông ngủ một mình để nói chuyện với, hay sao?

Tôi nhìn người thiếu nữ một lần nữa: Không! Cô ta chỉ có vẻ đẹp, trong sạch và rất đáng yêu quý thôi. Đôi mày đưa cong lên ở dưới trán bịt khăn chàm, có vẻ kín đáo ý nhị, tôi ưa nhìn quá. Tôi hỏi cô:

- Thế cô em vào đã lâu chưa?
- Vào lâu rồi. Tôi xem anh ngủ mãi.
- Tôi không ngủ, mà sao tôi không biết.
- Anh ngủ đấy mà!

Cô vừa thông thả nói lại vừa cười. Cô cười sao xinh thế! Con người nhan sắc mà có duyên thay.

- Này cô em...

Cô bé nhìn tôi, nhưng tôi không tiện hỏi câu ấy. Miệng cô vẫn hé mở, để lộ ra một nét trắng nhỏ của đầu hàng răng trên. Cô lại uốn ẹo dựa cái thân mềm mại vào chân tôi, làm cho tôi gọn cả người lên và không nghĩ đến những cái vẫn vợ như trước nữa. Tôi mỉm cười và liếc để tay lên vai cô ta. Người con gái nói luôn:

- Anh nhé, anh đi chơi nói chuyện với tôi nhé. Tôi... tôi đến rủ anh đi chơi...

- Cô thích đi chơi với tôi à?

- Thích. Mà thế nào cũng đi nhé?

- Ở đây nói chuyện cũng được chứ sao?

Nói rồi, tôi liền xúc nách bé cô ngồi lên với tôi, và lấy áo phủ khoác cho tấm thân xinh bé ấy. Cô ta có ý không bằng lòng, bỏ áo của tôi xuống và ngồi nhích ra một chút. Cô mặc một chiếc áo chàm mới, lúc ấy trông thẫm đen, áo cài một bên nách, hở cổ, thân ngắn, tay rộng, thắt ở ngang lưng; chiếc váy cộc cũng bằng vải chàm và cũng mới. Cái đen tối dưới lều trong treo dậu dằng; chúng tôi hình như ở dưới bóng rợp của một thứ “nắng trắng”. Cửa trước lều không đóng, lại thêm có ba cái cửa sổ mắt cáo ở vách trong, nên chúng tôi trông được rõ mặt nhua và cả những gói hành lý để ở một góc.

Lúc ấy hai tay cô gái thu lại để chồng lên một đùi. Chân cô buông thõng và hơi đưa dầy, nét mặt cô có vẻ buồn bực làm cho tôi lo ngại.

Tôi lấy tay nhẹ nâng cằm người thiếu nữ rồi kéo lại cho trông tôi:

- Cô em không muốn ngồi với tôi sao?

Cô khẽ mỉm cười:

- Sao không muốn? Không thì tôi “lại với anh” làm gì?

- Thế cô muốn nói chuyện với tôi lắm sao?

Cô Thỏ lại cười:

-Ừ, muốn!

Tôi đánh liềm hỏi thêm một câu nữa:

- Thế cô em yêu tôi chứ?

- Anh bảo cái gì hả?

Tôi ghé vào tai cô nói:

- Em... có yêu tôi không?

Cô vợ vẫn trả lời:

- Không biết.

Rồi lại vợ vẫn nhìn tôi.

Bây giờ, tấm lòng xuân phơi phới của cái tuổi hai mươi lăm bị kích động mà sôi nổi trong người tôi, khiến cho tôi quên cả chủ định từ trước. Tôi liền ôm lấy cô bé, ôm bằng cả một tấm lòng chứa chan yêu dấu và bảo cô rằng:

- Sao lại “không biết” hở em? Em đến đây với tôi như một người trong giấc mơ màng, tôi có biết em là ai đâu; nhưng tôi yêu em ngay, mà sao em cứ lững lờ không để cho tôi biết bụng em thế?

Tôi còn nhiều câu rất ngọt ngào, nhiều lời rất hay, mà cái vốn tiếng Thổ của tôi có thể cho nói được.

Hơi nóng trong người cô thiếu nữ như thấm vào người tôi, vào tận trong huyết mạch; tôi sợ trốn cô ấy như một con chim bé nhỏ mà người ta nâng lên để vào trái tim mình...

Bỗng nhiên, cô khẽ đẩy tôi ra, ngồi thẳng lên, buộc lại cái khăn chàm rồi tụt đứng xuống đất. Tôi nhìn cô ra ý hỏi duyên cớ, thì cô cau đôi mày lại, bảo tôi:

- Tôi không bằng lòng thế! Tôi lại rủ anh đi đặng này với tôi kia mà.

Tôi cũng đứng xuống đất, giữ lấy hai vai cô, rồi nhìn vào cái mặt lạnh lùng của cô và nói:

- Trời ơi! Em biết không! Trong lúc đêm khuya canh vắng em đến đây, em gọi tôi, em làm cho tôi vui sướng vô cùng; em là con gái, mà em lại xinh đẹp dường này! Thế thì em bảo tôi không yêu mến em sao được?

Cô Thổ nhìn tôi:

- Nhưng anh đi đặng này với tôi đã.

Tiếng cô nói gọn, nhất quyết; tôi hơi sinh nghi. Nhưng cô mỉm cười ngay; cô lại kéo lấy tay tôi nói một cách nũng nịu:

- Đi chơi một lúc thì sao? Anh nhé, đi chơi với tôi, một lúc nhé, anh bằng lòng đi!

- Mà đi đâu bây giờ?

- Chơi bên rừng, trên bờ thác, xem nước chảy. Đêm trăng đẹp, đẹp quá, không đi cũng hoài...

Tôi nói:

- Không sợ hổ à?

Cô ta cười mấy tiếng khẽ:

- Sợ hổ! Đây không có hổ, hay có cũng ít khi lắm. Và lại có trăng kia mà. Anh nằm đây còn không sợ thì đi chơi có sợ gì? Anh à, anh đi với tôi nhé.

Bên rừng tối trên thác sâu, ở những nơi phong cảnh đêm khuya hoang dại này phải đâu là nơi để khách đa tình đến cùng nhau than thở? Người con gái Thổ chắc cũng chẳng ưa gì những chốn ấy cho lắm, thế mà cứ tha thiết nài tôi đi cho được, hẳn cũng có duyên có gì đây? Mà duyên có gì? Trông cái mặt nhan sắc dịu hiền thế kia, không thể cho cô ta là một người có lòng bí hiểm được.

Tôi ngẫm nghĩ một lát, rồi quyết thử “đi chơi” với cô ấy xem sao.

Tôi lấy cái áo phủ khoác lên vai, thắt lại cái thắt lưng da ở áo ngoài rồi đi lấy mũ đội.

Cô ấy trông theo tôi từng cử chỉ một: lúc thấy tôi thu gọn lại cái đồng dây thừng to nằm cuộn tròn trong một góc lều, để lấy một cái gậy ở dưới, thì cô Thổ liền chạy lại hỏi ngay:

- Ô. Anh có những cái dây tốt nhỉ! Để làm gì thế?

- Để qua cầu.

- Sao lại để qua cầu?

- Cầu nhỏ ở ven núi trên này chật chưỡng lắm. Giá không có cuộn dây này thì tôi rơi xuống núi mấy lần rồi.

Cô Thổ cười:

- Thế mà tôi đi không việc gì đấy!

Chúng tôi đã ra tới cửa, cô Thổ dắt tôi theo một lối tắt đi về bên rừng. Bỗng cô đứng yên, mắt nhìn vào tôi, rồi chạy vào trong lều bên cuộn dây chèo. Tôi hỏi:

- Cô làm gì thế?

- Anh à, đem cái này đi!

Cô vừa nói vừa lôi cuộn dây ra. Tôi hỏi lại:

- Đi chơi kia mà?

- Cứ đem đi, anh ạ.

Tức khắc, tôi không nói một lời nào, đi vào bỏ gậy và mũ áo ra, rồi toan trèo lên cái “giường” phen nằm nhất định không đi đâu nữa. Cô ta liền chạy lại bên tôi níu lấy tay tôi năn nỉ:

- Anh đi với tôi một tí, đi với tôi một tí thôi mà.

- Không! Đi làm gì thì cô phải nói cho tôi biết đã.

- Rồi anh biết ngay mà!

- Nói ngay bây giờ kia!

Người thiếu nữ ra chiều vô cùng thất vọng:

- Không... anh đi, anh đi với tôi một tí thôi, rồi anh thấy cái này hay lắm.

Cô ta vừa nói vừa cầm mũ và dìu tôi ra cửa, cuộn chảo đeo nặng một cánh tay.

Tôi không còn hiểu gì trong cái cử chỉ lạ lùng của người con gái nữa. Miệng cười của cô ta cũng không còn duyên gì hết; tôi thấy bực lắm; nhưng tôi vẫn cứ theo.

Ra đến ngoài thì thấy mặt trăng đã chéch về tây. Đám rừng âm u với dãy núi trập trùng tắm trong một bầu ánh sáng rõ ràng và lạnh lẽo. Tiếng ve sang sảng kêu ran như đã kêu từ mấy thế kỷ; bóng trăng theo đó mà rung trên ngọn cỏ, bụi cây.

Chúng tôi xuống một con đường dốc nhỏ đi vào nách rừng. Cô Thổ trước còn cười đơn đả để tôi vui lòng; đến sau, thấy tôi nhất định đi theo, thì cô chỉ rảo chân bước. Người thiếu nữ ấy cũng đủ nhan sắc và dịu dàng để tôi quên được cái lo ngại; vả lại trường hợp cũng đủ ly kỳ để gợi tính tò mò và lòng mạo hiểm của tôi.

Xuống hết đường dốc này lại trèo lên một khu rừng nhỏ nữa. Chúng tôi đi qua một đám cây rất rậm chỉ lác đác được một ít mảng trắng sáng. Rồi cây cối mỗi lúc một thưa dần, lối đi mỗi lúc một rõ.

Tôi đi rừng đã quen, và chỗ này tôi cũng không khó đi lắm, nên tôi chỉ để mắt trông những bóng lá đi lằn lằn trên má và trên vai người thiếu nữ, với hai ống chân trắng trắng thoăn thoắt ở trong đám tối mập mờ.

Có một lần tôi đi sát lưng cô ta, để tay lên vai mà giữ cô lại. Cô ngoảnh đầu cười gượng. Tôi hỏi:

- Cô định dẫn tôi đi đâu?

- Đi đằng này, mà!

- Làm gì? Hả?

Mặt cô bỗng ra vẻ thương khó. Cô ta muốn cười nhưng không được, chỉ quay đầu đi, rồi vừa nói vừa thở dài:

- Anh đi một lúc nữa rồi anh biết: Anh! Anh! Đi, đi!

Xuống một đường dốc.

Rồi lên một đường dốc nữa.

Chỗ này trèo rất khó nhọc, lại không rõ lối như trước, chỉ có người thiếu nữ đi quen nên đã lên được xa. Tôi phải bảo cô ấy quăng một đầu dây

xuống cho tôi và lên trước, buộc đầu kia vào một gốc cây để tôi bám leo lên cho dễ. Qua một lớp cây rậm và um tối thì đường dốc xuống; đi một lát nữa thì đã rõ lối và dễ đi. Tôi nghe thấy tiếng ào ào ở đâu từ lúc này; bây giờ nghe càng gần thêm.

- Có phải gần đây có một cái thác không?

Tôi hỏi người thiếu nữ thế. Cô ta đáp:

- Phải. Gần đến nơi rồi.

- Đến nơi? Thế ra đi đến đây à?

- Phải.

- Nhưng đến làm gì mới được chứ?

- Anh cứ đi rồi biết mà!

Tôi nghĩ bụng chưa bao giờ gặp cảnh ngộ nào lạ kỳ hơn. Thực vậy, mà cho cả về sau này cũng thế, trong suốt cuộc đời phiêu lưu của tôi, tôi không hề gặp một đêm nào như cái đêm hôm ấy cả.

Tôi tự hỏi xem cái kết quả cuộc “đi chơi” này rồi sẽ ra sao. Nhưng không tìm được câu trả lời, thì tôi cứ gia chân bước.

Tôi có ý xem xét những chỗ vừa đi qua, thì phần nhiều đường lối giống nhau không thể phân biệt và nhớ được rõ. Phải là người ở lâu và quen đây lắm mới thuộc những đường tắt này.

Chúng tôi đang đi ở trong bóng những cay lá chen nhau, bỗng đến ngay một nơi quang quẻ rộng rãi toàn ánh trắng sáng. Tôi nhíp mắt lại vì hơi chói, trông ra thì núi non nhấp nhô, tỏ mờ trước mặt; khuôn trăng tròn vẹn, kê ngay trên một đỉnh núi, bình tĩnh như có ý đợi chờ.

Tiếng thác nghe thấy từ lâu, bấy giờ đang rồn rã cuộn cuộn ở phía dưới chân. Nhưng tôi chưa trông thấy nước: nguồn thác sâu lắm, mà chỗ ấy thì cao. Một con đường nhỏ chạy qua mặt tôi, dẫn đến một cái cầu ghép bằng thân cây như tôi thường gặp. Cầu này thay một chỗ đất sụt làm lở một quãng đường ven núi đất và cắt đứt mất lối đến Hoàng Su Phì. Bấy giờ tôi đã nhận ra rằng cô con gái dẫn tôi đi toàn nẻo tắt và hà tiện được tới ba phần tư đường. Vì từ chỗ lều tranh đến đây, đi khỏi một quãng đường thấp rồi lên những đường leo lưng chừng núi, còn phải qua một khúc cầu nữa.

Chúng tôi tiến lên chừng hai chục bước thì đến bên cầu. Cầu hẹp và dài, chỉ có mười khúc cây đâm ngang cắm sâu vào núi để nâng đỡ. Cô Thổ nhẹ nhàng đi ra tới giữa rồi ngoảnh lại đợi tôi đi theo. Tôi trông xuống, thấy dưới sâu lắm, và rải rác có những tảng đá lớn; nước thác chảy xiết, âm âm từ một nẻo khuất giữa hai chân núi, vòng khúc rấn xông ra. Tôi còn ngập

ngừng một hồi chưa dám đi lên vội. Sau đánh bạo tiến lên được ba bước. Một khúc gỗ cựa mình một cái làm tôi sờn cả gai ốc, đã tưởng cái cầu gãy nhưng không việc gì.

Tôi phải hết sức đề giữ mới dám bước lên, dò đi như người “leo cầu vòng” vậy. Dưới chân, nước vẫn gầm như chuyển đá, mà bên trái thì cái núi dốc như tường xiêu, lại ở quá tầm tay không thể nào vịn được.

Dò được nửa cầu rồi. Càng thấy ghê sợ thêm. Liệu chừng không thể qua được khỏi cầu mà không ngã, tôi phải lấy cuộn dây định tìm quãng lên một cái trạc cây nào trên lưng núi, rút chung đôi lại rồi vúi lấy mà sang.

Bỗng người con gái Thổ giữ lấy tay tôi nói:

- Thôi! Không phải đi nữa.

Tôi vừa ngật ngưỡng vừa nhìn cô ta, lấy làm kinh dị. Cô Thổ điềm nhiên nhắc lại:

- Thôi, không phải đi nữa: Đến nơi rồi!

- Sao? Đến nơi?

- Phải.

Ồ, quái lạ! Quái lạ! Quái lạ! Tôi nghĩ bụng thế – người con gái này thực kỳ quá định trêu mình đây sao?

Tôi nhìn mặt người con gái để dò xét ý tứ, nhưng cô ta không nhìn tôi và có ý quay mặt đi.

Tôi vừa bực mình vừa lo ngại, quát khẽ lên một câu:

- Sao lại thế này?

Cô ta không trả lời. Ánh trăng chiếu vào sắc da người con gái, lúc ấy xanh bệch như da người chết. Nét mặt sắt lại như lo sợ hay tức giận, miệng mím vào một cách đặc biệt, rồi bỗng nói rất nhanh:

- Ở dưới cầu này có một người đàn ông cùng đi với tôi rồi lỡ chân rơi xuống đây chết.

- Cùng đi chơi với cô à?

- Ừ.

- Thế làm sao, nói mau! Sao cô lại gọi tôi đến?

Cô Thổ nói:

- Tôi nhờ anh đem nó lên đây cho tôi.

- Nhờ tôi? Sao lại nhờ tôi? Nhờ tôi mà được à?

Cô ta điềm tĩnh không đáp câu hỏi của tôi, nhưng trở xuống dưới gầm cầu mà bảo:

- Kia kia, nó ngã xuống mắc vào cành cây ở lưng chừng núi kia kia!

Tôi chăm chú trông, chỉ thấy nước thác chảy xuống từng bực, bọt sùi lên trắng như tuyết ở xung quan những tảng đá cuội lù đen.

- Đâu nào?

- Ở cái cây kia mà. Kia kia, chỉ có một cây thôi, mà nó ở lưng chừng núi.

Tôi quỳ gối, đầu cúi về phía trong mà trông xuống thì quả thấy ngang núi đâm ra một cây nhỏ, rễ ăn chặt vào, có lẽ sâu lắm, nền đất lở đến tận chỗ ấy mà cây vẫn giữ nguyên. Minh cây cong cong ở chân rồi đâm vát lên trời, cánh lá xoè ra che gần mắt một nửa mình người bị nạn. Lúc ấy tôi chỉ trông thấy một cái vai dốc xuống mắc vào gốc cây.

- Các người đi xem hát hội ở làng xa hết cả (người con gái nói). Tôi đi tìm chỉ thấy có anh, tôi mới định nhờ anh lấy nó lên hộ tôi.

- Ừ thế làm sao không nói thực ngay để cho tôi... (tôi nghĩ đến những cử chỉ của tôi trong lều) để cho tôi tưởng cô đến rủ đi chơi thực?

Cô gái mỉm cười một cách nhạt nhẽo:

- Tôi sợ anh không đến tôi phải nói thế...

Thấy tôi có dáng nổi giận, cô vội nói thêm:

- Mà rồi tôi cũng về với anh kia mà!

Tôi vừa lườm vừa nhại:

-Hừ! Về – với – anh!

Cô Thở lại hết lời nói với tôi những câu rất ngọt ngào và thiết tha; mặt thì nhợt nhạt, mắt thì long lanh mà miệng vẫn gượng cười; giọng nói khác đi, hình như cô ta cố nén sự cảm động.

Tôi không nỡ từ chối giúp đỡ cô ta. Nhưng tôi không giấu cái bực mình, vừa tìm cách xuống đến cái cây.

Chỗ sườn núi lở, dốc như bức vách nghiêng, mà trừ cái cây giữ lấy người chết cách tôi khá xa thì chả bấu víu vào đâu được nữa; người bị nạn chắc hẳn ngã về phía trong, nên mới tình cờ mắc vào cây đó, chứ nếu ngã phía ngoài hay nhích ra chút nữa thì không còn mảnh xác nào. Tôi gỡ cuộn dây ra, nằm úp mìn trên cầu rồi giòng dây xuống ước thử. Cái dây dài được hơn hai mươi thước mà thả đến chỗ ấy cũng không thừa được bao. Tôi thử tìm cách buộc vòng, câu lấy người chết lên nhưng vướng nhiều cành nên không làm thế được. Tôi lại kéo dây lên thắt một chục nút để cho dễ bám. Trong khi người con gái ấy lặng lẽ ngồi bên cạnh tôi mà xem.

Nước thác vẫn réo ào ào, làm tăng cái vẻ to tát của chốn núi cao vực sâu ở dưới bóng một vành trăng lặng lẽ.

Tôi nhìn cô Thổ thì cô ta nhìn lại; tôi cau mày mắng:

- Buộc đi chứ, ngồi đấy à?

- Buộc gì?

- Thì thắt nút đi chứ!

Cô ta lôi một dây lúng túng thắt được một nút rồi hỏi:

- Anh làm những nút này làm gì thế?

Tôi không thèm đáp. Rồi thấy cô ta cứ dang tay kéo dây mãi chưa thắt được vòng nào thêm, tôi tức mình giật về, không khiến nữa.

Nút thắt xong tôi buộc rất chắc chắn một đầu dây vào ba thân gỗ về phía núi; bỏ mũ ra, bảo cô Thổ giữ lấy mỗi buộc chắc chắn để tôi leo xuống.

Chân tôi đập vào đất núi làm cho cát bụi ở đáy theo gió bay cả vào mắt mũi tôi. Tôi vừa buông một tay để giụi thì “sựt” một tiếng ở đầu dây. Tôi lạnh cả người vội quát:

- Cái gì thế, cái gì thế?

- Không hề gì. Cái mối dây nó thắt chặt lại đấy mà.

- Phải cẩn thận nghe không! Phải nằm xuống mà giữ.

Cô Thổ trên cầu nằm áp người xuống, hai tay nắm lấy phần đầu dây.

Xuống đến nơi tôi bẻ mấy cành lá đi cho quang, và để chân lên một cái chạc nhún thử mấy cái. Cây này là một giống ổi rừng, thân già quánh và to. Lúc đứng trên cầu, tôi tưởng là một thứ cây lai và mềm vại thấy nó nhỏ lấm, nên định buộc cuộn dây vào người, ôm lấy cái xác mà bảo cô Thổ kéo lên. Như thế thì khó nhọc vô cùng, chưa chắc người con gái ấy đã kéo nổi.

Nhưng bây giờ tôi lại tính cách khác. Người chết là một người đàn ông to lớn mặc quần áo tây vàng; hai chân giạng ra, áp với núi và đâm ngược lên trời, mình úp vào trong, nên tôi không thấy mặt. Hắn bị mắc vai bên phải vào ngay gốc cây và hình như bị nát cả cổ và có lẽ gãy xương dầm vai; nhưng máu chỉ đầm ra ngoài áo một ít. Một cánh tay nắm lại chọc vào núi, còn tay kia đè ở dưới mình. Tôi ngồi quấp lấy một cành to, tròng lọng dây vào hai chân người kia rồi lựa lách xuống đến tận thắt lưng.

Mặt trăng lúc ấy mới lọt một phần xuống sau đỉnh núi trước mặt. Tôi trông thấy bóng cây với bóng người tôi in lên cái thân chết. Những cành lá theo gió và theo cách cử động của tôi mà lung lay một cách bình yên.

Xem cách ăn mặc của người chết thì tôi đoán là một người Thổ “văn minh” giàu có, hoặc một người Kinh buôn bán đường rừng.

Tôi bám dây tụt xuống, để một chân lên người chết và ghì cho cái tròng ở lưng hấn thắt vào rõ chặt rồi đạp chân kia vào núi, tôi đu người tôi sang một bên. Vai cái xác liền rời ra cùng với một loạt đất vụn rơi xuống; người chết đã nằm ngang ra dưới đầu dây. Cổ hấn treo về một bên và hơi ngật ra đằng sau; tóc bộn bề và ướt đẫm, da xám như màu đá mài.

Tôi ngò lên một cành cây nắm lấy vai hấn diu lại xem cho rõ mặt. Nhưng tôi kêu lên một tiếng kinh dị: ồ lại này!

Người bị nạn nào phải ai đâu? Chính là ông Ba-đi-ghệt, cái người mạo hiểm táo tợn chúng tôi vẫn biết tiếng, mà tôi mới gặp được hơn nửa tháng, trong một làng ở gần Pakha. Ông này đi trước chúng tôi đã lâu kia mà, sao bây giờ lại vẫn ở đây, rồi lại chết thảm thế này? Mà sao người con gái Thổ kia lại...

Tôi thoáng nghĩ đến một điều làm cho tôi căm tức.

- À thì ra (tôi lẩm bẩm nói thế) thì ra họ trăng gió với nhau đã lâu, hôm nay đi chơi trên cầu này rồi một người rơi xuống chết, rồi nó tìm mình đến, nó dụ mình để gỡ xác nhân tình nó lên!

Hai con mắt ông Ba mở lim dim như ngủ gà, như xem cái tức giận trong lòng tôi. Trên cái mặt đầy những máu, máu đọng đen thẫm lại một bên, hai môi dày trên lún phún một hàng râu; miệng thì nhả một cái cười kinh khiếp.

Tôi liền buông tay ra bám dây leo lên cầu. Người con gái hỏi, nhưng tôi lặng thinh. Lên tới nơi tôi nhìn nó một cách khinh bỉ.

Nó hỏi nữa:

- Sao, anh? Xong rồi chứ?

Tôi cười gằn:

- Xong. Chị cứ việc kéo tình nhân chị lên.

Nó chỉ trông tôi một cái nhanh, không nói gì, chống tay ngò lên rồi mắ mắt kéo.

Nhưng cái xác nặng lắm, nó ngã hấn người ra mới kéo lên được một chút rồi lại để tụt xuống ngay. Tôi thấy nó làm ngứa mắt liền vuốt tóc lại bên kéo đỡ. Không đầy năm phút cái xác đã nằm trên cầu. Người con gái không buộc lại cái khăn vuông sổ xuống vai; mớ tóc trong cái khăn ngang phấp phới bộn bề trước gió. Tôi cởi được cái dây tròng ra khỏi lưng người chết thì nó liền xóc nách kéo giật lùi “ông Ba” ra một phía cầu.

Tôi toan cuốn xong cái dây thừng rồi mới hỏi xem người con gái định xử trí ra sao, thì bỗng thấy nó cười nhạt một tiếng nghe lạnh đến xương tủy.

Tôi ngẩng lên nhìn.

Bây giờ cô thiếu nữ dịu dàng ở trong lều không còn đó nữa. Tôi chỉ thấy một người con gái kỳ dị, đang nghiêng răng mà lăm bằm trước mặt tôi. Nó vẫn xóc nách người chết để ngồi rũ dưới chân, trông thẳng vào mặt tôi nhếch mép một cái rồi nói:

- Anh tưởng nó là tình nhân tôi hả? Không! Nó là kẻ thù của tôi. Tại sao? Nó giết mất anh Cầm của tôi. Anh Cầm là người sắp lấy tôi, mà nó giết đi, rồi quẳng xuống đây cho mất xác.

Nói đoạn nó chỉ tay xuống những dòng nước trắng xoá ở dưới. Tiếng thác chảy như dữ dội thêm. Nhưng cái trường hợp làm tôi quên cả ghê rợn.

Người con gái lại nói – phải nghe giọng nó nói mới thấy được cảm giác của tôi lúc bấy giờ.

- Nó nhiều tiền, nó muốn lấy tôi, nó đến dụ tôi, tôi bằng lòng ngay; nhưng tôi bằng lòng ở với nó để lừa nó giết nó. Tôi rủ nó đến đây chơi, nó không nghi ngờ, tôi liền chém nó một nhát. Anh trông đây này!

Tôi trông.

Ở Sau gáy ông BA quả có một nhát dao bỏ thực sâu, nhưng chỗ ấy máu đọng lại thâm sì nên lúc này tôi không để ý.

- Tôi chém nó (lời người con gái) để cho nó cũng chết ở dưới cầu này, để chồng tôi... (giọng nói ngày một thêm đầy, gần như nghẹn ngào) để cho chồng tôi thấy được hả dạ... Nhưng mà nó không rơi xuống đến tận dưới thác kia, tôi mới gọi anh đến. Bây giờ anh đứng mà xem.

Trước cái dáng điệu kia, cái giọng nói kia, tôi không biết trả lời sao cả. Tôi cũng không biết xử trí thế nào nữa; tôi đứng ngẩn ra nhìn.

Trông con mắt của lông lánh của người con gái, cùng với cái mặt đánh thép kia, tôi tưởng thấy khí chất rừng núi, cái tâm hồn Thổ Mán hiện ra.

Tôi vẫn ngẩn ra nhìn.

Người con gái lại cười nhạt mà láy lại câu lúc này:

- Bây giờ anh đứng mà xem.

Nói xong, nó đứng dạng hai chân ra, cái mép váy đàng trước căng thẳng bởi hai ống chân hơi thô và trắng. Một tay nó xóc ông Ba đứng dậy, một tay nữa nâng ở ngang lưng. Tôi toan dò bước đến gần thì đã thấy người con gái rướn mình văng cái thân chết xuống. Rồi không biết vì quá đà hay cố ý, cả người con gái cũng văng theo...

Mặt trắng kia đã kín đáo ẩn mình sau đỉnh núi; hai cái thân trên cao rơi xuống một tiếng góm ghê trong những tiếng thác đổ ầm ầm không bao giờ

ngót.

CON CHÂU CHẤU TRE

Quá trưa hôm đó, thằng cu Tân con ông lý Bằng mặc áo cộc trắng quần đùi nâu, đi thơ thẩn trong làng. Nó là một đứa trẻ tươi cười nhanh nhẹn, mà nay sao lại rầu thế kia? Là vì nó không tìm được ai chơi với.

Ở nhà, thầy u nó đi vắng, em bé ngủ trên cái võng đu cọt két, vú già vừa ngủ gật vừa nghêu ngao ru; trong lúc ấy thì tiếng mọt cứ gặm mãi chân bàn thờ, và tiếng trang cứ lê hoai trên lớp thóc phơi ngoài sân: cái gì nghe cũng buồn tênh, cũng chán ngắt. Nó đã ra đình chơi: ngoài hiên đình, hai người đàn ông phơi bụng ra ngáy ở một góc chiếu; trên cây xoan tây hoa đỏ sặc sỡ tiếng ve cứ réo rắt gào trong ánh nắng ngày hè gay gắt.

Nó đến nhà thằng Tý con ông hương, nhưng thằng Tý phải đi chăn trâu thay cho thằng Cam; mà nhà ông hương chỉ có người lớn thôi, nó không chơi được với ai hết.

Cả làng đều vắng yên một cách nặng nề đè nén, không khí thì oi ả và chói lòa. Cái vẻ tịch mịch của một buổi trưa mùa hè, cùng với cái buồn của đứa trẻ như kéo dài ra...

Thình thoảng một cơn gió nồng nao nao ò đến, làm cho những rặng cây tre lá sặc, thờ dài lên những tiếng khô khan.

Thằng cu Tân vẫn bước bước một trong đường rậm mà về con đường ngang rẽ ra đồng.

Tới chỗ ngã ba, nó dừng chân, trông ra phía ruộng lúa đầu đường vàng hoe ánh chang chang nắng đốt. Nó nhíp mắt lại để xem có thằng Tý không. Lúc nó toan quay đi thì chú ý đến những tiếng rút lá tre trong bóng mát. Nó lại gần thì nhận ra ông xã Cờ.

- Ông lấy lá tre làm gì thế ông xã?

Người đàn ông đã lấy được một đống lá lớn, bấy giờ nghe tiếng đứa bé thì ngừng cán câu liềm ngành đầu lại tươi cười:

- Thằng cu Tân đấy ư?

Rồi ông ta lại quay đi, vừa rút lá vừa nói tiếp:

- Trâu nhà tao hôm nay để tao lấy lá tre về cho nó ăn đây, ông lý có nhà không thế?

- Thầy tôi lên tỉnh từ sáng, u tôi sang làng... Mà, trâu để lại ăn lá tre được ư ông xã?

Ông xã “Ừ!” một tiếng rồi hạ câu liêm xuống gỡ những cành tre nhỏ nó vu vương lấy cái giấy thép xổ ra trên đầu cán.

Cắt lá tre cũng chẳng vui gì mà xem, và nó còn mãi tìm thằng Tý, nên không dừng đó nữa.

Nó đi ra phía ruộng được mấy bước thì ông xã Cờ gọi:

- Này cu!

- Gì thế ông xã?

- Lại tao cho cái này.

Thằng cu Tân trở gót liền, vẻ mặt hớn hờ:

- Ông cho tôi cái gì thế ông xã?

Ông Cờ thông thả nói:

- Con châu chấu tre.

Một con châu chấu to bằng ngón chân cái, màu xanh non như đám mạ, đang lấy hai cẳng đầy những gai đập mãi vào lòng bàn tay người bắt nó. Thằng Tân miệng nở như hoa, sun soe nói:

- Ô! Con châu chấu to chưa! Ông xã làm sao bắt nó được thế?

- Tao thấy nó mắc mình vào cành tre này. Đây, cầm lấy!

Cu Tân thích rồi rít, giơ tay lên: nhưng con châu chấu tre thì to, xem ra khoẻ hơn những ngón tay tí hon của nó. Nó chực bảo ông xã bỏ vào túi áo nó, nhưng chợt nghĩ ra:

- À! Ông xã này: đem bẻ một cẳng nó đi, còn một cẳng tôi lấy giấy lại tôi buộc.

Nói rồi, nó vừa chạy đi vừa nhìn xuống đất để tìm giấy. Nó trở lại những lối vừa qua: ngõ nhà thằng Tý, trước cửa đình công, bờ một cái ao to; nhưng không thấy một sợi gai hay sợi cói nào hết.

Nó nghĩ bụng:

“Quái! Sao những lúc mình không thèm thì chỗ nào cũng có giấy?”.

Nó lại nghĩ đến vật nó sắp được chơi trong lúc đang buồn ngao ngán này. Một con châu chấu tre! Ô! Mấy chốc đã bắt được thứ hiếm có ấy? Nó sẽ đem khoe thằng Tý, bạn nó, sẽ dọa là con châu chấu ma đấy; nhưng nó không cần. Nó biết thế nào thằng Tý cũng đòi chơi chung với mình. Cu Tân tha hồ mà làm bộ với thằng Tý.

Nghĩ tới đó, cu Tân mừng quớ lên reo to mấy tiếng lảnh nhãng không có nghĩa gì, vặt chiếc lá, rút nắm cỏ, rồi lại chăm chú đi tìm những sợi giấy nó vẫn trốn đâu tiệt cả.

Sau cùng nó về nhà, chực rình cắt lấy một sợi giây ở cái võng đã bị nó “thiến” nhiều bận, thì bỗng trông ngay thấy một cái chai miệng rộng thân phình.

Nó bắc ghế lấy xuống rồi một mạch chạy đến chỗ ông xã đợi. Nó hỏi hận mà lảm bảm nói:

- Giá đừng bảo ông ta bẻ cẳng con châu chấu có hơn không?

Thằng cu Tân lại hơi lo rằng ông xã Cờ thôi không cho nó nữa – vì thường thường nó bị người lớn lừa dối – hoặc ông xã để cho con châu chấu bay đi mất rồi.

Sự từng trải hẹp hòi của đứa bé cũng đã làm cho nó ngờ vực những cái tốt đẹp, sung sướng. Nó muốn khỏi tâng hẳng nên cầm như cái sung sướng được chơi con châu chấu tốt đẹp ấy nó không được hưởng đâu.

Nó chạy càng gần đến con đường ngang thì quả tim nó càng đập giã: nửa vì mừng nửa vì lo ngại.

Cái đồng lá tre nó vẫn lừ lừ đó, mà ông xã Cờ tử tế kia thì đâu?

Nó ngơ ngác chạy lên xem thì: “ôi trời ơi!” ông xã Cờ đang nằm vật dưới rãnh.

Thằng Cu buông cái chai thủy tinh xuống, nắm chặt lấy cái quang ở đồng lá tre bên cạnh; nó run, mà đồng lá cũng run.

Cổ ông xã Cờ bị ai chém đằng sau, đầu gân rời ra; mặt quay lên bờ đường, hai mắt mở to; miệng há hốc, máu đẫm một phần xám ngắt và nhuộm đỏ cả bộ râu cằm; mình ông ngã xấp, nằm quay về phía đầu làng, đè lên rặng khoai ngứa, tay trái thọc xuống bùn, tay phải vói lên như muốn nắm lấy khóm cỏ trên bờ rãnh. Máu đượm ở quanh cái áo nâu, máu phun vào một hàng dọc khoai phía đỉnh đầu, máu dội từng đám ở trên mép đường đất.

Thằng Tân mê hoảng, không nghĩ ngợi gì hết. Nó muốn chạy, nhưng chưa hoàn hồn.

Đến lúc trông thấy những lá khoai với cành tre rung động vì cơn gió ào qua, nó mới định thân lại một chút. Nó văng mình chạy thẳng lên; thế nào quần vương cành tre và chân vương phải quần, nó ngã xuống một cái rất mạnh.

- Thôi chết rồi!

Nó kêu chưa dứt tiếng thì đã lăn xuống bên cái thây chết, bụng đè lên cánh tay phải ông xã và cạnh sườn sát bên mặt ông ta.

Bùn dưới rãnh vọt lên cạnh đường làm cho nó trượt tay mỗi khi muốn chống mình ngồi dậy. Khấp người nó lại thêm rùn ra nữa. Lưỡi lúu lại muốn kêu gọi cũng không ra hơi.

Trong khi nó lấy hết sức can đảm giữa lúc nguy khiếp mà tìm hết cách chỗi dậy, thì mắt bỗng trông thấy một vật đỏ lờm lờm đang động cựa dưới cái lưỡi câu liêm; cán câu liêm nằm ghéch lên bờ đường và về phía đồng ruộng.

Nó nhìn kỹ thì ra con châu chấu tre.

Con châu chấu lớn đang len lách cổ bò lên, đầu và cánh đặc những bùn lẫn máu. Thằng Tân rợn người lên một cái. Nó thoáng nghĩ ra một điều rất ghê gớm, *là ông xã bị hại chính vì con châu chấu ma.*

Thế mà con vật cứ lừ lừ tiến đến mặt nó hoài, bộ điệu thông thả một cách hiểm ác. Nó toan gạt con châu chấu đi, thì bấy giờ mới biết rằng tay trái nó đang nắm phải mồm người chết. Nó cuống quít buông tay ra nhưng bị râu quấn chặt lấy. Ngay lúc đó con châu chấu đã bò đến gần cổ đứa bé. Nó hét lên một tiếng lớn rồi chết ngất đi.

Lúc thằng cu Tân tỉnh dậy thấy mình ở nhà, nằm trong buồng, mồm đầy những thuốc gió và nước tiểu. U nó thì cúi xuống vừa xụi xụi khóc vừa gọi:

- Tân ơi, con đã tỉnh chưa?

Chung quanh giường thấy sáu bảy người đàn bà; họ lau mồ hôi và thất lại cái quần vừa mới thay cho nó. Nó thấy buồn buồn ở ngực vội cầm lấy mép áo giựt rồi rít lên. Nhưng không thấy con châu chấu ma ở trong, nên nó yên tâm, chực ngồi dậy. Người ta ép nó nằm xuống rồi nói khẽ những câu ngọt ngào vào tai nó. Bỗng một người đàn ông mặc áo the chùng ở ngoài đi vào hỏi:

- Nó tỉnh rồi à? Nó đã nói được chưa?

- Bẩm ông chánh cháu đã tỉnh.

Người mà u nó gọi là ông chánh ấy trông nghiêm khắc lắm. Ông nhích cái ghế của một người mang đến để ngồi bên cạnh nó, rồi hỏi nó một câu rất vu vơ:

- Mày trông thấy đứa chém xã Cờ chạy về lối nào?

Thằng Tân nhìn u nó thì thấy mặt u nó có vẻ lo sợ. Nó cũng sợ, vì chắc người ta đến bỏ tù nó đây.

Ông chánh hỏi thêm:

- Thế nào, nói đi! Đứa chém xã Cờ là đứa nào, mày có nhận được mặt không? Nó chém rồi chạy về lối nào? Mày ngồi dậy cho tao hỏi.

- Bẩm ông chánh (lời mẹ đứa bé) cháu hãy còn sợ lắm ông cho cháu nằm.

- Ủ, thế mày làm sao, nói cho tao biết.

- Quái, sao ông ấy hỏi mình những câu đến lạ!

Thằng Tân nghĩ bụng thế, thưa rằng:

- Con không thấy gì cả.

- Sao lại không thấy?? Lúc ấy mày có ở đấy kia mà!...

Thằng Tân chực trả lời thì u nó đỡ:

- Con cứ thực thà kể lại cho ông chánh nghe, ông chánh có lòng thương con không việc gì đâu mà sợ.

Nhìn mặt ông chánh thì chả có vẻ thương xót tí nào hết. Nhưng đứa bé cũng đem chuyện gặp ông xã lúc còn sống cho đến lúc nó bị ngã, thấy con châu châu bò vào cổ mình thuật lại. Rồi bàn thêm rằng:

- Con châu châu ấy là con châu châu ma.

Người ta còn hỏi nó nhiều câu lời thôi nũa. Sau thấy nó không thể nói rõ được “hung thủ” là ai, nên người ta phải để nó nằm yên vậy.

Ông chánh ra khỏi được một lúc thì thầy nó về. Rồi cả quan huyện cũng đến. Nó lại phải trả lời một giao nữa, nhưng không làm thế nào nói cho người ta tin rằng ông xã chết vì con châu châu ma. Có một lần, chờ lúc vắng người, u nó phải đe: “Mày mà nói đến con châu châu ấy nũa thì phải đòn đấy”.

Đứa bé suy nghĩ lung lắm.

Cái sợ con châu châu tre dần dần bớt đi thì nó cũng dần dần thôi ngờ đó là con vật ma.

Nó muốn trở dậy nhưng u nó không cho: Nằm đo bực dọc một hồi, rồi quay ra ngủ.

Trong mấy ngày sau, nó cứ thấy thầy u nó chạy ngược chạy xuôi, khi thì tính toán dồn tiền, khi thì bàn bạc mua tre lá, khi phải làm cơm rượu cho ông chánh soi; hôm thì phải cung đón các cậu lệ nhà quan huyện. Nó thấy vậy, biết là tại mình mà cha mẹ lo lắng, nên nó không được vui. Bà lý Bằng cứ thờ dài suốt ngày, còn ông lý thì cấm nó không được ra khỏi ngõ.

Đến khi cái lệ cấm ấy không thi hành nữa, thằng cu Tân cũng không hay ra ngoài chơi, bởi vì trong làng ai trông thấy nó cũng hỏi han đến câu chuyện ông xã Cờ bị giết là chuyện nó không muốn nhắc lại bao giờ. Người

ta ngậm ngùi thương hại cho số phận ông xã Cờ nhiều lắm. Ông là người hiền lành tử tế, không hề to tiếng với ai cả; thế mà sao bỗng không lại bị giết thảm hại thế?

- Tại sao ông xã bị giết hờ cu? Đứa nào giết, sao mà không bảo?

Người ta không đời nào quên câu hỏi khó chịu ấy. Nó đã phân giải đến mấy trăm lần rằng: nó không biết, nó không biết một ly một tí gì! Nhưng, người ta không tin. Người ta lại coi nó bằng con mắt e dè, khinh bỉ, hình như thằng bé “ranh con” ấy thế mà ghê gớm lắm, chứ không vừa đâu.

Rồi lại còn người nhà ông xã Cờ nữa! Mỗi lần bà xã trông thấy nó là mỗi lần bà khóc lóc, làm như nó là một cái dấu tích của sự oan khổ: bà khóc lóc bắt nó nghe những nỗi lòng của bà đau đớn và bày cho nó xem cái tình cảnh mẹ góa con côi trong nhà bà. Bà mà biết đứa nào giết chết chồng bà là “bà xẻ nhỏ nó ra, bà băm vằm nó ra, rồi bà tung đầu gió”. Tội nghiệp cho đứa bé, nó trông thấy hai con người đe dọa sau làn nước mắt của bà xã, với cái mặt căm tức chõ mũi vào nó mà không còn hồn vía nào! Nó đợi bà xã đọc xong bản án và buông nó ra, rồi ba chân bốn cẳng chạy mất. Từ đó nó sợ người đàn bà khăn trắng, áo trắng ấy như sợ một con yêu tinh.

Cái “án mạng ly kỳ” xảy ra đã hơn một tháng trời mà vẫn không ai “khám phá” được sự “bí mật”. (những tiếng này thằng cu Tân bảy giờ mới nghe thấy lần đầu).

Trong làng, hai ba người bị bắt “giam cứu” rồi lại được tha. Rồi hết ngày nọ đến ngày kia, thời giờ đã làm cho trí nhớ của mọi người với nỗi xót thương của bà xã Cờ dần dần phai nhạt.

Một buổi chiều kia, thằng cu Tân đi ra đình chơi (vì nó đã dám đi chơi rồi), gặp bạn nó là thằng cu Tý. Hai đứa ngồi nói chuyện với nhau ở góc cây gạo, thằng Tân mới nhắc đến chuyện ông xã để nói đến chuyện con châu châu tre.

Thằng Tý dẫu môi nói:

- Tao đã bảo châu châu như thế là châu châu ma, có sai đâu!

Thằng Tân đáp:

- Ủ, mà trông nó ghê thực. Lúc ấy nó bò vào cổ tao mà tao sợ quá, tao chắc thế nào nó cũng cắn chết tao. Nhưng không phải ma đâu vì tao không chết.

- Không là ma lại thế. Thế ông xã không chết à?

Thằng Tân cãi:

- Ông xã chết tại người ta chém, tao không biết ai chém; con châu châu biết chém đâu...

- Mà không biết nó bò đi đâu nhỉ?

- Tao bắt được.

- Thật không?

- Thật. Nhưng tao vút nó vào bếp ngay. Nhưng nó là ma thì không chết đâu, nó biến đi. Nhưng tao không sợ.

Thằng Tân ruỗi căng ra gãi và hỏi nữa.

- Nhưng mày bắt được lúc nào?

- Lúc người ta khiêng ông xã về nhà. Trước lúc ấy tao vẫn ngồi ở bờ ruộng dưới gốc cây đa vẫn chỉ coi trâu. Con trâu của nhà thằng Sứt, không có ai coi, đến ăn lúa ruộng nhà ông xã. Tao nghe tiếng ông xã trong bụi tre chửi con trâu ấy, rồi như đi tìm cái gì ném đuổi nó đi.

Cu Tân vội hỏi:

- Thế mày có ném ra cái gì không?

- Không. Ông ấy chửi một cái nữa rồi thôi không nói gì. Mà con trâu cũng không đi. Thế rồi, một lúc lâu, tao thấy tiếng mày kêu to lên, rồi có tiếng nhiều người chạy đến, vì người nhà ông Thứ ở cạnh đấy cũng nghe thấy mày kêu. Tao bỏ trâu chạy vào xem thì thấy mày nằm bên ông xã. Lúc ấy thì ông xã chết rồi.

Thằng Tân yên lặng, ra dáng nghĩ ngợi. Nó nhìn trào mặt bạn nó như nhìn một người lạ, rồi lại trông đi.

Thằng Tý nói tiếp:

- Tao sợ quá mày ạ; tao tưởng mày chết thực, nhưng người ta bảo không hề gì, lúc khiêng mày với ông xã đi, tao đứng xem thì còn thấy con châu châu ma đang bò trên cái liềm; tao mới lấy cả cái liềm lên; thế rồi thì là...

Nó mới nói đến đó thì thằng Tân vùng đứng dậy chạy băng đi, hớt hơ hớt hải về nhà, vào buồng, xuống bếp, luôn miệng hỏi:

- Thầy đâu hử? Thầy tôi đâu?

Lúc nó thấy thầy nó ở sau vườn lên, nó chạy ngay lại cầm lấy tay mà bảo.

- Thầy ạ, con biết tại sao ông xã chết hôm nọ cơ!

Thầy nó cau mày hơi gắt:

- Thôi đi chơi đừng nói láo!

- Kìa, thực đấy mà! thực đấy mà!

Nó nói câu đó bằng một thứ giọng rất thực thà vẻ mặt rất nghiêm trọng, khiến ông lý

Bằng phải chú ý rồi hỏi:

- Ủ thế ai giết ông ấy?

- Cái lưỡi liềm! Vâng, cái lưỡi câu liềm! Ông xã muốn đuổi con trâu nhà thằng Sút đi, mới lấy cán câu liềm mà lao... Bất đồ vô ý, để cho lưỡi quặp vào trong, ở ngay sau đầu... nên lúc ném đi... phải rồi... chắc hẳn thế...

Cái tia sáng nẩy ra trong óc đứa trẻ đã cho nó tìm được ra sự thực. Song người lớn còn đạo mạo suy xét đến những lẽ sâu xa hơn; bởi thế thầy thàng Tân không thềm nghe lời nó.

MA XUỐNG THANG GÁC

Tôi hôm ấy sáng trăng.

Chúng tôi tất cả có tám người, họp nhau ở nhà anh Đình, một cái nhà gạch hai tầng ở gần vùng quê, chung quanh toàn ruộng vườn mênh mông và những ao chuôm đang lấp dờ. Nhà này ngoảnh mặt ra con đường đá nhỏ. Bên kia đường là một rặng dâu cần cỗi;

Sau vườn dâu, có một nhà lá lụp xụp, vắng vẻ như không bao giờ có người.

Chỗ nào cũng như bỏ hoang, cả đến cái nhà chúng tôi đang họp cũng thế. Anh Đình thì chỉ ở trên gác. Tầng dưới không có ai thuê. Nếu chúng tôi không kê lại cái phản gãy chân với đem mấy cái bàn ghế của anh Đình xuống thì dưới nhà không có chỗ nào ngồi.

Một cái đèn vách treo trên tường, lại phải thêm hai cây nến nữa mới đủ sáng. Lúc ấy đã mười giờ rưỡi. Cửa ngoài và cửa sổ hai bên đều khép, chỉ để ngó cái cửa sổ trông vào sân sau.

Các bạn tôi thì nằm ngổn ngang trên cái phản kê sát bức vách trong. Tôi ngồi vẽ ở một đầu bàn. Phi Nga ở đầu bàn bên kia thì mãi đánh phấn thoa son trước cái gương để cạnh một cây nến. Tôi nói:

- Đã khuya rồi mà còn làm đóm mãi.

Phi Nga chỉ mỉm cười rồi cứ lặng yên ngắm vuốt. Bỗng dưng anh Duyệt đến sau lưng ôm choàng ngay lấy “cô ả” bé đến ngồi một nơi, nói một cách văn vẻ:

- Em ơi, Phi Nga yêu quý ơi! Đêm nay trăng thanh gió mát, trời đất chứa chan một bầu không khí ái ân. Em có thấu cho lòng anh chăng? Có thấu chăng lòng khao khát bấy nay... Em có thương đến...

Các anh kia đang chống tay ngồi dậy xem, thì Phi Nga vùng dậy chạy đến bám lấy tôi giọng nói làm ra bộ năn nỉ:

- Khổ quá. Anh để cho đũa thô tục kia phạm đến em như thế hay sao? Em chỉ yêu anh thôi...

Rồi ngoảnh lại bảo Duyệt:

- Tôi không yêu anh. Tôi chỉ yêu người tình họa sĩ của tôi thôi... Anh tầm thường lắm.

Cả bọn phá lên cười. Tôi vuốt ve Phi Nga. Duyệt thì nắm tay chống sườn, đứng trợn mắt măm miệng một cách khôi hài trước mặt chúng tôi.

Cửa bỗng mở toang làm mọi người trông ra: Anh Đình với bóng trắng cùng chạy vào một lượt. Đình mang ở đâu về một gói bánh tây, bánh dày, bánh tẻ với giò chả. Anh ta đem phân phát mỗi người mấy cái rồi ngồi cùng ăn.

Tôi vừa nhai bánh dày vừa nói:

- Này thôi, chúng ta đừng nô đùa nữa. Ăn rồi đi ngủ sớm đi, để tối mai mà thức. Còn cô này nữa (chỉ Phi Nga), bỏ quần áo ra, rửa mặt đi. Ngày mai tập lại một lần sau cùng. Tối mai khai diễn rồi đấy.

Vì tối hôm sau là tối diễn vở kịch của chúng tôi thực. Vở kịch ấy tôi vừa soạn ra vừa làm người xếp đặt chỉ bảo. Phi Nga đây, tức là một anh bạn cũ, người nhỏ nhắn, nên đóng một vai thiếu nữ. Hai anh Trường và Đức cũng đóng vai con gái, nhưng bỏ cả lót ra rồi.

Chúng tôi mượn được nhà anh Đình tập diễn đã tám chín ngày. Hôm đó tập khuya hơn cả.

Chả anh nào buồn ngủ vội. Cái vui vẻ của sự đồng lòng làm cho các bạn tôi thức tỉnh cùng nhau bàn đến lối dàn cảnh, và đã trông thấy trước cái kết quả hôm sau.

Anh Tú là người đóng vai Phi Nga tuyệt khéo, tiếng nói mềm mại dẻo dang, mà lúc ăn mặc đàn bà vào thì trông đáng yêu lắm. Nhưng anh ta phải cái tính trẻ con, là sau khi tập diễn, thường để nguyên quần áo vai kịch mà đi điếu ở ngoài đường. Có bận anh ta cả gan lên các phố đông, gặp chàng công tử nào cũng liếc. Tôi đã phải nhiều lần bảo khế:

- Này! Đừng có đứ đờn mãi, không lại được nếm mùi com nhà pha.

Phi Nga bĩu môi:

- Mắt thánh cũng không biết được là tôi giả gái.

Tối hôm ấy, anh Tú trong bộ quần áo Phi Nga nhất định đòi ra với tôi. Tôi giảng giải thế nào cũng không nghe, đã toan làm mặt giận, nhưng đối với anh ta trong lúc ăn mặc một cách óng ả yêu kiều thế kia thì không nổi. Sau tôi nghĩ được một kế. Tôi biết chỗ yếu của anh Tú, liền bám sẽ anh Đình kể câu chuyện quái gở ở nhà này cho Tú nghe.

Chuyện này chỉ có Đình là người ở đây, với tôi biết.

Đình uống nước rồi nói:

- Này anh Tú ạ, nhà này có ma đấy! Nếu anh muốn ra thì ra một mình. Rồi tìm chỗ nào mà ngủ chứ đừng về đây, về thì thế nào cũng bị ma nó nhát.

Anh Tú sợ ma lắm, nhưng lại rất thích chuyện ma, thấy thế liền ngồi lại hỏi:

- Có thực không?

- Có đời nào anh thấy tôi nói dối?

Các anh khác cũng hỏi Đình:

- Nhà này thực có ma ư? Thế sao anh ở được?

Anh Đình đáp:

- Để tôi kể các anh nghe.

“Nhà này là của ông chú họ tôi làm để cho thuê được hơn mười năm nay. Khi người ở thuê sau cùng dọn đi thì chú tôi định chữa lại cái cầu thang ngoài cửa với cái buồng trong dưới này. Bởi thế không cho ai đến ở vội. Hồi ấy đang lắp một cái đàm bên cạnh và định còn làm thêm mấy gian nhà nữa để cho thuê.

Bỗng một hôm, có một tên ăn trộm phải án nhiều lần bị người ta tóm được gần đây, không biết lừa thế nào mà vùng khỏi tay mấy người đội xếp. Bọn cảnh sát chia ra các ngã đuổi, thì nó chạy về con đường này rồi tưng thế phải chạy vào đây trốn. Nó lên ngay trên gác, vì cửa thang gác trông ra đường vẫn mở và chùng như nó biết là vẫn bỏ không. Nhưng bọn cảnh sát trông hút thấy. Họ liền ào cả đến đập cửa thành thành. Sau họ phải nạy những tấm ván bung ở cầu thang ra mới có lối lên gác. Nhà ngoài không có ai. Buồng trong cửa đóng chặt. Họ hết sức phá được cánh cửa thì thấy tên ăn trộm đã thắt cổ bằng cái dây thừng buộc lên xà nhà.

Từ hôm đó trở đi, những người thợ nề ngủ đêm ở đây thường bị hồn thằng ăn trộm hiện lên nhát. Họ thấy một người quần áo nâu suốt đêm đi đi lại lại trên sàn gác, rồi lại đến đứng trên đầu họ hàng giờ. Họ nói với chú tôi. Chú tôi đến ngủ cũng thấy y như vậy.

Sau phải bỏ dở các việc sửa chữa và để không gian nhà trong ít lâu.

Hồi ấy tôi ở trọ một nhà trên phố, vừa tốn kém vừa ăn ở không được yên tĩnh. Tôi nghe thấy hết chuyện mới xin với chú tôi cho tôi dọn xuống đây thì ông ưng liền. Nhiều người cho tôi là điên cuồng, nhưng tôi không nghe ai hết. Tôi không tin những điều tôi vẫn cho là huyền hoặc ấy. Mà dẫu có ma quỷ thật chẳng nữa thì nó đã làm gì được mình?

Tôi nghĩ thế nên cứ đem giường, bàn, hòm xiềng đến đây cùng ở với thằng Ngô là một đứa đầy tớ dở hơi, nhưng được cái chẳng sợ gì cả. Bây giờ nó về quê rồi mà tôi vẫn phải cố chờ nó ra vì không mượn được ai thay nó.

Tối hôm đầu ở nhà này kể cũng không phải là một tối êm đềm lắm... Tôi khêu to ngọn đèn nằm đọc sách trong gian nhà trong trên gác (là nơi kín đáo sạch sẽ nhất), kéo chăn lên tận cổ, vì hơi ấy về mùa đông. Quyển sách tôi đọc là một thứ sách khoa học lý luận.

Phải nói thế để cho các anh biết rằng tôi có ý tìm những cảm giác có thể phản lại cái lòng hồi hộp phảng phất của tôi lúc bấy giờ... Thì ra chính vì cái chủ ý kia đã làm chứng rằng tôi không hẳn được bạo như tôi tưởng.

Nhưng tôi quyết rằng không đời nào sợ ma.

Tôi lại có cái lòng mong ước của phần nhiều người trong bọn mình, là muốn gặp con ma nữa kia... Tuy vậy, không hiểu sao, tâm hồn mình lúc ấy không được vững vàng, như e ngại một điều gì không lành... Nhìn đồng hồ thấy đã mười hai giờ rồi.

Ngoài cửa sổ đưa vào một hơi gió đen tối. Trang sách của tôi loạt xoạt bay như một tàu lá. Ngọn đèn trên đầu cứ nhảy bập bồng.

Mắt tôi vẫn nhìn những hàng chữ in. Nét mặt hết sức bình tĩnh như không. Nhưng trống ngực đập mạnh làm tôi khó thở... Tôi sẽ liếc mắt sang bên trái: Không có gì..."

Câu chuyện đang đến chỗ quan trọng thì bỗng anh Đàm là một người lỗ mãng nhất ngăn lại hỏi anh Đình:

- Nhưng này! Anh nói thực đấy chứ?

Đình hơi có ý bực:

- Ô thế anh tưởng tôi bịa hay sao?

- Hừ!... Thế nhưng mà...

Chúng tôi mắng Đàm:

- Chặc! Anh không tin mặc anh, nhưng cứ ngồi yên đấy!

Mọi người im phăng phắc chờ anh Đàm nói tiếp, Phi Nga nóng nảy đòi ra lúc trước bấy giờ cũng ngồi đến tái xanh người đi. Anh chàng đã kéo hai chân lên ngồi xếp vòng trên giường và nắm lấy tay tôi thực chặt.

Đàm lại kể tiếp:

"... Tôi liếc mắt sang bên trái không thấy gì hết. Lại liếc sang bên phải: Cũng không. Tôi định đọc nốt trang nữa, hết mục rồi thôi. Nhưng chữ sách không còn ý nghĩa gì nữa.

Bấy giờ tôi mới thấy rợn. Tôi không đưa mắt như trước, quay hẳn đầu sang phía cửa, rồi ngược đầu nhìn thẳng lên cái bàn nhỏ kê sát đấy: Con ma đang đứng ở đầu giường.

Phải. Con ma. Con ma đàn ông, hình vóc gầy gò y như người kẻ trộm mà họ kể chuyện với tôi bữa trước. Nó đứng yên một lúc lâu lắm, chỉ có cái đầu là ngoảnh nhìn hai bên, mà nhìn một cách rất thờ ơ, rất chậm chạp. Nó hiện lên ngay trước lối cửa vào, cách đầu giường tôi độ hai bước. Ngọn đèn dầu chỉ để tôi trông thấy rõ cái mặt trơ trơ của nó với cái áo nâu cộc. Nửa mình dưới thì mờ tối như trong bức ảnh bán thân.

Lạ một điều là rợn với sợ của tôi lúc ấy đi đâu mất cả. Tôi thấy mình thản nhiên lắm. Nói đùa mà chơi, giá phải ma thiếu nữ, hay là hồ tinh như trong Liêu Trai nữa, tôi sẽ sẵn lòng ngồi lên nói chuyện cho đỡ buồn. Nhưng trông cái vẻ mặt lạnh lẽo khô khan của bác này thì hết muốn. Quyển sách tôi vẫn cầm ở tay, gió thổi giờ quá mát bốn năm tờ.

Tôi rửa lên một tiếng Tây:

- Sapristi! (Tiếng rửa thân mật)

Ngoảnh lại con ma đã tan mất.

Hết đêm ấy tôi ngủ chập chờn lắm. Vì trên gác, từ nhà trong ra nhà ngoài cứ thấy lịch kịch những tiếng khuân bàn kéo ghế luôn. Một lần tôi định quát lên một câu rất to “Có để cho người ta ngủ không!” nhưng bỗng khan khách có tiếng cười giòn lảnh với tiếng rên.

Tôi nín hơi nghe xem. Thì ra là thằng nhỏ nó cười trong mộng.

Sáng hôm sau tôi nói chuyện đó với thằng Ngô và đi xem xét mọi nơi: Chẳng thấy cái gì lạ hết. Những thanh với những phiến gỗ cất dờ chỗ nào vẫn nguyên chỗ ấy. Cửa trên nhà với cửa dưới đóng rất cẩn thận, còn cửa sổ tuy đang chữa cánh, nhưng có chấn song.

Tôi còn thấy con ma hiện lên đêm hôm sau. Rồi lại đêm hôm sau nữa. Rồi mãi thế đến hơn hai tuần lễ. Rồi một đêm kia thấy im. Cái nhà tôi ở đây chỉ khác mọi nhà thường là duy có một mình tôi dám ở. Cũng có đêm trời âm u mưa gió, “người khách” ở chung với tôi tính khí không được ôn hòa. Nhưng tôi không để ý gì. Mà hễ tôi không ngủ được vì thấy hắt đứng ám tôi, hay vì tiếng “dọn nhà” suốt đêm thì tôi chỉ nói một câu:

- Làm vừa vừa chứ, người ta mai phải dậy sớm làm việc kia mà!

- Hay quá lắm, bắt chước hôm đầu: “Sapristi!” một tiếng rất lớn thế là hết.

Ở với nhau đã năm rưỡi nay rồi mà không có điều tiếng gì cả. Lâu dần thành ra tôi hiểu được tính hắt, mà như hắt cũng hiểu được tính tôi. Chúng tôi cùng thích yên lặng như nhau. Không muốn ai đến quấy rối.

Các anh đến đây tập diễn kịch, bởi chỉ ở dưới này, lại là bạn tôi, nên con ma không “nói” gì cả. Nhưng thử người khác đến thử xem.”

Sau câu chuyện, anh Đàm là người nói lên trước hết:

- Khéo đấy, anh bịa đặt ra khéo đấy. Nhưng chỉ có anh với bọn non gan này là tin thôi. Đòi thưởng nào lại...

Tôi lờm Đàm:

- Anh, ở đời anh chỉ có hai việc, là phá hoại với hoài nghi thôi.

Đàm nhún vai cười:

- Với khôi hài nữa chứ!

Cả anh Đình cũng bật lên cười với chúng tôi.

Rồi Đình nghiêm sắc mặt dặn dò chúng tôi đừng ai lên gác làm gì, chỉ để một mình anh ta ngủ trên ấy thôi. Cũng đừng nên sợ hãi gì và nhất là đừng tìm cách trêu ghẹo “hấn”.

Đoạn anh Đình chào chúng tôi mà lên gác.

Bảy giờ đã quá nửa đêm. Cái bóng trăng xuyên thẳng vào giữa nhà ban này, lúc ấy đã thu ngắn lại và soi chéch vào một bên tường.

Đình trước khi đi qua cửa ngách lên cầu thang, toan đóng cửa ngoài lại, nhưng tôi bảo cứ để yên cho mát.

Đình lên gác rồi, chúng tôi thì thảo bảo nhau:

- Thăng cha bạo khiếp!

Rồi tắt đèn, tắt nến bảo nhau đi ngủ.

Tôi đang cố im lặng để chờ giấc, thì anh Trường là một người bạn đóng vai con Nhài, bỗng nói:

- Anh Lịch ạ, tôi không ngủ được.

- Thì thức!

- Ủ, nhưng tôi không muốn nằm đây mà nghe các anh ngáy đâu.

Tôi nói:

- Thì bịt tai lại. Hay là... đi nói chuyện với ma.

Anh Đàm nằm trên bàn phi lên cười:

- Con bé Nhài này gớm thực, bây giờ lại đâm ra mê cả ma nữa!

Đàm vốn là người vui vẻ nhanh nhẩu và lỗ mãng. Anh đóng vai thằng Quýt trong vở kịch của chúng tôi.

Trường nghe thấy tiếng anh ta, mắng át một câu rồi lại ghé vào tai tôi nói:

- Này, anh ạ, tôi... muốn lên gác.

- Hử? Lên gác?

- Phải. Tôi muốn lên gác nằm với anh Đình... không nhân dịp này để xem thực hư còn chờ lúc nào. Tôi muốn thấy ma lắm... Mà tôi không tin hẳn câu chuyện anh Đình nói.

- Thế nhưng mà...

- Không! Anh đừng can tôi.

Nói rồi vùng đứng xuống đất. Tôi chưa kịp giữ thì Trường đã chạy ra giữa nhà. Tôi gọi lại. Trường đáp:

- Anh cứ để mặc tôi.

Bây giờ tiếng cười nói được thể nhao nhao lên, người hỏi câu này, người chế câu kia, vì các bạn tôi ai cũng còn để tâm đêm câu chuyện ma, chưa ai ngủ được. Anh Tú thì cứ thờ dài, nằm co ở một bên tôi, chép miệng hỏi:

- Khiếp! Lại còn cái gì thế nữa?

- Dạ thưa cô – lời Đàm nói – con Nhài nó phải lòng ma đấy ạ!

- Khiếp anh Đàm nói những câu tợn quá!

Một anh nằm trên ghế nói:

- Bây giờ là mấy giờ rồi còn pha trò?

Mấy người bạn hỏi tôi sao để anh Trường lên. Tôi chưa trả lời thì có người cho là con ma quấy rầy. Đàm nói:

- Không phải là ma rủ. Anh ấy muốn làm mặt bạo đi xem ma đấy chứ gì? Nhưng làm quái gì có ma? Các anh cứ để yên, tôi sẽ giả làm ma trêu cho một mẻ mới được.

Nói rồi chống tay ngồi dậy, đứng xuống đất, đi chân không lần đến bên ghế lấy một cái áo đen mặc vào mình.

Một anh can:

- Này anh Đàm! Anh Đình đã bảo đừng làm rầy rà ra, lại còn không nghe...

Lúc anh Trường đã lên khỏi cầu thang, tôi nghe tiếng quẹt diêm ở gian nhà ngoài trên gác nên bảo mọi người đừng nói nữa. Anh Đàm đứng gài nút áo. Một người bạn ngồi dậy rồi tất cả dậy theo.

- Này anh Đàm! Đã bảo thôi mà...

- Thôi anh Đàm, đừng nghịch nữa!

- Anh Đàm bướng quá! Chỉ hay phá rối thôi. Không khéo ma nó bóp lè lưỡi ra mới biết hồi.

Câu sau cùng là của anh Duyệt. Đàm trả lời:

- Bấm quan lớn, vâng ạ. Con sẽ biết hồi khi nào ma của ngài đến bóp lè lưỡi con.

Nhưng không ai muốn cười vì câu pha trò không gặp lúc.

Chúng tôi can mãi cũng không được, sau phải để Đàm lên. Và lại, xin thú thực, trừ có anh Tú, ai cũng muốn biết câu chuyện ma là có thực hay không. Anh Tú bó gối ngồi bên tôi phàn nàn. Còn thì không ai nói câu nào cả.

Ngoài bậu cửa, chỉ còn một nét ánh sáng trắng mỏng mảnh. Trên dải đường trắng xóa chạy ngang trước nhà, không có một bóng người nào qua lại. Chúng tôi yên lặng nhìn nhau. Trông cái lũ người ngậy ra trên tấm phản trong đám tối kia có một vẻ đến kỳ khôi.

Chúng tôi đều có một thứ cảm giác ghê rợn và lo ngại.

Tôi vừa nóng ruột vừa lo sợ cho cả hai người bạn tôi.

Anh Tú ra dáng không nhịn được bực tức, lảm bảm nói:

- Đùa gì lại đùa tinh quái thế? Anh Đình đã bảo con ma ấy mà trêu vào nó thì nó không để yên cho đâu.

Tôi quàng tay bá vai Tú để yên ủi vuốt ve vì tôi yêu Tú như một cô em gái nhỏ.

Mọi người nín im thin thít. Bỗng Tú kéo tay tôi bảo khê:

- Này nghe!

Quả nhiên trên đầu chúng tôi có những bước chân bắt đầu đi. Bước chân đi ngày một thêm nặng: Bịch, bịch, bịch!

Rồi im.

Rồi lại bước liền: Bịch, bịch, bịch!

- Tiếng chân anh Đàm hẳn? Nhưng sao bước lạ lùng thế?

Im một lát. Rồi lại bước nữa. Lần này bước mạnh và nhanh.

Rồi bỗng dừng như thấy đá đổ ở lưng chừng núi xuống một lượt: Đó là những bước chân chạy nhanh và mạnh một cách dữ dội ở trên cầu thang.

Tôi vội gọi các bạn đến bên cái cửa ngách cho anh Trường khỏi sợ, vì chắc chỉ là anh Trường bị Đàm nhát.

Tiếng chân chạy đến giữa cầu thang thì ngừng.

Rồi lại rầm rầm chạy xuống.

Rồi, từ cái cửa ngách tối đen, một bóng người chạy ra níu lấy tôi mà gọi không ra tiếng.

Ánh trăng không đủ sáng đến chỗ đó. Trong lúc bối rối, tôi chưa rõ ai. Người kia bám chặt hết sức lấy tôi, vừa cố nói vừa rên:

-... M... m... a! M... ma! Tôi... thấy ma!

Rồi nín lặng.

- Làm sao không phải tiếng Trường?

- Ai?

- Thế Đàm đâu?

- Sao? Sao?

- Thắp đèn lên!

Bằng ấy tiếng nói lên cùng một lúc.

Một người bạn thắp đem lại một cây nến, soi vào tận mặt người ấy, thì ra anh Đàm.

Đàm mặt cắt không ra máu, mắt mở, con ngươi như lòi ra ngoài. Anh thấy chúng tôi và ngọn nến mới định được trí. Nhưng cái tay vịn tôi vẫn còn run lẩy bẩy, mà chực nói thì chỉ nghe thấy tiếng răng va nhau.

Tôi đỡ vững lấy bạn rồi gọi:

- Anh Đàm! Anh Đàm! Anh Đàm!

Đàm lắc đầu “Hử!” một tiếng. Mắt mở, nhưng không có tinh thần.

- Anh Đàm! Tỉnh chưa?

- Rồi!

- Thế nào thế!

- Thế này!...

Anh ta đứng hẳn lên, nhìn lại đằng sau rồi bảo:

- Nó sắp xuống đấy!

- Ai?

- Con ma!

- Con ma? Có ma thực ư? Sao thế? Trường đâu?

Đàm thưa:

- Để yên tôi nói... Trường còn ở nhà trong... nằm với Đình... không biết có biết không... Tôi... ở ngoài này... định đi... vào nhà trong... để...

- Thờ đi rồi hãy nói!

Đàm thờ mạnh một cái rồi lắc đầu:

- Tôi định vào nhà trong... định gãi chân kéo tay Trường... Nhưng bỗng trông ra cửa sổ phía ngoài đường... thì... thấy “nó”. Nó! Con ma ấy! Nó đi lại gần đây. Tôi lùi nó tiến. Tôi đứng, nó đứng. Rồi nó cứ lừ lừ như quả núi áp lại gần tôi. Tôi hoảng lên chạy thì nó đuổi. Suýt nữa nó vớ được tôi. Tôi liền chạy xuống thì nó cũng làm mặt chạy theo... Nó sắp xuống đấy.

Đàm ngừng một lát, trông tôi rồi lại nói, mặt anh ta có một vẻ đặc biệt.

- Phải. Thế nào nó cũng xuống... Cứ nghe xem.

Bấy giờ chúng tôi đứng ngay trước cửa ngách lên gác. Theo lời anh Đình thuật, chỗ này là chỗ mấy người cảnh sát bẫy ván ra để xông lên. Anh Đình đem sửa lại để làm lối lên cho tiện.

Ngọn nến ở tay anh Thành cử động chập chờn soi vào sáu bảy cái mặt kính dị.

Chúng tôi vừa nhìn cái cửa ngách tối om vừa lắng tai nghe.

- Đây này... Nghe xem.

Đó là tiếng Đàm mách.

Từ đầu thang gác, hình như những bước chân không đang xuống. Xuống một cách rất thong thả – rất chậm chạp mới đứng. Mà càng xuống càng chậm thêm.

Thang gác này đã cũ, nên dưới mỗi bước chân, bực thang lại kêu cọt kẹt... Đi tới giữa chùng thì con ma ngừng bước. Tôi có cảm giác như nó đang nghĩ ngợi gì thì phải.

Đợi đến chùng một phút rất lâu, không thấy động, chúng tôi đã tưởng con ma trở lên.

Ngọn nến cứ nhỏ giọt xuống tay anh Thành mà anh ta vẫn không biết. Lúc ấy anh

Thành lựa đứng ở một bên cửa để tránh luồng gió cho lửa nến cháy thẳng khối bập bùng. Anh Đàm thì đứng bên kia. Anh ta nghe tiếng chân ở cầu thang như nghe giờ chịu tội. Nhưng có chúng tôi đó nên cũng đỡ lo.

Cầu thang lại bắt đầu kèn kẹt kêu: Bước chân nhận lên bực ván cứ dần dần gần xuống.

Tôi nghe rành rẽ lắm: Một bực... hai bực... ba... bốn... năm.

Còn gần một chục bực nữa thì xuống tới nơi.

Bước chân chậm đi, nhưng không ngừng nữa.

Một... hai... ba... bốn... năm.

Một luồng gió lạnh đưa ra. Sau bực ván mỏng ngăn chúng tôi với cuối cầu thang, tôi đoán thấy hình tượng một người đang nghe ngóng. Chúng tôi thấy máu trong mạch như chảy chậm lại, cùng nhau đứng lặng như hình nhân. Rồi không đầy mười giây đồng hồ từ trong cái khung đen chữ nhật cao hơn đầu dần dần hiện ra một người, không: Một thân hình người. Không: Một cái thân người biết cử động! Đầu tóc lơ thơ, khuôn mặt hốc hác, nước da xanh nhợt. Ánh nến chiếu rõ ràng vào trán nó, lên cái sống

mũi dài của nó, lên lưỡng quyền nó. Lên hai má hóp vào sâu và tối như thủng. Hai mắt nó mở nhưng đục lơ lơ, nhìn thẳng vào chúng tôi.

Tôi đứng bên trái anh Thành, anh Thành đứng ngay cạnh nó. Tôi nghe tiếng nó phì phò thở rất chậm chạp, thờ như người mệt mỏi. Ngực nó như một cái lồng xương phủ chiếc áo nâu nhạt, theo hơi thở mà sẽ nhô lên và lép xuống.

Tôi cứ muốn đưa tay ra sờ vào người con ma, nhưng chưa dám, vì giữa nó và tôi có anh Thành.

Tôi định men đến gần, thì bỗng có ai bám vào tay tôi. Đưa mắt lại xem ai thì tôi thấy là anh Tú. Tôi không biết Tú vớ được cái tay thước ở đâu và từ lúc nào để nhét vào tay tôi. Mặt anh chàng tái mét. Nhưng có lẽ cái sợ quá chừng thường dẫn đến cái táo tợn.

Tôi hiểu ý anh Tú, nên nắm chặt lấy cái tay thước gỗ. Nhìn vào con ma thì vẫn thấy mặt nó điềm nhiên. Từ lúc nó hiện ra chưa đầy nửa phút.

Anh Tú cứ lấy tay bám tôi ra ý thúc giục.

Tôi liền định trí lại, chọn một chỗ tốt trên đầu con ma để rồi đánh lên một cái hét sức bình sinh.

Con ma lúc ấy thở mạnh quá, ngọn nến tạt mãi về một bên. Tôi nhắm môi vào, lựa trước lối đi của cái tay thước thì ngọn nến bỗng vụt tắt... Tôi liền nhắm mắt nện một cái rất dữ lên cái trán tôi nhắm sẵn. Mọi người xông xáo cả lên.

Tức thì một cái bóng đen đậm đầu chạy đến giữa nhà rồi nằm gục xuống. Tôi nhìn vào nó không rời mắt, vì tôi quyết đó là bóng con ma. Bỗng thấy nó ngồi lên, vừa quần quai rên vừa chắt lưỡi.

- Hừ... tôi... chết... rồi... Tôi... chết... mắt!

Thế rồi im.

Tiếng anh Tú hỏi tôi:

- Đền bám của anh đâu?

- Để trong ngăn kéo.

Duyệt lại hỏi:

- Nén đâu thế?

Thành đáp:

- Đây.

- Sao không thắp lên?

- Tôi còn tìm bao diêm không biết rơi đâu mất.

Đến lúc có lửa sáng, chúng tôi đổ xô lại, thì cái bóng đen kia lại là anh Đàm.

Chúng tôi không kịp ngạc nhiên, vội vực Đàm lên phản. Rồi người thì thấp đèn thêm cho sáng, người thì xé áo buộc vết thương. Đàm nằm yên, không biết gì hết.

Cũng may mà vết thương không đến nỗi nguy đến tính mệnh, vì không trúng giữa đỉnh đầu. Không ngờ con ma ăn trộm kia lợi dụng chính tôi để hại người đã trêu ghẹo nó.

Anh Duyệt toan đi gọi Trường với Đình thì vừa lúc hai anh nghe tiếng ồn ào cũng vừa xuống tới nơi.

Trông cái vẻ kinh ngạc của hai anh, chúng tôi mới hiểu rằng Đàm lên gác mà Trường và Đình vẫn không biết gì. Đình lắc đầu:

- Thì tôi đã bảo mà, trêu vào nó làm gì?

Việc diễn kịch của chúng tôi, vì vết thương của anh Đàm, phải đình lại gần nửa tháng.

(Lời ghi cuối truyện: Truyện này thuật theo lời Nguyễn Quân Hiệp, một người bạn của tác giả)



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

[1] Người Tày.

[2] Năm 1929.

[3] Thứ dệp bện bằng rom của người Thổ dùng đi đường xa.

[4] Tiếng chửi rủa.

[5] Truyện ở sách Kim Cổ kỳ quan.